



NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – PHẠM NGỌC LAN
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – ĐINH PHAN CẨM VÂN

NGŨ VẦN

SÁCH GIÁO VIÊN

10

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – PHẠM NGỌC LAN
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – ĐÌNH PHAN CẨM VÂN

NGỮ VĂN

SÁCH GIÁO VIÊN

10

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



*Hãy bảo quản, giữ gìn Sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Quý thầy cô thân mến,

Sách giáo viên (SGV) *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* là tài liệu bổ trợ cho sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 10* của bộ sách này.

Sách gồm 2 phần:

Phần 1. Những vấn đề chung

Phần 2. Định hướng tổ chức thực hiện các bài học

Trong phần một (Tập 1) – ***Những vấn đề chung***, sách trình bày các vấn đề: *Cơ sở và quan điểm của việc biên soạn SGK; Những điểm mới nổi bật của SGK; Phương pháp, biện pháp, phương tiện dạy học; Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực HS.*

Trong phần hai – ***Định hướng tổ chức thực hiện các bài học*** – sách gợi ý về nội dung, cách thức tổ chức dạy học từng bài học trong SGK. Với mỗi bài học đều có hai mục chính: *Định hướng về mục tiêu bài học* và *Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học*. Ở phần này, sau khi nhấn mạnh các mục tiêu (phẩm chất, năng lực, yêu cầu cần đạt), lưu ý đặc điểm bài học, dự kiến phân bố số tiết và phương pháp, phương tiện dạy học,... sách đề xuất phương thức *tổ chức các hoạt động dạy học* (cách giới thiệu bài mới; cách hướng dẫn HS *đọc, viết, nói – nghe,...*) nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt.

Sách được biên soạn thành 2 tập, tương ứng với 2 tập SGK *Ngữ văn 10*.

Hi vọng rằng bộ sách này sẽ mang lại sự bổ trợ hữu ích, thiết thực đối với quý thầy cô.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 5

1. Quan điểm biên soạn SGK	5
2. Những điểm mới của SGK	10
3. Cấu trúc sách và bài học	21
4. Phương pháp, biện pháp dạy học	27
5. Phương tiện dạy học	42
6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực HS	43

PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC BÀI HỌC 45

Tập 1

Bài 1: Tạo lập thế giới (Thần thoại)	45
Bài 2: Sống cùng kí ức của cộng đồng (Sử thi)	69
Bài 3: Giao cảm với thiên nhiên (Thơ)	97
Bài 4: Những di sản văn hoá (Văn bản thông tin)	114
Bài 5: Nghệ thuật truyền thống (Chèo/ tuồng)	139

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA

Sách giáo khoa (SGK) môn *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* (NXBGD Việt Nam) được biên soạn dựa trên các VB pháp quy; các quan điểm dạy học Ngữ văn dưới ánh sáng của các lí thuyết dạy học và lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại. Cụ thể:

1.1. Tuân thủ các văn bản pháp quy

– Định hướng đổi mới giáo dục phổ thông được thể hiện qua Nghị quyết 29 về đổi mới chương trình và SGK phổ thông của Quốc hội: chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho người học.

– Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (CTGDPT) và CTGDPT môn Ngữ văn (Bộ GD và ĐT, 2018).

– Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD và ĐT.

1.2. Vận dụng các quan điểm dạy học hiện đại

1.2.1. Về vai trò của người học và người dạy

Sách *Ngữ văn 10* được biên soạn dựa trên tinh thần các lí thuyết về học tập như: học tập theo cơ chế “kiến tạo tri thức”¹ (J. Piaget), “kiến tạo xã hội”² (Vygotski, 1978), học tập thông qua hoạt động quan sát và tự điều chỉnh hành vi³ (Bandura, 1977), học tập thông qua trải nghiệm⁴ (Kolb, 1984).

Tinh thần chung của các lí thuyết nêu trên:

– Xem người học là chủ thể của quá trình kiến tạo tri thức và người dạy đóng vai trò hỗ trợ trong quá trình ấy.

– Cho rằng năng lực của người học, về cơ bản, chỉ có thể hình thành, phát triển thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.

¹ Jean Piaget (1896 – 1980), nhà tâm lí học và triết học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng về những nghiên cứu nhận thức luận với trẻ em, được mệnh danh là “nhà tiên phong vĩ đại cho lí thuyết học tập của chủ nghĩa kiến tạo” (Ernst von Glasersfeld).

² Socio – Constructivism Theory.

³ Xem thêm: Bandura, A. (1986). *Social Foundations of Thought and Action: A Social-Cognitive Theory*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.

⁴ Theo quan điểm này, “kiến thức được tạo ra thông qua sự biến đổi, chuyển hoá của những trải nghiệm”.

– Xem học tập là quá trình tương tạo¹ đa chiều giữa người dạy với người học, giữa người học với người học và giữa người học với môi trường xã hội.

Theo đó, SGK *Ngữ văn 10* thiết kế các hoạt động và các nhiệm vụ học tập phù hợp, tạo cho HS cơ hội trải nghiệm việc đọc, viết, nói và nghe, ... dựa trên những chủ điểm phù hợp với lứa tuổi. Qua đó, HS kiến tạo tri thức cho bản thân, phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và năng lực đặc thù mà chương trình yêu cầu. Trong vai trò là chủ thể học tập, HS được tạo cơ hội tham gia vào quá trình đánh giá kết quả học tập của bản thân thông qua việc thực hiện các bảng kiểm kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà sách đã thiết kế.

1.2.2. Về dạy học đọc, viết, nói và nghe theo tinh thần tích hợp

1.2.2.1. Dạy đọc

Việc hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động đọc hiểu các loại văn bản (VB), nhất là VB văn học, trong SGK *Ngữ văn 10* dựa trên thành tựu nghiên cứu hiện đại về lí luận văn học cũng như lí thuyết và kinh nghiệm dạy đọc hiểu từ các nền giáo dục phát triển. Chẳng hạn:

– Lí thuyết về thể loại lời nói và giao tiếp theo sơ đồ thể loại của M. Bakhtin², lí thuyết hiện đại về VB, liên VB³, ...

– Lí thuyết về tiếp nhận văn học (phê bình hồi ứng, mĩ học tiếp nhận)⁴ và xử lí VB⁵.

¹ *Tương tạo (transaction)*: khác với *tương tác (interaction)*.

² M. Bakhtin.

³ Liên VB.

⁴ Các nhà Mĩ học tiếp nhận đặc biệt coi trọng "tầm đón đợi" (R. Jauss) và "hành động đọc" (W. Iser) như là hành vi "hồi ứng" tích cực hay "đồng sáng tạo" của người đọc. Đặc biệt đáng chú ý là quan niệm về "hành động đọc", "cấu trúc mời gọi" và vai trò "hồi ứng" của độc giả. Theo W. Iser, khi nhà văn sáng tác tác phẩm theo một thể loại nào đó, VB tác phẩm ấy luôn hàm chứa hay được cài đặt sẵn một "cấu trúc mời gọi" (response-inviting structures), với một tập hợp những khoảng trống (blank), những "cái bất định" (indeterminacy), những phủ định (negation) nhằm "mời gọi" độc giả "tái cấu trúc", "cải tạo" (renovations), "gia công" (machining). Từ đó mà chủ động bổ sung cho VB những nghĩa mới, nghĩa khác (chứ không phải chỉ là tìm các nghĩa/ ý nghĩa vốn có trong VB; nhưng cũng không phải đưa ra các nghĩa/ ý nghĩa tùy tiện, trái ngược hoặc xa lạ với nghĩa/ ý nghĩa vốn có mà VB hướng đến và giới hạn).

Quan điểm này một mặt nhấn mạnh vai trò tích cực, chủ động của độc giả (kể cả bao gồm độc giả học đường); mặt khác, cũng cho thấy: khi tham dự vào cái "cấu trúc mời gọi" của VB, "tái cấu trúc", "cải tạo", "gia công", ... chủ động kiến tạo nghĩa cho VB, người đọc phải dựa vào những "khoảng trống", những "cái bất định", những "phủ định", ... được cài đặt trong cấu trúc như những tiềm năng. Đồng sáng tạo hay hồi ứng, ở đây, là hiện thực hoá các tiềm năng ấy của cấu trúc. Nó phải tuân thủ nguyên tắc, dựa trên những căn cứ từ VB và đặc trưng thể loại. Đó tuyệt nhiên không thể là sự "kiến tạo" nghĩa/ ý nghĩa một cách vu vơ, tùy tiện, ngẫu hứng, ...

⁵ Việc "xử lí VB" phải tuân thủ một số nguyên tắc. Chẳng hạn: Thứ nhất, "xử lí", "kiến tạo" phải trên cơ sở những "khoảng trống", những "cái bất định" hay "phủ định", ... từ chính VB; thứ hai, việc "xử lí", "kiến tạo" phải căn cứ vào "sơ đồ thể loại" (mỗi thể loại văn học, theo quy luật loại hình, có nguyên tắc, cách thức thiết lập các "khoảng trống", "cái bất định", "phủ định" riêng). Trong vai trò người tiếp nhận, người ta không thể "xử lí" một VB thơ trữ tình như "xử lí" một kịch bản văn học, hay một VB tự sự; "xử lí" một VB trang trọng không thể giống, không hẳn giống "xử lí" một VB hài hước, ... Điều này cho thấy: kiến thức nền về thể loại và kinh nghiệm đọc VB văn học theo thể loại, rõ ràng là hết sức quan trọng; và trên thực tế chắc chắn có chuyện đọc đúng cách và đọc sai cách dẫn đến các khả năng kiến tạo nghĩa cho VB đúng (nếu đọc đúng cách) hoặc sai (nếu đọc sai cách).

– Lí thuyết về đọc hiểu, dạy học đọc hiểu trong nhà trường đề cao quá trình trải nghiệm và các hoạt động tương tạo nơi người đọc là học sinh của Rosenblatt.¹

Với tư cách là những người đọc “chủ động” trong tiếp nhận, khi tham dự vào “cấu trúc mời gọi” của VB văn học, người đọc luôn cần sử dụng các kĩ năng đọc như *theo dõi, dự đoán, liên hệ, đọc lướt, tưởng tượng, suy luận, tóm tắt, khái quát hoá, đánh giá,...* để xử lí VB. Như thế, việc tạo cơ hội cho HS rèn luyện các kĩ năng vừa nêu để xử lí VB này là hết sức cần thiết.

Xuất phát từ các quan điểm trên, SGK *Ngữ văn 10* thiết kế việc dạy học đọc hiểu mỗi bài học theo một cụm ngữ liệu, với các tri thức công cụ về đọc hiểu loại² VB/ thể loại³ văn học dựa trên một hệ thống câu hỏi đọc hiểu bám sát mục tiêu (YCCĐ) đọc hiểu của chương trình. Hệ thống các câu hỏi này hướng dẫn HS thực hành đọc theo ba giai đoạn: *Trước khi đọc* (SGK THCS gọi là “Chuẩn bị đọc”), *Trong khi đọc* (SGK THCS gọi là “Trải nghiệm cùng VB”) và *Sau khi đọc* (SGK THCS gọi là “Suy ngẫm và phản hồi”).

Theo đó, các câu hỏi ở mục *Trước khi đọc* có tác dụng kích hoạt tri thức nền, huy động vốn sống và trải nghiệm đã có, chuẩn bị tâm thế, khơi gợi hứng thú của HS,... Các câu hỏi ở mục *Đọc VB* (trong các box *theo dõi, suy luận, dự đoán,...*) hướng dẫn HS trực tiếp đọc, thâm nhập VB, kiến tạo tri thức từ VB hiệu quả hơn. Các câu hỏi ở mục *Sau khi đọc* (theo ba mức độ *nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng*) giúp HS tìm hiểu, phân tích nội dung, hình thức, kết nối chi tiết, bộ phận trong tính chỉnh thể của VB, đánh giá ý nghĩa, tác động của VB,... theo các YCCĐ, quy định trong CTGDPT môn Ngữ văn. Đặc biệt, yêu cầu của các hoạt động *Sau khi đọc* hướng đến mục tiêu phát triển kĩ năng đọc sâu, đọc kĩ VB theo đặc trưng của từng loại/ thể loại VB ở HS.

1.2.2.2. Dạy viết

Để dạy viết hiệu quả, quý thầy cô cần lưu ý một số điểm dưới đây:

– *Viết* không chỉ đơn giản là tạo ra một sản phẩm chung chung. Trái lại, *viết* là tạo lập một sản phẩm giao tiếp. Ở đó, người viết thực hiện hành vi giao tiếp theo một “sơ đồ thể loại”, vận dụng quy cách của một kiểu VB nào đó khi tạo lập VB, nhằm đạt được một hiệu quả giao tiếp cụ thể.

¹ Louise Michelle Rosenblatt (1904 – 2005), nữ giáo sư người Mỹ, gốc Do Thái. Trong nhiều công trình của mình, Rosenblatt đặc biệt đề cao vai trò, quyền năng đồng sáng tạo của người đọc là học sinh thông qua trải nghiệm văn học của cá nhân. Ở đó, “các hoạt động và mối quan hệ của con người được coi là các tương tạo trong đó cá nhân và xã hội, văn hoá và các yếu tố tự nhiên giao thoa với nhau”. Không ít luận điểm khoa học của bà có tác dụng soi sáng, định hướng cho việc dạy học đọc hiểu VB trong nhà trường. Tuy nhiên, vì quá coi trọng vai trò trải nghiệm cá nhân, cơ chế kiến tạo nghĩa cá nhân, nhà nghiên cứu này đôi khi đề xuất những luận điểm cực đoan. Chẳng hạn, cho rằng: trong đọc hiểu, hoàn toàn không có chuyện “đọc đúng”, “đọc sai”; rằng: trong đọc hiểu, trải nghiệm văn học của cá nhân mới quan trọng, các thông tin khác về thể loại, VB, cũng như thông tin về tác giả,... là thứ yếu (các “thông tin về tác giả và VB như cuộc đời, sự nghiệp, quê quán, phong cách, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, thời đại,... chỉ còn là yếu tố thứ yếu hỗ trợ kiến giải VB”).

² *Loại VB*: như VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin.

³ *Thể loại*: như thơ, truyện, kí, kịch (và *thể*, tức tiểu thể loại như thần thoại, truyền thuyết, sử thi, truyện đồng thoại, truyện trinh thám, hồi kí, du kí, bi kịch, hài kịch,... thể thơ lục bát, thơ song thất lục bát, thơ tự do, thơ hai-cư,...).

– Trong lí luận dạy viết, nhiều nhà nghiên cứu¹ cũng coi kiểu/ loại VB như một kiểu phương tiện giao tiếp xã hội, thể hiện những nguyên tắc giao tiếp, đặc điểm văn hoá của một cộng đồng được các thành viên trong cộng đồng chấp nhận. Điều này cũng có nghĩa là để kiến tạo mỗi kiểu loại VB, người viết phải có những loại kiến thức và kĩ năng liên quan đến kiểu loại VB ấy.

– SGK *Ngữ văn 10*, thiết kế việc dạy học viết các kiểu VB mà chương trình quy định theo các quan điểm nêu trên và theo hai hướng tiếp cận dạy học viết hiện đại: dạy học viết theo mô hình cấu trúc kiểu VB và theo quy trình viết.

Một mặt, theo mô hình cấu trúc kiểu VB, SGK cung cấp một sơ đồ giản lược các đặc điểm chính của VB, kèm theo một VB trực quan (“mẫu” về kiểu bài) thể hiện một cách rõ ràng và đầy đủ các đặc điểm ấy. GV dựa vào đó để hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích cấu trúc, đặc điểm kiểu VB cũng như thao tác thực hiện bài viết.

Mặt khác, SGK cũng đặc biệt coi trọng việc hướng dẫn HS thực hành viết theo quy trình². Theo đó, một quy trình chung sẽ được thực hiện lặp lại với nhiều kiểu bài, nhằm thông qua thói quen mà tạo sự thuần thục ở HS.

Cụ thể, SGK hướng dẫn HS thực hiện viết theo quy trình 4 bước: 1. *Chuẩn bị trước khi viết*, 2. *Tìm ý, lập dàn ý*, 3. *Viết bài*, 4. *Đọc lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm*.

1.2.2.3. Dạy nói và nghe

Việc dạy học nói và nghe có một số điểm khác biệt so với dạy viết và đọc rất đáng lưu ý:

– Nếu như *viết* và *đọc* là các hành vi giao tiếp gián tiếp thì *nói* và *nghe* là các hành vi giao tiếp trực tiếp (face to face) trong học tập và sinh hoạt. *Nói* (cùng với *viết*), là cách tạo lập lời nói (hay VB) thể hiện ý tưởng trong giao tiếp với người khác. *Nghe* (cùng với *đọc*) là cách tiếp nhận thông tin để hiểu VB, lời nói và hiểu người khác. Vì là giao tiếp trực tiếp³, cùng với việc sử dụng lời nói (ngôn ngữ), cả người nói lẫn người nghe còn có thể tận dụng cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt,... (ngôn ngữ cơ thể).

– Tuy nhiên, yêu cầu tương tác kịp thời, hồi đáp nhanh nhạy đòi hỏi những kĩ năng giao tiếp có phần khác với giao tiếp thông qua viết và đọc. Chẳng hạn, để tương tác hiệu quả, đôi bên cần có cả kĩ năng nói lẫn kĩ năng nghe; đôi bên phải tuân thủ nguyên tắc luân phiên lượt lời, sự đổi vai trong nói và nghe (hội thoại). Điều này cho thấy: trong dạy học, kĩ năng *nói* không thể được dạy tách rời kĩ năng *nghe* và ngược lại. Do đó, chương trình *Ngữ văn 2018* không chỉ quy định YCCĐ về *nói*, YCCĐ về *nghe* mà còn quy định cả YCCĐ về *nói – nghe tương tác*.

¹ Chẳng hạn các công trình của Swales (1990), Swales (1990) và Martin (1984).

² Về dạy viết, nhiều nhà nghiên cứu giáo dục học bộ môn, trong đó có Flower & Hayes (1981), đã chỉ ra tạo lập VB là một tiến trình, không phải chỉ là một sản phẩm.

³ Ở đây, giao tiếp bằng lời nói được xem là giao tiếp trực tiếp; giao tiếp bằng/ qua VB được xem là giao tiếp gián tiếp.

– Việc phát triển kĩ năng nói gắn liền với các điều kiện: sự hiểu biết về các phương tiện ngôn ngữ; cách phối hợp các hành vi, cử chỉ phi ngôn ngữ; độ nhạy bén trong từng hoàn cảnh giao tiếp¹,... Do đó, bên cạnh việc hướng dẫn luyện tập các kĩ năng sử dụng tiếng Việt, nhà sư phạm cần tạo cơ hội để HS rèn luyện các kĩ năng liên quan đến việc phân tích, xử lí các nhân tố của hoàn cảnh giao tiếp, giúp cho việc giao tiếp (nói và nghe) hiệu quả.

Theo đó, SGK Ngữ văn 10 thiết kế các hoạt động nói, trình bày về một đề tài trong các bài học theo quy trình chung: 1. Chuẩn bị trước khi nói (gồm: xác định đề tài, mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói); 2. Tìm ý, lập dàn ý; 3. Luyện tập và trình bày; 4. Trao đổi, đánh giá. Đó là quy trình được lặp đi lặp lại với mục tiêu hình thành kĩ năng nói nghe trong giao tiếp, hợp tác đồng thời phát triển năng lực tư duy, khả năng tự kiểm soát hành vi, nhận thức, thái độ của bản thân trong giao tiếp.

1.2.2.4. Nguyên tắc tích hợp

Trên nền tảng dạy đọc hiểu VB theo thể loại tích hợp với chủ điểm, dạy đọc tích hợp với dạy viết, SGK Ngữ văn 10, bộ *Chân trời sáng tạo* cũng tận dụng triệt để tinh thần tích hợp dạy đọc với dạy tiếng Việt, dạy đọc với viết, dạy viết với dạy nói và nghe. Đây là xu hướng ưu việt và tất yếu của giáo dục hiện đại². Trong bối cảnh mà số lượng kiến thức của nhân loại gia tăng nhanh chóng, vô tận, nhà giáo dục không thể và không nên chạy đua về lượng mà cần chú trọng về chất, về loại và về kĩ năng. Việc dạy đọc hiểu theo thể loại, dạy viết theo kiểu bài, dạy nói và nghe theo loại/nhóm vấn đề; tích hợp dạy đọc với tiếng Việt, với viết, tích hợp dạy viết với nói và nghe;... theo tinh thần của bộ sách, có thể xem là những lựa chọn khả thi và triển vọng.

1.3. Cách vận dụng của nhóm biên soạn

Quan điểm được nhóm biên soạn quán triệt trong khi biên soạn bộ sách là:

a. Bám sát mục tiêu phát triển năng lực, đáp ứng hệ thống YCCĐ của Chương trình môn học Ngữ văn 2018.

b. Tích hợp dạy đọc hiểu theo thể loại và theo chủ điểm, tích hợp dạy đọc với dạy tiếng Việt, dạy đọc với viết, nói và nghe.

c. Tuyển chọn ngữ liệu và tổ chức dạy học đọc hiểu theo cụm VB.

d. Hỗ trợ HS tự học, tăng hứng thú cho người học.

¹ Theo Brown, K. L. (1981), *Teaching Speaking and Listening Skills in the Elementary and Secondary School*.

² Nhiều công trình nghiên cứu đã cho thấy tính ưu việt này. Dạy học tích hợp hướng người học vận dụng kiến thức, kĩ năng từ môn học và từ thực tế cuộc sống vào giải quyết một vấn đề (Fogarty, R, 1991; Davies, A., Politano, C., & Cameron, C, 1993). Mục đích quan trọng của dạy học tích hợp không phải là nhằm gia tăng số lượng kiến thức mà là giúp HS phát triển kĩ năng ứng dụng, chuyển hoá những gì đã được học vào các bối cảnh khác nhau. Cách tiếp cận tích hợp trong học tập cũng sẽ giúp bộ não phát triển tốt hơn (Jensen, 1996), giúp người học có kĩ năng giải quyết vấn đề của thực tế linh hoạt và hiệu quả hơn (Bredenkamp, 1992).

2. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA

Do bám sát Chương trình Ngữ văn 2018, SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo*, có nhiều điểm mới so với SGK hiện hành, về mục tiêu bài học, quan điểm và phương thức thực hiện việc dạy học tích hợp, cách kết nối nội dung dạy học, cách thiết kế các nhiệm vụ học tập,...

2.1. Bám sát việc đáp ứng các yêu cầu cần đạt của chương trình

Mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể (Bộ GD và ĐT, 2018) và CTGDPT môn Ngữ văn (Bộ GD và ĐT, 2018) đã được cụ thể hoá bằng một hệ thống các YCCĐ về đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ (giao tiếp) và năng lực văn học, đồng thời qua đó, phát triển ở HS các phẩm chất cơ bản. SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* xem việc bám sát mục tiêu và giúp HS đáp ứng được tất cả các YCCĐ là nguyên tắc cao nhất.

Các YCCĐ được thể hiện bằng những động từ chỉ những hành động mà HS có thể thực hiện được, đồng thời GV có thể đo được mức độ thực hiện các hành động đó.

Ví dụ: sau khi học xong bài 1 (*Tạo lập thế giới*), bên cạnh việc hình thành phát triển phẩm chất: “Trân trọng trí tuệ, tài năng và di sản nghệ thuật của người xưa”, HS cần đạt các yêu cầu về kĩ năng như sau:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật.
- Biết nhận xét nội dung bao quát của VB truyện kể; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện kể thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn.
- Viết được VB nghị luận đúng quy trình; phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một truyện kể.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể; nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

YCCĐ của từng bài học có các vai trò:

– Định hướng kết quả mà người biên soạn sách cần bám vào để giúp HS đạt được YCCĐ sau khi học xong mỗi bài học.

– Là căn cứ để đánh giá HS.

– Là căn cứ để GV thực hiện các phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học sao cho giúp HS đạt được yêu cầu (không nâng cao yêu cầu cũng không hạ thấp). Mọi hoạt động dạy học đều phải được thiết kế dựa trên YCCĐ của bài học.

Tuy nhiên, hệ thống YCCĐ mà chương trình yêu cầu khá đa dạng, nhiều nhóm, nhiều cấp độ có quan hệ tương hỗ phức tạp với nhau. Thực hiện tốt YCCĐ này là điều kiện thực hiện tốt YCCĐ khác, và ngược lại. Nếu bỏ sót một YCCĐ hay một chi tiết, bộ phận của một YCCĐ nào đó sẽ rất tai hại, và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu chung.

Nhằm bảo đảm tính bao quát và kiểm soát được hệ thống YCCĐ, nhóm biên soạn phải xây dựng ma trận chung cho từng tập sách và từng bài học.

Chỉ riêng với việc đọc hiểu hai VB chính trong từng chủ điểm – bài học, các YCCĐ lớn (N1, N2,...) nhỏ (a, b, c,...) đã phải được phân bố một cách hợp lý và đáp ứng đầy đủ. Ví dụ, để đáp ứng được các YCCĐ về đọc hiểu sử thi, HS phải thực hiện và đáp ứng đầy đủ, các YCCĐ lớn, nhỏ qua đọc hiểu hai VB: *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* và *Gặp Ka-ríp và Xi-la* (xem bảng 1).

Bảng 1. Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi đọc hiểu hai văn bản sử thi: *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* (văn bản 1) – *Gặp Ka-ríp và Xi-la* (văn bản 2)

Yêu cầu cần đạt (YCCĐ/ mục tiêu)	Câu hỏi văn bản 1	Câu hỏi văn bản 2
N1: “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi như không gian [1a], thời gian [1b], cốt truyện [1c], nhân vật [1d], lời người kể chuyện [1e] và lời nhân vật [1g]”	[1.a,b,c]: 1, 2 [1.d]: 3, 4 [1.e]: 5a, b [1.g]: 4	[1.a,b,c]: 1, 2, 5 [1.d]: 1, 5 [1.e]: 1 [1.g]: 1
N2: “Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc [2a], cảm hứng chủ đạo [2b] và giá trị đạo đức, văn hoá từ VB [2c].”	[2a]: 3, 5.a, b [2.b]: 3 [2.c]: 3	[2a]: 6 [2.b]: 6 [2.c]: 6
N3: “Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB văn học” [3]	[3]: 6, 5.b	[3]: 4
N4: YCCĐ tổng hợp [4]	[4]: 7	[4]: 0

* Ghi chú:

N1, N2, N3, N4: các nhóm YCCĐ; [...a], [...b], [...c],...: các YCCĐ chi tiết.

2.2. Tích hợp triết để ở nhiều cấp độ

Một điểm mới nổi bật của SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* là sự tích hợp về kĩ năng và tích hợp về nội dung dạy học. Cụ thể là *Tích hợp dạy học đọc VB theo loại/ thể loại với dạy học theo chủ điểm; Tích hợp dạy học các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; tích hợp dạy học đọc viết với tiếng Việt.*

2.2.1. Tích hợp dạy học đọc văn bản theo loại/ thể loại với dạy học theo chủ điểm (xem bảng 2)

Bảng 2. Tích hợp dạy học đọc theo thể loại (hoặc tác giả Nguyễn Trãi) với dạy học theo chủ điểm

Bài	Chủ điểm	Thể loại	VB (ngữ liệu)
1	Tạo lập thế giới	Thần thoại	Thần Trụ Trời Prô-mê-tê và loài người Đi san mặt đất Cuộc tu bổ lại các giống vật
2	Sống cùng kí ức của cộng đồng	Sử thi	Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây Gặp Ka-ríp và Xi-la Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời
3	Giao cảm với thiên nhiên	Thơ	Hương Sơn phong cảnh Thơ duyên Nắng đã hanh rồi
4	Những di sản văn hoá	VB thông tin	Tranh dân gian Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam Bản tin (1), (2) Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây
5	Nghệ thuật truyền thống	Chèo/ tuồng	Thị Mầu lên chùa; Xã trưởng – Mẹ Đốp (chèo cổ) Huyện Trì a xử án; Huyện Trì a, Đền Hầu, Thầy Nghêu mắc lờm Thị Hến (tuồng đồ)
6	Nâng niu kỉ niệm	Thơ	Chiếc lá đầu tiên Tây Tiến Nắng mới
7	Anh hùng và nghệ sĩ	VB nghị luận; Tác phẩm của Nguyễn Trãi	Bình Ngô đại cáo Thư lại dụ Vương Thông Bảo kính cảnh giới – bài 43 Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ Dục Thúy sơn
8	Đất nước và con người	Truyện	Đất rừng phương Nam Giang Buổi học cuối cùng
9	Khát vọng độc lập và tự do	VB nghị luận	Hịch tướng sĩ Sông núi nước Nam – bài thơ “Thần” khẳng định chân lí độc lập của đất nước... Tôi có một giấc mơ

Mục đích của việc dạy học đọc hiểu theo thể loại tích hợp với chủ điểm là để tăng cường kết hợp đọc hiểu các yếu tố hình thức loại thể của VB với nội dung các VB trong sự kết nối chủ điểm, giúp HS vừa biết cách đọc các VB theo thể loại, vừa rèn luyện kĩ năng *nhận thức thiên nhiên, nhận thức xã hội, nhận thức bản thân*.

2.2.2. Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói – nghe được thể hiện trong tất cả các bài học ở những mức độ khác nhau. Đó là:

2.2.2.1. Tích hợp kĩ năng đọc và kĩ năng viết

Tích hợp đọc và viết cũng được thể hiện trong phần lớn các bài. Bảng tổng hợp dưới đây thể hiện rõ điều này (xem bảng 3).

Bảng 3. Tích hợp dạy học đọc với dạy viết

Bài	Đọc	Viết
1	Phân tích đánh giá VB truyện : Thần thoại.	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (truyện) .
2	Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ .	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (thơ) .
3	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi .	Viết được VB nghị luận về một vấn đề xã hội (thần tượng, người lãnh đạo, anh hùng,...).
4	Nhận biết được một số dạng VB thông tin tổng hợp .	Viết được một báo cáo kết quả nghiên cứu có sử dụng kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ.
6	Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả (trong VB nghị luận).	Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm .
9	Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.	Viết được một bài luận về bản thân .

Mục đích của việc tích hợp dạy học đọc với dạy học viết là để HS phát triển đồng thời hai loại kĩ năng chủ yếu liên quan đến tiếp nhận VB và tạo lập VB, phát huy tính chất tương tạo (transaction) tự nhiên giữa đọc và viết.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng đọc nhiều sẽ có tác động tốt đến kĩ năng viết. Vì thế, mục đích của việc tích hợp đọc và viết cùng kiểu loại VB là giúp HS có thể vận dụng những hiểu biết về kiểu loại VB (hình thức thể hiện và phong cách ngôn ngữ) mà HS đã học trong giờ đọc hiểu để tạo lập VB cùng kiểu loại.

Việc tích hợp đọc và viết còn thể hiện ở một cấp độ nhỏ hơn là viết ngắn trong quá trình đọc (Từ đọc đến viết), qua việc GV hướng dẫn HS thực hiện các phiếu học tập, vẽ sơ đồ, viết nhật kí đọc sách,... Hoạt động này giúp HS ghi nhớ những gì đã học lâu hơn vì quá trình viết là quá trình HS phải định hình suy nghĩ của mình và thể hiện bằng ngôn từ. Những sản phẩm viết ngắn này sẽ được lưu giữ trong hồ sơ học tập của HS để các em nhìn lại chính sản phẩm của mình và tự đánh giá. Qua các sản phẩm đó, GV cũng đánh giá được thái độ học tập, mức độ nhận thức, tư tưởng, tình cảm của HS.

2.2.2.2. Tích hợp kĩ năng Viết và Nói – Nghe

Phần lớn các bài thực hành viết của HS cũng sẽ được trình bày trong các giờ học Nói và nghe (xem bảng 4).

Bảng 4. Tích hợp dạy viết với dạy nói và nghe

Bài	Viết	Nói và Nghe
1	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể (truyện dân gian hoặc truyện ngụ ngôn kể bằng văn vần).	Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể (truyện dân gian hoặc truyện ngụ ngôn kể bằng văn vần).
2	Viết được một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.	Biết trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.
3	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ.	Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ.
6	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.	Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học. Biết nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói; nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
7	Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.	Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội.
8	Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.	Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.
9	Viết được một bài luận về bản thân.	Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội (sự lựa chọn nghề nghiệp của tuổi trẻ ngày nay),...

Mục đích của việc dạy kĩ năng nói – nghe gắn với kĩ năng viết là tạo cơ hội cho HS chia sẻ những gì đã viết, phát triển năng lực giao tiếp ở cả hai hình thức nói và viết; đồng thời để HS nhận ra sự khác biệt đáng lưu ý giữa nói và viết, cho dù đây đều là các kĩ năng tạo lập VB.

2.2.3. Tích hợp dạy đọc với dạy tiếng Việt

Việc tích hợp dạy đọc với dạy tiếng Việt được thực hiện theo nguyên tắc: tri thức kĩ năng về tiếng Việt cụ thể được đưa vào bài học khi có các hiện tượng tiếng Việt tương ứng xuất hiện trong các VB đọc hiểu, tức là khi có ngữ liệu phù hợp.

Ví dụ 1: Trong các VB trích từ sử thi *Đăm Săn, Ô-đi-xê* (Bài 2. *Sống cùng kí ức của cộng đồng*), do yêu cầu về độ dài của VB và thời lượng, thường được lược trích. Đây sẽ là các ngữ liệu thuận lợi cho việc dạy *Cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong VB*.

Ví dụ 2: Trong VB như *Bình Ngô đại cáo, Thư lại dụ Vương Thông*, hay các bài thơ chữ Hán, chữ Nôm của Nguyễn Trãi (Bài 7. *Anh hùng và nghệ sĩ*) xuất hiện khá dày các từ Hán Việt, từ khó. Đây chính là các ngữ liệu phù hợp để dạy *lỗi dùng từ (nhất là từ Hán Việt) và cách sửa các lỗi đó*.

Việc dạy tri thức tiếng Việt và thực hành tiếng Việt ở đây hướng tới đồng thời cả hai mục đích: cung cấp hoặc củng cố các tri thức tiếng Việt cơ bản và sử dụng các tri thức tiếng Việt ấy để đọc hiểu VB tốt hơn.

2.2.4. Tích hợp dạy viết và dạy tiếng Việt

Việc tích hợp viết và tiếng Việt được thể hiện trước hết qua việc thiết kế những bài tập viết ngắn. Trong khi thực hiện nhanh việc tạo lập những đoạn viết ngắn, HS được yêu cầu vận dụng những hiện tượng ngôn ngữ đã được học, luyện tập ở phần thực hành tiếng Việt.

2.3. Tri thức ngữ văn chọn lọc: trang bị kiến thức nền và công cụ hỗ trợ đọc hiểu

Các tri thức (bao gồm kiến thức, kĩ năng) trong SGK *Ngữ văn 10* được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiến thức đối với lớp 10 mà CTGDPT môn Ngữ văn đã xác định. Tuy nhiên, đây đều là những tri thức cơ bản, chọn lọc, làm cơ sở để thực hiện các YCCĐ, tức là xuất phát từ mục tiêu, gắn với mục tiêu dạy học hết sức rõ ràng. Ví dụ: Khi bài học có YCCĐ: giúp HS “nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi, truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...”, mục *Tri thức ngữ văn* sẽ có các mục từ liên quan như *sử thi/ thần thoại, cốt truyện sử thi/ cốt truyện thần thoại, nhân vật sử thi/ nhân vật thần thoại,...*

Tương tự, khi bài học có YCCĐ: giúp HS “nhận biết được lỗi dùng từ (từ Hán Việt) và biết cách sửa các lỗi đó” thì mục *Tri thức ngữ văn* sẽ cung cấp tri thức về “các lỗi dùng từ”, nhất là từ Hán Việt và “cách sửa”.

2.3.1. Hệ thống mục từ – khái niệm Tri thức ngữ văn công cụ

Các tri thức này được trình bày ngắn gọn (trong mục TRI THỨC NGỮ VĂN). Đó là những tri thức mang tính chất công cụ, giúp HS không chỉ biết cách đọc hiểu VB trong SGK mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại, nằm ngoài chương trình.

Dưới đây là bảng tổng hợp thống kê các mục từ – khái niệm liên quan trong *Ngữ văn 10*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* (xem bảng 5).

Bảng 5. Các mục từ – khái niệm trong Tri thức đọc hiểu

Các mục từ - khái niệm	Bài học
<i>Thần thoại, cốt truyện thần thoại, nhân vật thần thoại, không gian trong thần thoại, thời gian trong thần thoại</i>	Bài 1
<i>Sử thi, nhân vật anh hùng sử thi, cốt truyện sử thi, lời người kể chuyện và lời nhân vật sử thi, thái độ, cảm xúc của người kể chuyện, thời gian – không gian sử thi, bối cảnh văn hoá – xã hội của sử thi, cảm hứng chủ đạo của sử thi</i>	Bài 2
<i>Thơ; chủ thể trữ tình; nhân vật trữ tình; từ ngữ trong thơ; hình ảnh trong thơ; vần, đối, nhịp trong thơ</i>	Bài 3
<i>VB thông tin tổng hợp; yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong VB thông tin tổng hợp</i>	Bài 4
<i>Chèo/tuồng; đề tài và tích truyện trong chèo/tuồng; nhân vật, lời thoại trong chèo/tuồng; phương thức lưu truyền VB chèo/tuồng</i>	Bài 5
<i>Giá trị thẩm mỹ của các yếu tố trong thơ (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình)</i>	Bài 6
<i>Văn nghị luận; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận; yếu tố biểu cảm trong nghị luận; văn nghị luận trung đại</i>	Bài 7
<i>Truyện; nhân vật và câu chuyện; người kể chuyện toàn tri và người kể chuyện hạn tri; điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật</i>	Bài 8
<i>Cách sắp xếp trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận; bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội trong văn nghị luận; mục đích, quan điểm của người viết</i>	Bài 9

Trong SGK *Ngữ văn 10*, các thông tin về tác giả được trình bày ngắn gọn, đóng khung, đặt sau các câu hỏi *Sau khi đọc*. Bởi đây chỉ là các thông tin bổ trợ tham khảo, không phải là tri thức bắt buộc HS phải học trên lớp hoặc được dùng để kiểm tra khả năng ghi nhớ của HS. (Vì thế, trong tiến trình giờ dạy trên lớp, không cần có mục *Tìm hiểu tác giả, tác phẩm*). Riêng với các tác phẩm gồm nhiều chương hồi, sách có tóm tắt nội dung, xác định vị trí của VB trích trong tác phẩm, được đóng khung và đặt ngay trước VB đọc.

2.3.2. Hệ thống ngữ liệu – văn bản đọc hiểu

36 (+2) VB đọc hiểu cho 9 bài học, (học kì 1: 5 bài và học kì 2: 4 bài). Trong đó, 24 VB văn học gồm: thần thoại: 4; truyện hiện đại: 5; sử thi: 3; chèo hoặc tuồng (GV chọn dạy một trong hai thể loại): 2 VB chèo và 2 VB tuồng; thơ: 10; VB nghị luận: 6; VB thông tin: 6. Tổng cộng: 31 VB Việt Nam với 04 VB của tác giả/về miền núi; 5 VB nước ngoài).

Dưới đây là bảng tổng hợp các VB được dùng làm ngữ liệu dạy đọc trong Ngữ văn 10, bộ sách *Chân trời sáng tạo* (xem bảng 6).

Bảng 6. Danh mục văn bản đọc hiểu Ngữ văn 10, bộ Chân trời sáng tạo

Loại VB	Thể loại, nhan đề	Bài học
Văn bản văn học (24 văn bản)	Thần thoại: – <i>Thần Trụ Trời, Prô-mê-tê và loài người, Cuộc tu bổ lại các giống vật, Đì san mặt đất</i> (văn vần)	Bài 1
	Sử thi: – <i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây, Gặp Ka-ríp và Xi-la, Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời</i>	Bài 2
	Truyện: – <i>Lời má năm xưa</i> – <i>Dưới bóng hoàng lan</i> – <i>Đất rừng phương Nam, Giang, Buổi học cuối cùng</i>	Bài 3 Bài 6 Bài 8
	Chèo: 2 VB chèo (dành cho HS chọn đọc VB chèo) – <i>Thị Mầu lên chùa, Xã trưởng – Mẹ Đốp</i>	Bài 5 (a)
	Tuồng: 2 VB tuồng (dành cho HS chọn đọc VB tuồng) – <i>Huyện Trì a xử án; Huyện Trì a, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến</i>	Bài 5 (b)
	Thơ: – <i>Hương Sơn phong cảnh, Thơ duyên, Nắng đã hanh rồi</i> – <i>Lí ngựa ô ở hai vùng đất</i> – <i>Chiếc lá đầu tiên, Tây Tiến, Nắng mới</i> – <i>Bảo kính cảnh giới – Bài 43, Dục Thuý sơn</i> – <i>Xuân về</i>	Bài 3 Bài 4 Bài 6 Bài 7 Bài 8
Văn bản nghị luận (6 văn bản)	– <i>Bình Ngô đại cáo; Thư lại dụ Vương Thông; Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ</i> – <i>Hịch tướng sĩ</i> – <i>Sông núi nước Nam – bài thơ “Thần” khẳng định chân lí độc lập của đất nước</i> – <i>Tôi có một giấc mơ</i>	Bài 6 Bài 9

Văn bản thông tin (6 văn bản)	VB thuyết minh, bản tin	
	– Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê – Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam, Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây	Bài 2 Bài 4
	Bản tin: (1) Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống, (2) Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật – Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương	Bài 5a, b

2.3.3. Tri thức tiếng Việt

Tri thức tiếng Việt được trình bày trong khung, ngay sau tri thức đọc hiểu (trong mục *Tri thức ngữ văn*), là những tri thức mà chương trình yêu cầu. Các tri thức này được dạy gắn với các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB và mang tính chất công cụ, giúp HS đọc hiểu VB tốt hơn (xem bảng 7).

Bảng 7. Các đơn vị tri thức tiếng Việt

Tri thức tiếng Việt	Bài học
Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa	Bài 1
Cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong VB, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú	Bài 2
Lỗi dùng từ và cách sửa	Bài 3
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu	Bài 4
Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: biểu đồ, sơ đồ,...	Bài 5
Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa	Bài 6
Lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa	Bài 7
Biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê: đặc điểm và tác dụng	Bài 8
Lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa	Bài 9

2.3.4. Tri thức làm văn (viết, tạo lập VB theo kiểu bài)

Tri thức này gồm: *Tri thức về kiểu bài* (tên, cách hiểu về kiểu bài; yêu cầu đối với kiểu bài, được đóng khung trong SGK), *Yêu cầu về kiểu bài*, *Ngữ liệu tham khảo*. Đây là những tri thức công cụ để HS không chỉ hiểu được đặc điểm kiểu bài mà còn có thể vận dụng để tạo lập VB đúng với yêu cầu của kiểu bài.

Yêu cầu đối với kiểu bài, Yêu cầu về kiểu bài được thể hiện rõ qua *Ngữ liệu tham khảo*. Qua mục *Đọc ngữ liệu tham khảo*, GV hướng dẫn HS đối chiếu VB bài viết này với yêu cầu, sơ đồ dàn ý kiểu bài để nhận diện kiểu bài và thực hành cách viết (xem thêm mục Phương pháp dạy viết).

Trong chương trình Ngữ văn lớp 10, HS được học cách viết 7 kiểu bài:

Bảng 8. Các kiểu bài viết trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo*

Kiểu VB	Đề bài	Bài học
<i>Nghị luận văn học</i>	Viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể, một tác phẩm truyện kể/ tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng	Bài 1, bài 7
	Viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ/ một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng	Bài 3, bài 6
<i>Nghị luận xã hội</i>	Viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội	Bài 2
	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm	Bài 7
VB thông tin	Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện hỗ trợ phù hợp	Bài 4
	Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng	Bài 5
	Viết một bài luận về bản thân	Bài 9

2.3.5. Tri thức về nói và nghe

Nội dung tri thức về nói và nghe trong SGK gồm:

- Cách nói/ trình bày một kiểu bài cụ thể.
- Kỹ năng giao tiếp nói chung: kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi.

Nội dung thứ nhất thường gắn với kiểu bài viết mà HS đã học, đã viết.

Nội dung thứ hai – kỹ năng giao tiếp nói chung – HS cũng sẽ được học qua từng bài nói và nghe để từng bước hình thành kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi. Nhưng vì không cần thiết lặp lại ở hầu hết các bài, nên sách chỉ trình bày khá cặn kẽ trong một vài bài đầu học kì 1. Khi nói hoặc trình bày các kiểu bài khác, HS thực hiện dựa vào những gợi ý trong các bài này.

2.4. Thiết kế bài học thông qua các nhiệm vụ học tập

2.4.1. Đặc điểm chung

Các nhiệm vụ học tập trong SGK *Ngữ văn 10* có những đặc điểm sau:

- Bám sát các YCCĐ về phẩm chất, năng lực và các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe mà CTGDPT tổng thể cũng như CTGDPT môn Ngữ văn đã quy định.
- Được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS, hướng dẫn HS từng bước kiến tạo tri thức và hình thành kĩ năng.
- Phù hợp với tầm nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lí của HS lớp 10.

2.4.2. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Đọc

- Được thiết kế dựa trên YCCĐ về đọc, hướng dẫn HS hoàn thành mục tiêu/ YCCĐ mà chương trình đã đề ra, bao gồm các yêu cầu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức và liên hệ, so sánh, kết nối và yêu cầu đọc mở rộng.
- Hướng dẫn HS khám phá nội dung và hình thức của VB, qua đó, hình thành và phát triển các kĩ năng đọc theo kiểu/ loại VB đã được xác định trong chương trình.
- Được thiết kế theo 3 giai đoạn của tiến trình đọc: trước, trong và sau khi đọc. Ba giai đoạn này được cài đặt ứng với 3 mục lớn của bài học đọc là *Trước khi đọc*, *Đọc VB* và *Sau khi đọc*.

- Hướng dẫn HS thực hành đọc mở rộng ở nhà có theo dõi, nhắc nhở.

2.4.3. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần tiếng Việt

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu về tiếng Việt của chương trình lớp 10.
- Gắn với ngữ liệu trong VB đọc.
- Gồm các bài tập thực hành kiến thức mới và ôn lại các đơn vị kiến thức đã học ở những bài học trước, cấp lớp dưới.

2.4.4. Đặc điểm của nhiệm vụ học tập phần Từ đọc đến viết và phần Viết

- Được thiết kế dựa trên YCCĐ về viết, hướng dẫn HS hoàn thành mục tiêu/ YCCĐ mà chương trình đã đề ra.
- Bao gồm các bài tập viết ngắn (*Từ đọc đến viết*), các đề bài và các bảng kiểm (sau khi viết VB). Các câu hỏi này gắn với một đề bài cụ thể để HS học kiến thức về kiểu bài đó thông qua thực hành viết một bài. Các bảng kiểm (checklist) được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiểu bài.
- Gắn với thể loại VB đọc (trong một số trường hợp).
- Hướng dẫn HS thực hành theo quy trình viết gồm 4 bước (với phần Viết): *Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*.

2.4.5. Đặc điểm các nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

– Được thiết kế dựa trên YCCĐ về nói và nghe, hướng dẫn HS hoàn thành mục tiêu/ YCCĐ mà chương trình đã đề ra.

– Bao gồm các câu hỏi và bảng hướng dẫn HS luyện tập cách nói và các bảng kiểm. Các câu hỏi này thường gắn với một đề bài cụ thể HS đã làm ở phần Viết để HS có cơ hội chia sẻ bài đã viết bằng hình thức nói, đồng thời học kỹ năng giao tiếp: nói, nghe và nói nghe tương tác, nghĩa là học bằng cách làm (learning by doing). Các bảng kiểm được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiểu bài nói.

3. CẤU TRÚC SÁCH VÀ BÀI HỌC

3.1. Cấu trúc bộ sách

3.1.1. Hướng dẫn sử dụng sách

Hướng dẫn sử dụng sách gồm hình ảnh của các mục trong bài học và ý nghĩa của việc thực hiện các mục đó.

3.1.2. Các bài học

Tập 1: 5 bài, Tập 2: 4 bài (xem Mục lục)

3.1.3. Cuối sách có một số bảng công cụ

3.1.3.1. Bảng giải thích các kỹ năng đọc

Bảng này trình bày các kỹ năng mà một người đọc cần thường xuyên sử dụng. Các kỹ năng này được thể hiện trong các mục *Trước khi đọc*, *Đọc VB*, *Sau khi đọc*.

3.1.3.2. Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt

Bảng này dùng để tra cứu nghĩa và cách sử dụng một số yếu tố Hán Việt có xuất hiện trong các VB đọc hiểu ở mỗi tập sách.

3.1.3.3. Bảng tra cứu thuật ngữ

Bảng này dùng để tra cứu một số thuật ngữ văn học liên quan, thuộc tri thức ngữ văn (đọc hiểu, tiếng Việt) gắn với các bài học, là tri thức hỗ trợ cho hoạt động đọc, viết, thực hành tiếng Việt. Các thuật ngữ được sắp xếp theo thứ tự A, B, C chữ cái đầu thuật ngữ, kèm theo số trang xuất hiện các thuật ngữ đó trong SGK.

3.1.3.4. Bảng tra cứu tiếng nước ngoài

Bảng này dùng để tra cứu danh từ riêng tiếng nước ngoài xuất hiện trong các VB đọc hiểu và phiên âm tiếng Việt của các danh từ này.

3.2. Cấu trúc bài học

Dưới đây là sơ đồ cấu trúc bài học:

Sơ đồ cấu trúc và chức năng các mục trong bài học

Yêu cầu cần đạt:

Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe; Phẩm chất

Định hướng kết quả cần đạt sau khi học xong bài học.

Giới thiệu chủ điểm và thể loại chính của VB đọc
Câu hỏi lớn cho toàn bài học

Cung cấp thông tin tổng quát (chủ điểm, thể loại) và khơi gợi hứng thú học tập.

ĐỌC:

Tri thức ngữ văn gồm những khái niệm cơ bản giúp HS có hiểu biết nền tảng để đọc hiểu VB

VB 1: thuộc thể loại chính của bài học

VB 2: thuộc thể loại chính của bài học

Đọc kết nối chủ điểm: VB thuộc thể loại khác, kết nối với chủ điểm bài học

Thực hành tiếng Việt: thực hành theo bài tập

Đọc mở rộng theo thể loại: thực hành đọc thể loại chính của bài học

Cung cấp những tri thức công cụ để đọc VB.

Hướng dẫn đọc VB theo mục tiêu bài học.

Cung cấp kiến thức về tiếng Việt và vận dụng để thực hành, giúp đọc hiểu và tạo lập VB tốt hơn.

Hướng dẫn thực hành đọc mở rộng, củng cố kiến thức, kĩ năng đọc hiểu.

VIẾT:

Tri thức về kiểu bài – Yêu cầu về kiểu bài – Đọc ngữ liệu tham khảo và trả lời câu hỏi

Hướng dẫn quy trình viết (*Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*)

Cung cấp tri thức công cụ về tạo lập VB.

Hướng dẫn các bước tạo lập VB.

NÓI VÀ NGHE:

Tri thức về kiểu bài

Hướng dẫn quy trình nói và nghe

Cung cấp những tri thức công cụ về nói và nghe.

Hướng dẫn nói, nghe và trao đổi.

ÔN TẬP

Củng cố kiến thức về đọc, viết, nói và nghe; suy ngẫm về những gì đã học.

3.2.1. Mục tiêu bài học

3.2.1.1. Nội dung mục tiêu trong từng bài

Mục tiêu bài học về đọc, viết, nói và nghe được thể hiện qua YCCĐ của từng bài. Việc lựa chọn YCCĐ nào trong chương trình để đưa vào bài nào được thực hiện dựa trên nguyên tắc:

- Phù hợp với nội dung ngữ liệu.
- Đảm bảo không bỏ sót YCCĐ.

3.2.1.2. Mục tiêu phẩm chất và năng lực chung

Mỗi bài học sẽ giúp HS hình thành các phẩm chất mà CTGDPT tổng thể đã nêu, phù hợp với nội dung từng bài. Các yêu cầu về năng lực chung như tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành và phát triển cho người học thông qua các hoạt động học tập được thiết kế ở từng bài. Ví dụ:

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của sử thi...
- Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo và giá trị đạo đức, văn hoá từ VB.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB văn học.
- Biết cách đánh dấu phần bị tình lược trong VB, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.
- Viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội; trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, các bằng chứng thuyết phục.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Mục tiêu về đọc hiểu và tiếng Việt

Mục tiêu về Viết, Nói và nghe

Mục tiêu về phẩm chất

3.2.1.3. Mục tiêu năng lực đặc thù

a. Mục tiêu kĩ năng đọc

Gồm các mục tiêu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, vận dụng, đọc mở rộng.

Ví dụ: Bài *Nâng niu kỉ niệm* (Bài 6) có các mục tiêu:

ĐỌC

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; phát hiện các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB.
- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ...
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Mục tiêu đọc hiểu nội dung

Mục tiêu đọc hiểu hình thức

Mục tiêu về phẩm chất

b. Mục tiêu kĩ năng viết:

Gồm mục tiêu về viết một kiểu bài, riêng bài thứ nhất *Tạo lập thế giới* có thêm mục tiêu về quy trình viết.

Ví dụ: Bài *Tạo lập thế giới*:

VIẾT

- Viết được VB đúng quy trình.
- Viết được một VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm văn học (truyện): chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

Mục tiêu về quy trình viết

Mục tiêu về viết một kiểu bài

c. Mục tiêu kĩ năng nói và nghe:

Mỗi bài học thực hiện một mục tiêu nói và nghe khác nhau, thường gắn với mục tiêu kiểu bài viết. Cách tích hợp như vậy tạo thuận lợi cho GV khi triển khai bài dạy và thuận lợi cho HS khi học đọc, viết, nói và nghe về cùng một thể loại.

Ví dụ: Bài *Nâng niu kỉ niệm* có mục tiêu về viết “Viết được một VB nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm văn học (tho): chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.”

NÓI VÀ NGHE

- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân); nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

Mục tiêu về viết một kiểu bài

3.2.2. Giới thiệu bài học

Chức năng của mục này là giúp HS hình dung tổng quát về chủ điểm bài học, thể loại VB đọc, đồng thời đặt ra câu hỏi liên quan đến chủ điểm của bài học để khơi gợi hứng thú học bài mới và kiến thức nền của HS.

3.2.3. Đọc, thực hành tiếng Việt, viết tích hợp (Từ đọc đến viết)

Hình thức câu hỏi đọc hiểu rất đa dạng về chức năng, nên cũng đa dạng về cách sử dụng. Dưới đây là bảng tóm tắt chức năng và định hướng sử dụng của các nhóm câu hỏi đọc hiểu *Trước khi đọc*, *Đọc VB*, *Sau khi đọc*, *Thực hành tiếng Việt*, *viết tích hợp (Từ đọc đến viết)*, *Đọc VB kết nối chủ điểm* và *Đọc VB mở rộng theo thể loại*.

Bảng 9. Chức năng và định hướng sử dụng các nhóm câu hỏi, bài tập

Nhóm câu hỏi	Chức năng	Định hướng sử dụng
TRƯỚC KHI ĐỌC	– Tạo tâm thế, hứng thú cho HS, khơi gợi kiến thức nền của HS để trực tiếp đọc VB.	Cho HS trả lời trước khi đọc VB trên lớp.
ĐỌC VĂN BẢN	– Hướng dẫn HS rèn luyện một số kĩ năng trong khi đọc: <i>liên tưởng, tưởng tượng, suy luận, dự đoán</i> ,... – Kích hoạt kiến thức nền của HS; giúp tìm hiểu nhanh một số chi tiết quan trọng; các yếu tố, bộ phận của VB và tự kiểm soát việc hiểu của mình. – Chuẩn bị dữ liệu cho việc hiểu chỉnh thể VB ở bước <i>suy ngẫm và phản hồi</i> .	Khi dạy HS đọc, đọc đến những đoạn có kí hiệu ? và box câu hỏi, GV nhắc dừng một vài phút, suy nghĩ, trả lời câu hỏi, sau đó đọc tiếp.
SAU KHI ĐỌC	– Giúp HS đáp ứng được YCCĐ của bài đọc. – Các câu hỏi được thiết kế theo ba cấp độ: (1) nhận biết; (2) phân tích suy luận; (3) đánh giá, vận dụng. – Hướng dẫn HS nhận biết và nhận xét về tác dụng của các chi tiết bề mặt của VB (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật,...). – Giúp HS nhận ra mối quan hệ giữa các chi tiết trong tính chỉnh thể của VB; vai trò, tác dụng của các thành tố trong việc thể hiện chủ đề, thông điệp của VB. – Hướng dẫn HS liên hệ với kinh nghiệm, kiến thức nền của bản thân, với các VB khác, với cuộc sống để hiểu VB và những vấn đề của cuộc sống; rút ra được bài học cho bản thân. – Tiếp tục phát triển các kĩ năng đọc hiểu VB (xem bảng kĩ năng đọc trong SGK).	– GV dành thời gian thích đáng để HS suy ngẫm, thảo luận và trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề nêu lên từ các câu hỏi. – Thường xuyên giúp HS kết nối với tri thức nền (về thể loại, VB cùng loại, kiến thức và trải nghiệm đời sống của bản thân,...) để suy ngẫm và phản hồi nhanh, hiệu quả. – Hình thành ở HS thói quen đánh giá, tự đánh giá (bằng cách đối chiếu với YCCĐ).

Hướng dẫn đọc văn bản kết nối chủ điểm	Những câu hỏi này được thiết kế để hướng dẫn HS đọc hiểu một VB trong sự kết nối chủ điểm, nhằm tô đậm các ý tưởng về chủ điểm của bài học.	– Hình thành ở HS thói quen kết nối chủ điểm trong khi đọc VB.
Hướng dẫn đọc VB mở rộng theo thể loại	Những câu hỏi này được thiết kế để hướng dẫn HS vận dụng những tri thức về thể loại VB vào đọc VB cùng thể loại (đọc mở rộng theo thể loại).	HS đọc VB mở rộng theo thể loại ở nhà; trả lời các câu hỏi đọc theo thể loại (sẽ trình bày, trao đổi tại lớp ở tiết ôn tập, khi được yêu cầu).
Thực hành tiếng Việt	Là kiến thức, kĩ năng công cụ nhằm giúp HS đọc VB và thực hành viết tốt hơn.	– Thực hiện sau khi đọc hiểu 3 VB của bài học. – Ngữ liệu rút ra từ 3 VB đó. – Giúp hiểu các VB hơn và làm cơ sở để thực hành “viết ngắn”.
Từ đọc đến viết (viết ngắn tích hợp đọc với tiếng Việt)	– Kết nối đọc với viết. – Giúp nghĩ nhanh, viết nhanh, – Phát huy kĩ năng tưởng tượng, sáng tạo và đánh giá, vận dụng sau khi đọc.	– HS chỉ thực hành sau bước trải nghiệm cùng VB, suy ngẫm và phản hồi – Hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung và kết nối chủ điểm bài học.

3.2.4. Viết văn bản, nói và nghe

Bảng 10. Chức năng và định hướng hoạt động viết VB, nói và nghe

VIẾT		NÓI VÀ NGHE
Chức năng	Dạy học cách tìm hiểu và nắm tri thức về kiểu bài.	Dạy học cách xác định yêu cầu của kiểu bài nói.
	Dạy học cách đọc, phân tích “mẫu”, cách đáp ứng yêu cầu đối với kiểu bài qua “mẫu”.	Dạy học cách trình bày, thể hiện ý tưởng bằng lời nói, điệu bộ,... đồng thời dạy cách nghe và cách phản hồi về những gì đã nghe.
	Dạy học các bước tạo lập VB: Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý và cách Viết bài .	Dạy học các bước thực hiện bài nói: Chuẩn bị nói (Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói, Tìm ý, lập dàn ý, Luyện tập); Trình bày bài nói .
	Dạy học cách đánh giá/ tự đánh giá (đọc lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm).	Dạy học cách Trao đổi, đánh giá .

Định hướng	Hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu <i>Tri thức về kiểu bài</i> .	Hướng dẫn HS thực hiện các bước (1) bao gồm khâu <i>Luyện tập ở nhà</i> .
	Hướng dẫn HS đọc, quan sát VB tham khảo, trả lời các câu hỏi.	Hướng dẫn HS <i>Trình bày</i> bài nói trên lớp.
	Hướng dẫn HS tìm hiểu thảo luận, trình bày cách thức thực hành các bước chuẩn bị, tìm ý lập dàn ý (thảo luận nhóm, trình bày sản phẩm,...)	Hướng dẫn HS về yêu cầu và cách thực hiện bước: <i>Trao đổi, đánh giá</i> trên lớp.
	Hướng dẫn HS viết bài ở lớp (một đoạn/ cả bài) hoặc ở nhà; sau đó tiến hành bước đọc lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.	Hướng dẫn HS thực hiện trao đổi đánh giá cả “trong vai trò người nghe” và “trong vai trò người nói”.

3.2.5. Ôn tập

- Chức năng: giúp HS củng cố các kiến thức về đọc, viết, nói và nghe, kiến thức về chủ điểm bài học, suy ngẫm về câu hỏi lớn ở đầu bài học và tìm câu trả lời.
- Định hướng: GV cho HS làm cá nhân hoặc nhóm, sau đó trình bày trên lớp.

4. PHƯƠNG PHÁP, BIỆN PHÁP DẠY HỌC

4.1. Định hướng phát triển năng lực trong dạy học Ngữ văn

Môn Ngữ văn, cũng như các môn học khác, trong CTGDPT tổng thể 2018 có mục tiêu phát triển các phẩm chất, năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học trên cơ sở phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Cốt lõi của năng lực là khả năng hành động, khả năng giải quyết vấn đề. Vì thế, để thực hiện chương trình giáo dục HS trở thành người có khả năng hành động, giải quyết vấn đề, chúng ta cần phải thay đổi cả cách dạy lẫn cách học. Trong đó, thay đổi cơ bản là: phải chuyển từ cách dạy truyền thụ kiến thức sang hướng dẫn, tổ chức cho HS qua hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ học tập. Việc đổi mới trong dạy học Ngữ văn cũng không ngoài định hướng đó.

Dưới đây là một số gợi ý về phương pháp dạy học, biện pháp tổ chức hoạt động đọc, viết, nói – nghe nhằm phát triển năng lực của HS.

4.2. Dạy đọc hiểu văn bản

Để hướng dẫn HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc VB, GV cần phối hợp sử dụng các phương pháp và biện pháp dạy học, trong đó nên chú trọng một số phương pháp dưới đây.

4.2.1. Thuyết trình

Phương pháp thuyết trình khi được GV sử dụng, cần hết sức ngắn gọn, chọn lọc ở một số thời điểm của bài dạy đọc. Chẳng hạn, thuyết trình khi giới thiệu tri thức đọc hiểu, tóm tắt, định vị VB trong một ngữ cảnh bao quát, tổng hợp ý kiến của HS, đưa ra lời bình hay đáp án tham khảo cho một câu hỏi khó,...

4.2.2. Thị phạm kĩ năng đọc, cách đọc

Để đọc hiểu được một VB, người đọc phải sử dụng đồng thời nhiều loại kĩ năng: *đọc lướt, theo dõi, liên tưởng, tưởng tượng, truy xuất kiến thức nền, suy luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, dự đoán, kiểm soát cách hiểu*,... Đây đều là những kĩ năng mới được chú ý áp dụng trong lần thay sách này, còn khá mới lạ đối với HS lớp 10. Cách nhanh nhất giúp HS thực hiện các kĩ năng này là GV thị phạm cho HS quan sát¹.

Cách thực hiện như sau:

- GV chọn một/ hai kĩ năng được cài đặt trong SGK, giải thích ngắn gọn về kĩ năng đó;
- Chọn một đoạn trong VB (có thể chiếu trên màn hình, hoặc giơ cao trang SGK cho cả lớp thấy), chọn một từ ngữ, hình ảnh hay một câu văn.
- Đọc to đoạn đó và gạch chân / đánh dấu vị trí mà GV định làm mẫu.
- Nói to những suy nghĩ trong đầu mình khi đọc.

Ví dụ, với kĩ năng “Dự đoán”, khi đọc VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*. Trước khi gặp hai quái vật biển này, Ô-đi-xê và thuỷ thủ phải đối phó với các nàng Xi-ren. Về cách đối phó, họ cần làm theo lời khuyên của Xi-ic-xê. Câu hỏi dự đoán: *Ô-đi-xê và các bạn đồng hành đã thực hiện lời khuyên của Xi-ic-xê như thế nào?*

- + Có bịt tai thuỷ thủ bằng sáp ong không?
- + Có trói chặt Ô-đi-xê vào cột buồm không?
- + Phản ứng của Ô-đi-xê như thế nào khi nghe tiếng hát của các nàng Xi-ren?,...
- + ...

(GV có thể lưu ý thêm: việc dự đoán có đúng, có sai nhưng đúng hay sai đều giúp ích cho việc hiểu VB, chẳng hạn: giúp ta hiểu tiếng hát của Xi-ren có sức quyến rũ ghê gớm thế nào và/ hoặc giúp chú ý hơn đến đặc điểm tính cách thích phiêu lưu của người anh hùng sử thi.)

Sau đó, GV dành ít phút cho HS thực hành kĩ năng đọc tương tự trong nhóm, và cá thể HS lần lượt vừa đọc VB (bằng mắt) vừa thực hiện kĩ năng đọc.

¹ *Thị phạm về kĩ năng đọc* là cách GV vừa đọc VB, vừa nói to những gì mình cảm nhận, suy nghĩ trong đầu (cảm xúc, hình dung, suy đoán,...) về VB. Bằng cách này, GV giúp cho HS quan sát, theo dõi được cách mà một người đọc có kĩ năng sử dụng trong quá trình đọc.

Phương pháp thị phạm dĩ nhiên còn có thể áp dụng trong việc hướng dẫn HS luyện kĩ năng đọc thơ với yêu cầu ngắt nhịp đúng chỗ¹ theo yêu cầu tiết tấu riêng của thể loại. Cũng là thị phạm, nhưng trong trường hợp này, GV chỉ cần dùng chính giọng đọc và cách ngắt nhịp đúng chỗ của mình.

4.2.3. Đàm thoại gợi mở

Sự đa dạng về cách hiểu VB giúp HS có cơ hội thể hiện và tiếp nhận những cách nhìn khác nhau về VB, làm cho giờ học thêm hứng thú. Vì thế, trong giờ đọc hiểu VB, vai trò của GV là tổ chức, hướng dẫn HS từng bước trải nghiệm, khám phá tri thức thông qua hệ thống câu hỏi. Đây là cách dạy hiệu quả, giúp HS chủ động kiến tạo tri thức về VB, về thể loại, về cuộc sống, qua đó hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, đồng thời đạt được những YCCĐ về năng lực đọc hiểu VB theo mục tiêu của CTGDPT tổng thể, CTGDPT môn Ngữ văn (2018).

Câu hỏi cần được sử dụng thích hợp với nhiều cấp độ tư duy khác nhau. SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* quy hệ thống câu hỏi thành ba loại chính: câu hỏi *nhận biết*; câu hỏi *phân tích, suy luận*; câu hỏi *đánh giá, vận dụng*.

Câu hỏi nhận biết: Đây là loại câu hỏi hướng dẫn HS tìm những thông tin, chi tiết, từ ngữ, hình ảnh quan trọng, hiển thị trên VB. Việc tìm, xác định các thông tin, hình ảnh, từ ngữ, sự kiện là bước đầu tiên, rất quan trọng trong tiến trình đọc, chuẩn bị cơ sở để phân tích, suy luận kiến tạo nghĩa, ý nghĩa cho chính các chi tiết, từ ngữ, hình ảnh đó.

Ví dụ:

- Liệt kê một số chi tiết nói về không gian, thời gian của câu chuyện (với VB *Thần Trụ Trời*).
- Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chính của từng phần (với VB *Tây Tiến*).
- ...

Câu hỏi phân tích, suy luận:

Đây là loại câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu, khám phá, suy đoán những tầng ý nghĩa ẩn dưới bề mặt ngôn từ của VB, hướng dẫn HS sử dụng kiến thức nền của bản thân để giải mã và kiến tạo nghĩa cho các chi tiết, từ ngữ, hình ảnh mà HS đã tìm ra trước đó. Sâu xa hơn, nhóm câu hỏi này còn giúp HS khám phá mối liên hệ giữa các chi tiết, sự kiện, từ đó hiểu nhận ra tính chỉnh thể của VB và ý nghĩa, thông điệp của VB.

¹ Thực ra, cách ngắt nhịp thơ cũng khá tự do, nhưng có những điểm ngắt nhịp rất xác định và có tính bắt buộc (ví dụ: nhịp của những câu thơ 7 chữ bắt buộc ngắt chẵn trước, lẻ sau kiểu *Dốc lên khúc khuỷu/ dốc thăm thẳm*: 4/3; nhịp của những câu thơ 7 chữ trong thơ song thất lục bát bắt buộc ngắt lẻ trước, chẵn sau kiểu *Trống Tràng thành/ lung lay bóng nguyệt*: 3/4). Đây chính là những chỗ GV cần làm mẫu hoặc sửa cho HS.

Đây là loại câu hỏi mà GV cần sử dụng nhiều và phát huy tác dụng của chúng trong quá trình dạy đọc VB. Tuy vậy, cần lưu ý: những câu hỏi này thường không có một đáp án duy nhất đúng. GV cần giúp HS nhận ra rằng: khi đưa ra những cách hiểu khác nhau, HS phải chứng minh, lí giải được cách hiểu của mình, các ý kiến ấy sẽ được tôn trọng và khích lệ. Dạng câu hỏi phân tích, suy luận rất đa dạng. Lệnh dùng cho các câu hỏi này thường gắn với yêu cầu “phân tích”, “giải thích”, “vì sao” “có tác dụng gì”,...

Một số ví dụ:

– Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra *Prô-mê-tê và loài người* là một truyện thần thoại? (với VB *Prô-mê-tê và loài người*)

– Tìm hiểu nghĩa của từ “duyên” trong bài thơ, từ đó nêu cách hiểu của bạn về nhan đề *Thơ duyên*. (với VB *Thơ duyên*)

– Đăm Săn và Mtao Mxây đều là những tù trưởng tài giỏi, nhưng VB trên đã cho thấy, người xứng đáng được xem là anh hùng của cộng đồng chỉ có thể là Đăm Săn. Hãy so sánh hai nhân vật để làm rõ điều đó. (với VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*)

– Nêu nhận xét về tác dụng của sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong VB trên. (với VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*)

– ...

Câu hỏi đánh giá, vận dụng và đọc sáng tạo:

Các đánh giá thường dựa trên những liên hệ, so sánh.

Đọc không phải chỉ để hiểu mà còn để đánh giá những cái hay của VB và những vấn đề của cuộc sống mà VB gợi lên, do vậy, cần hướng dẫn HS đánh giá những cái hay, thậm chí cái chưa hoàn chỉnh của VB, tránh thói quen tiếp nhận VB lười biếng, một chiều.

Quá trình đọc cũng là quá trình người đọc phải sử dụng tri thức nền của mình để hiểu VB đồng thời để nhận thấy VB có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của mình. Vì thế, cần hướng dẫn HS liên hệ những vấn đề đặt ra trong VB với cuộc sống, liên hệ VB này với VB khác, liên hệ với bản thân để hiểu VB, hiểu cuộc sống và hiểu bản thân và qua đó, hiểu VB hơn.

Dạng câu hỏi đánh giá, vận dụng cũng rất phong phú. Lệnh của câu hỏi thường sử dụng các cụm từ liên quan đến yêu cầu đánh giá, liên hệ, kết nối, vận dụng. Ví dụ:

– Qua truyện *Thần Trụ Trời* và truyện *Prô-mê-tê và loài người*, bạn có nhận xét gì về nội dung của các thần thoại thuộc hai nền văn hoá khác nhau?

Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong VB trên có ưu thế gì so với ngôi thứ ba? (với VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*)

– Xung quanh việc Giang đột nhiên nhận “anh bộ đội” mới gặp lần đầu là bạn học của cô và “phía” ra cái tên Hùng để giới thiệu anh với bố của mình, sau đó lại dùng xe đạp của bố để đưa anh về đơn vị,... có những ý kiến khác nhau. Một số người cho rằng Giang xử sự như thế là phù hợp với tình huống, hoàn cảnh cụ thể; một số khác lại phủ nhận điều đó. Hãy cho biết ý kiến của bạn.

– ...

Ngoài ra, sách cũng tạo cơ hội để HS phát huy sở trường, năng khiếu riêng trong trải nghiệm và tiếp nhận tác phẩm văn học đồng thời kết nối với việc học chuyên đề học tập *Ngữ văn 10* trong điều kiện cho phép bằng cách nêu thêm một số “bài tập sáng tạo” (có đánh dấu sao: *). Chẳng hạn:

– * **Bài tập sáng tạo:** Hình tượng Mặt Trời trong thần thoại, sử thi hoặc một số tác phẩm thơ ca nổi tiếng thường là biểu tượng cho những gì cao quý, tốt đẹp như sự khai sáng, sự tái sinh, vẻ đẹp hoàn hảo, vĩnh hằng,... Lấy cảm hứng từ một trong những biểu tượng ấy, bạn hãy làm một bài thơ, vẽ một bức tranh hoặc dựng một hoạt cảnh,... (Bài 2)

– * **Bài tập sáng tạo:** Vẽ tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vở chèo *Quan Âm Thị Kính*. Hoặc: Vẽ tranh hoặc dựng một hoạt cảnh lấy cảm hứng từ vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*. (Bài 5)

– * **Bài tập sáng tạo:** Hãy sử dụng một trong những cách sau đây: ngâm thơ, đọc diễn cảm, hoạt cảnh sân khấu hoá, vẽ tranh, phổ nhạc,... để thể hiện cách cảm nhận của mình về bài thơ. (Bài 6)

– * **Bài tập sáng tạo:** Giả sử sau ba mươi năm, “anh bộ đội” năm xưa và Giang tình cờ gặp lại nhau, câu chuyện giữa hai người cần được kể thêm một đoạn. Nếu được tác giả uỷ quyền, bạn sẽ viết tiếp câu chuyện như thế nào? Bạn có thể triển khai ý tưởng của bạn bằng nhiều hình thức dưới dạng một tranh vẽ, một bài thơ hoặc một đoạn văn tự sự,... (Bài 8)

4.2.4. Tổ chức thảo luận, tăng cường tương tác trong giờ học

Cùng với việc sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, GV cũng có thể tổ chức cho HS thảo luận tương tác cởi mở trong giờ học. Từ tính đa nghĩa của VB, HS đọc, kiến tạo, hiện thực hoá tác phẩm văn học cho bản thân. Đó là một quá trình tự trải nghiệm và tương tác phức tạp giữa HS với VB. Do vậy, có những khác biệt trong kết quả đọc hiểu của học sinh này với học sinh khác là hiển nhiên và thường làm nảy sinh nhiều vấn đề, ý kiến mà việc trao đổi, thảo luận trong lớp học là cần thiết và hữu ích cho tất cả mọi người.

Khi một vấn đề được nêu lên, qua thảo luận, HS có điều kiện tự bổ sung, điều chỉnh cách hiểu về VB của bản thân. Mặt khác, cũng giúp HS nhận thấy với một VB, những người đọc khác nhau ắt phải có nhiều cách hiểu khác nhau. Trước thực tế đó, HS cần biết chấp nhận các cách hiểu khác, nếu thấy là có cơ sở. Trái lại, đối với cách hiểu thiếu cơ sở, HS cần mài sắc lí lẽ, bằng chứng để bác bỏ một cách thuyết phục.

Một số nội dung/ loại vấn đề có thể nêu cho HS thảo luận:

– Các vấn đề liên quan đến nội dung và hình thức nghệ thuật của VB như: ý nghĩa của hình ảnh, biểu tượng, hình tượng nghệ thuật, quan điểm, lẽ sống, cách hành xử của nhân vật, quan điểm, thái độ của tác giả trong VB, các giá trị về tư tưởng và thẩm mỹ mà VB mang lại; cách xây dựng nhân vật, cách kể chuyện, các biện pháp nghệ thuật và tác dụng của chúng;...

– Các vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên. Ví dụ: vấn đề giới, tình bạn, ứng xử trong gia đình, sử dụng mạng xã hội,...

– Các vấn đề nảy sinh từ phát ngôn của ai đó khác biệt, độc đáo hoặc có tác dụng làm nóng không khí chung trong trường, trong lớp và ngoài xã hội ít nhiều có liên quan đến việc hiểu VB hoặc dùng VB để hiểu vấn đề của đời sống.

– ...

Hình thức tổ chức thảo luận, tương tác trong lớp học cũng cần linh hoạt. Có thể tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm 2 HS, nhóm 4 – 5 HS, thảo luận chung trong lớp. Sản phẩm, ý kiến của cá nhân hay các nhóm có thể được trình bày bằng lời hoặc bằng VB trên giấy khổ lớn; cá nhân, đại diện các nhóm khác theo dõi để góp ý, nhận xét,... Những ý kiến khác biệt, độc đáo hoặc cách lí giải thú vị, thuyết phục,... cần được GV và lớp học ghi nhận, tôn trọng, khích lệ đúng mức.

4.2.5. Hướng dẫn học sinh kết hợp thực hành viết trong quá trình đọc

Viết ngắn, viết nhanh¹ trong và sau khi đọc là một cách phản hồi tích cực, hiệu quả trong đọc hiểu VB. Đây cũng là cách giúp HS thể hiện và lưu giữ ý tưởng bằng việc viết nhanh lên giấy hay màn hình. Qua đó, tích hợp đọc với viết; đọc, viết với tiếng Việt. GV có thể hướng dẫn viết ngắn bằng nhiều hình thức để HS thực hiện ở nhà hoặc trên lớp:

– Ghi những ý tưởng nảy sinh trong quá trình đọc lên trên những miếng giấy nhỏ (take-note), dán vào trang sách.

– Viết đoạn văn sau khi đọc VB trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về VB hoặc sáng tạo thêm một đoạn viết về nhân vật hoặc viết lại cái kết của VB.

– Vẽ sơ đồ kết cấu, sơ đồ tính cách nhân vật, sơ đồ so sánh hai nhân vật, sự kiện, cảnh,...; vẽ tranh thể hiện sự tưởng tượng của mình về nhân vật, sự kiện hoặc cảnh vật được miêu tả trong VB.

– Viết nhật kí đọc sách.

– ...

¹ SGK Ngữ văn 10, bộ *Chân trời sáng tạo* gọi hoạt động này trong bài học trên lớp là *Từ đọc đến viết*. Tuy nhiên, trong trường hợp này, “viết ngắn” được hiểu rộng hơn: viết nhanh ra giấy ý tưởng cảm nhận trong và sau khi đọc sách nói chung, kể cả khi đọc ở nhà, trong thư viện,...

Những gì HS viết, vẽ,... có thể được sử dụng để trao đổi, thảo luận trong giờ đọc hiểu VB đồng thời được tập hợp vào một hồ sơ học tập để làm căn cứ, minh chứng đánh giá quá trình học tập của HS.

4.2.6. Đóng vai

Một trong những hình thức trải nghiệm VB sinh động, thú vị là hoá thân vào nhân vật để hiểu nhân vật, hiểu các tình huống cụ thể của đời sống, của tác phẩm và tự phát hiện bản thân. Trong giờ đọc hiểu VB, GV nên tổ chức cho HS diễn kịch, đóng vai để tạo cho HS cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong một môi trường giả định an toàn. Khi diễn kịch, đóng vai, HS có cơ hội học cách ứng xử, trải nghiệm những cảm xúc khác nhau, phát triển trí tưởng tượng sáng tạo, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, đồng thời giúp phát triển trí thông minh, cảm xúc của mình. Qua đó, HS tiếp nhận kiến thức một cách chủ động, sáng tạo, hứng thú. GV có thể tổ chức cho HS:

- Phân vai, đọc diễn cảm một tác phẩm, thể hiện cảm xúc, tính cách nhân vật bằng giọng đọc.

- Tưởng tượng mình là một nhân vật trong VB để hình dung nếu ở trong hoàn cảnh của nhân vật đó thì mình sẽ giải quyết vấn đề như thế nào, sẽ có những cảm xúc, suy nghĩ gì.

- Mời một HS đóng vai nhân vật hoặc đóng vai tác giả để những HS khác với vai trò là người đọc, nêu câu hỏi cho nhân vật hoặc tác giả.

- Sân khấu hoá một đoạn trích trong một VB văn học.

Cũng cần nói thêm rằng: các phương pháp nêu trên, thực ra không hề xa lạ với GV và HS; khi có điều kiện, nhiều thầy cô đã sử dụng rất hiệu quả linh hoạt. Tuy nhiên, với chương trình Ngữ văn 2018, bám chắc định hướng phát triển năng lực, các phương pháp này cần được tiếp tục phối hợp sử dụng nhằm đáp ứng tốt các YCCĐ của việc dạy đọc.

4.3. Dạy viết theo kiểu văn bản

Để có thể tạo lập một VB, người viết cần có nhiều loại kiến thức như kiến thức về đề tài cần viết, kiến thức về cách thức tạo lập VB, kiểu loại VB, cách hành văn và giao tiếp với người đọc. Cũng như đọc – tiếp nhận, viết – tạo lập là một hoạt động tư duy phức tạp. Vì thế, dạy tạo lập VB không thể nóng vội. HS cần phải được dạy theo quy trình, theo thao tác và thực hành luyện tập thường xuyên. Về phương pháp, GV trợ giúp, hướng dẫn HS bằng nhiều cách: thuyết trình, phân tích mẫu, làm mẫu, hướng dẫn quy trình, thao tác viết,...

4.3.1. Thuyết trình

Ngay cả trong dạy viết, có những thời điểm bài học cũng cần đến lời thuyết trình, diễn giảng của GV, nhất là khi thời gian có hạn, không tiện / không cần thực hiện đàm thoại, thảo luận. Chẳng hạn: các thời điểm: giới thiệu *Tri thức về kiểu bài*, chốt lại các bước trong quy trình viết, nhận xét tổng hợp về bài viết của HS,... là những thời điểm GV có thể thuyết trình. Dĩ nhiên, cần thuyết trình gãy gọn, dễ hiểu, kết hợp phân tích ví dụ minh họa và nêu câu hỏi nhằm tác động đến trí não của HS.

4.3.2. Phân tích kiểu văn bản

Trong Chương trình Ngữ văn lớp 10, HS được yêu cầu thực hành viết nhiều kiểu VB: *Viết VB phân tích đánh giá chủ đề, những điểm đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của chúng trong một tác phẩm/ đoạn trích VB văn học (truyện, thơ, kịch, sử thi,...); Viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội; Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm; Viết bài luận về bản thân; Viết bản nội quy hay hướng dẫn nơi công cộng*. Nhằm hỗ trợ cho hoạt động thực hành viết các kiểu VB như vậy, SGK đã đưa ra các “Bài viết tham khảo”¹ cho mỗi kiểu VB. Vì thế, GV cần hướng dẫn HS đọc, phân tích kiểu VB trong sự đối chiếu với *yêu cầu đối với kiểu bài* và để học cách viết (theo lối trực quan) từ các bài viết tham khảo ấy.

GV có thể thực hiện *phân tích kiểu VB* theo các bước sau :

Bước 1: *Hướng dẫn phân tích kiểu VB*

Chia HS thành từng nhóm nhỏ, yêu cầu đọc toàn bộ VB tham khảo, sau đó GV cho HS lần lượt thảo luận các câu hỏi hoặc điền vào các phiếu học tập, nhằm:

- Nhận biết cấu trúc chung của kiểu VB (với mở bài, thân bài, kết bài).
- Quan sát, nhận biết đặc điểm, cách viết ở từng phần VB.
- Xác định các đặc điểm, cách diễn đạt trong VB để nhận biết yêu cầu diễn đạt nói chung và diễn đạt trong các phần, đoạn quan trọng khi thực hành viết kiểu VB đó.

Bước 2: *Đối chiếu VB tham khảo với “Tri thức về kiểu bài”*

- Yêu cầu HS/ nhóm HS rút ra các đặc điểm chính về kiểu bài từ VB tham khảo.
- Đối chiếu VB tham khảo với các *yêu cầu đối với kiểu bài* được tóm lược trong mục *Tri thức về kiểu bài* để nắm vững sơ đồ dàn ý và cách viết.

(Xem VB ngữ liệu tham khảo *Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện ngụ ngôn “Chó sói và chiên con” (La Fonten)* và câu hỏi phân tích VB này, tr.26 *Ngữ văn 10*, tập 1, bộ sách *Chân trời sáng tạo*).

¹ Bài viết tham khảo: hình mẫu trực quan, không phải kiểu bài mẫu cho HS sao chép, nhưng cũng không nhất thiết đạt đến sự mẫu mực. Mục đích là để HS đối chiếu với yêu cầu và sơ đồ dàn ý kiểu bài để học cách viết tương tự.

4.3.3. Thị phạm kĩ năng viết

Tạo lập VB là một quá trình tư duy – thực hành phức tạp, bao gồm nhiều khâu, nhiều thao tác cần được *thị phạm – trực quan hoá*. GV – trong tư cách một người viết có kinh nghiệm – cần sử dụng thuần thục phương pháp làm mẫu, giúp HS “nhìn thấy” được chuỗi thao tác trong quá trình viết như trong một đoạn phim quay chậm. Điều mà HS cần “nhìn thấy”, “nghe thấy” là những suy nghĩ, lựa chọn diễn ra trong đầu của GV qua việc làm mẫu: phân tích xác định yêu cầu của đề, hình thành ý tưởng, tìm từ ngữ hình ảnh, diễn đạt thành lời, tẩy xoá, chỉnh sửa,... Giống như một GV toán trình bày cách giải bài toán của mình bằng lời nói để giúp HS “nhìn thấy” lô-gíc tư duy của mình, thị phạm với GV là nói to những suy nghĩ, cảm xúc, liên tưởng nảy sinh trong đầu mình; nói đến đâu làm đến đấy trong khi cố gắng tạo ra sản phẩm ngôn từ: một ý tưởng, một bố cục, một câu văn, đoạn văn, một luận điểm có lí lẽ, bằng chứng, mở bài, kết bài, chuyển tiếp, sự nhấn mạnh, sự lướt qua,...

Trong quá trình thị phạm kĩ năng viết, GV nên thực hiện theo các bước:

a. Chuẩn bị

- Giải thích mục đích của việc GV thị phạm là để HS học cách viết tương tự.
- Nói rõ kĩ năng mà GV sẽ thị phạm cho HS, ví dụ “hôm nay, chúng ta sẽ học cách triển khai luận điểm trong bài văn nghị luận”,...
- Yêu cầu HS chú ý nghe những gì GV nói, quan sát các hoạt động viết của GV, ghi lại những gì HS quan sát được về cách tạo lập VB, ví dụ: “cô giáo đã lập dàn ý bằng cách...”.
- Chọn một phương diện cụ thể của kiểu loại VB để thị phạm, ví dụ: “cách viết mở bài cho một bài văn nghị luận, cách triển khai một luận điểm”. Nếu thị phạm cách viết toàn bộ một bài văn trong một tiết thì sẽ gây quá tải cho HS.

b. Thị phạm

– GV cần nói to, rõ ràng cách thực hiện từng yếu tố của VB, ví dụ như những suy nghĩ về yêu cầu của đề, những ý tưởng nảy sinh trong đầu, làm sao thể hiện những ý tưởng thành dàn ý, chọn lựa cách viết mở bài, chọn từ ngữ này hay từ ngữ kia,... HS cần được nhìn thấy rõ ràng tiến trình tạo lập VB qua việc nghe những lời nói của GV đồng thời quan sát từng hành động viết của GV. Ví dụ, vừa viết, GV vừa nói:

- + *Viết câu mở bài thế nào cho hấp dẫn người đọc?*
- + *Đến đây, cô sẽ xuống dòng, chuyển qua một đoạn khác.*
- + *Thầy nghĩ là thầy phải nhìn lại dàn ý xem có bỏ sót ý nào không?*
- + *Có lẽ là cần thay thế từ “...” bằng từ “...” thì mới phù hợp.*
- + ...

– Dùng máy chiếu hoặc bảng phụ để vừa viết vừa nói to những suy nghĩ của mình khi viết. Điều này giúp HS nhìn rõ những ý tưởng của GV đang được thể hiện như thế nào trên trang giấy, kể cả những phút ngập ngừng để suy nghĩ tiếp, để tìm từ thích hợp, những đoạn viết ra xong lại xoá đi, cách chọn ý nào là luận điểm, cách đưa dẫn chứng chứng minh cho luận điểm,...

c. Giao nhiệm vụ tương tự và hướng dẫn học sinh thực hành

– Yêu cầu HS nhắc lại những gì họ nghe và quan sát được về cách tạo lập VB của GV, những kinh nghiệm mà HS rút ra được sau khi quan sát và có thể vận dụng khi thực hiện một công việc tương tự.

– Yêu cầu HS thực hiện một thao tác, một công việc, một đề tài tương tự, gần gũi, vừa sức với HS. GV cùng HS từng bước thực hiện theo các câu hỏi khơi gợi, hướng dẫn HS, tóm tắt ý của HS, trình bày các ý đó lên bảng,... vừa với vai trò hướng dẫn, vừa với vai trò một thư kí.

– GV yêu cầu HS thực hành viết theo nhóm; sau đó, cho từng HS thực hành viết.

4.3.4. Hướng dẫn quy trình viết

GV hướng dẫn HS viết VB theo quy trình đã nêu trong SGK *Ngữ văn 10*, với hầu hết các kiểu VB: 1) **Chuẩn bị viết** (*xác định đề tài, mục đích viết, người đọc mà VB hướng tới, thu thập tư liệu*); 2) **Tìm ý, lập dàn ý**; 3) **Viết bài**; 4) **Xem lại và chỉnh sửa**.

Viết là một tiến trình với nhiều công đoạn. GV không áp đặt quan điểm của mình, không làm thay HS bất kì công đoạn nào (kể cả lập dàn ý). Ở đây, HS phải là người “làm”, tự mình thực hiện tất cả các khâu để có sản phẩm (từng khâu, từng phần và sản phẩm VB) với sự trợ giúp của GV và sự tương tác của các thành viên trong nhóm, trong lớp.

Để có được thành công, GV phải tạo ra môi trường học tập thoải mái, không tạo áp lực cho HS, khuyến khích, trợ giúp họ trong suốt tiến trình viết. Sản phẩm của HS cần được thảo luận xem họ có thể làm gì để bài viết tốt hơn. GV cần làm cho HS hiểu rằng hoạt động viết là hoạt động tiếp diễn, sự thay đổi, phát triển ý tưởng tiếp tục xảy ra cho đến sản phẩm cuối cùng.

Nhiệm vụ của HS không chỉ là tạo lập VB mà còn là phản hồi, tự đánh giá, đánh giá bài viết của bạn, chỉnh sửa nhiều lần để tạo ra VB tốt hơn.

Từng bước trong quy trình viết VB đã được SGK *Ngữ văn 10*, *Chân trời sáng tạo* hướng dẫn khá tỉ mỉ. GV căn cứ vào đó để hướng dẫn HS thực hiện. Ở đây, xin lưu ý thêm một số điểm.

a. Phát huy tính mở, tính thực tiễn của đề bài

– Đề bài cần phải gắn với những vấn đề của thực tế, nằm trong tầm quan tâm, nhận thức của HS để HS có khả năng vận dụng kiến thức nền đã có vào tạo lập VB, đồng thời hình dung được bối cảnh, mục tiêu, đối tượng giao tiếp. GV khuyến khích HS suy nghĩ tự chọn đề tài/ vấn đề mà mỗi người quan tâm, hứng thú, mong muốn được chia sẻ.

– Đề tài phải có tính mở, tức là gợi ra nhiều khả năng, cơ hội để HS lựa chọn. Ví dụ:

Đề 1: Hãy viết VB nghị luận phân tích, đánh giá về chủ đề và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ mà bạn yêu thích.

HS được hướng dẫn: Phạm vi lựa chọn của bạn khá rộng, nhưng với đối tượng là bài thơ ngắn, đoạn thơ ngắn, bạn có thể chọn một trong các trường hợp sau:

- Bài ca dao có độ dài từ 2 dòng đến khoảng 10 dòng.
- Bài thơ tứ tuyệt (hay thơ bốn câu).
- Bài thơ thất ngôn bát cú.
- Trích đoạn từ các bài thơ dài.
- Bài thơ ngắn hoặc đoạn thơ trong sách SGK Ngữ văn các lớp THCS hay từ các tuyển tập thơ mà bạn đã đọc,...

Đề 2: Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 đến 650 chữ) trình bày ý kiến của bạn về một vấn đề trong đời sống mà bạn quan tâm.

Sách gợi ý tham khảo các vấn đề:

- Người trẻ chọn thần tượng là để tôn thờ hay để vươn lên?
- Có người nói: “chọn sách tốt mà đọc”. Người khác lại nói: “sách tốt hay sách xấu, đọc đều có ích”. Ý kiến của bạn như thế nào?
- Ta nên quan tâm đến người khác hay để người khác quan tâm đến ta?
- Thận trọng và quyết đoán, đức tính nào cần cho công việc?
- Trò chơi có lợi hay có hại đối với các bạn trẻ chúng ta?
- Cái “tôi” là đáng ghét hay đáng yêu?
- ...

b. Hướng dẫn HS xác định yêu cầu, mục đích viết, người đọc bài viết hướng tới

c. Hướng dẫn HS tìm thông tin, ý tưởng

d. Hướng dẫn HS lập dàn ý

Trong bước này, GV hướng dẫn HS phát triển các ý tưởng đã liệt kê thành dàn ý chi tiết bằng cách:

- Trả lời câu hỏi HOW (mô hình 5W1H): bài viết của tôi sẽ được viết theo thể thức (kiểu loại VB) như thế nào?
- Đánh số các ý tưởng và thể hiện các ý tưởng thành sơ đồ tư duy, sơ đồ mạng hoặc sơ đồ chuỗi dựa trên gợi ý.
- Sau đó, hướng dẫn HS nhìn lại sơ đồ dàn ý để trả lời các câu hỏi:
 - + *Dàn ý của tôi đã đủ ý, đã đáp ứng được yêu cầu của đề bài hoặc thể hiện được những suy nghĩ của tôi chưa?*
 - + *Dàn ý của tôi có thể hiện được mục tiêu không?*
 - + *Các ý trong dàn ý có phù hợp với người đọc không?*
 - + *Có nên thêm bớt hoặc điều chỉnh trình tự các ý?*

Cũng có thể cho HS / nhóm HS trao đổi sơ đồ dàn ý để góp ý cho nhau.

Việc hướng dẫn HS vẽ sơ đồ dàn ý giúp cho HS có được “bản vẽ thiết kế” của “ngôi nhà” tương lai, giúp HS không bỏ sót ý, phát triển tư duy lô-gíc và hiểu sự cần thiết của việc lập dàn ý trước khi viết.

e. Viết bài

Trước khi HS viết bản thảo, GV cần cung cấp cho HS tiêu chí đánh giá VB hoặc bảng kiểm và giải thích rõ ý nghĩa của từng tiêu chí để giúp HS định hướng bài viết của mình. Bảng tiêu chí này được xây dựng dựa trên đặc điểm, yêu cầu của kiểu loại VB (kiểu bài nghị luận, kiểu bài kể chuyện,...).

Như vậy, các tiêu chí, bảng kiểm có hai chức năng: (1) hướng dẫn để HS biết cách làm; (2) công cụ để HS tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá lẫn nhau. Qua đó, HS có thể được hình thành và phát triển khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh. Tiêu chí còn là công cụ để GV đánh giá HS.

GV có thể chọn những cách sau để tổ chức cho HS viết bản thảo:

- Yêu cầu mỗi nhóm viết một đoạn trong dàn ý (có thể viết lên giấy A0), sau đó, treo sản phẩm của các nhóm lên bảng theo trình tự bài viết để thảo luận chung trên lớp.
- Yêu cầu mỗi HS về nhà viết bài hoàn chỉnh dựa trên dàn ý.
- Nhắc HS dùng các từ nối để làm cho bài văn liền mạch.

g. Tổ chức cho HS chỉnh sửa và chia sẻ bài viết

Tiến trình tổ chức cho HS chỉnh sửa nên được thực hiện như sau:

- Hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm để tự kiểm tra bài viết.
- Hướng dẫn HS sử dụng bảng Cách kiểm tra và điều chỉnh bài viết để tự chỉnh sửa.

- GV giải thích mục đích của góp ý lẫn nhau là để học hỏi và làm cho bài viết tốt hơn.
- GV làm mẫu cách góp ý cho một bài viết để HS thực hiện.
- Hướng dẫn HS chỉnh sửa bài lẫn nhau theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa trên bảng *Tiêu chí đánh giá bài viết* theo các bước.

4.4. Phát triển năng lực trong dạy Nói và nghe

Nói – nghe là một trong các kĩ năng giao tiếp. Để nói, nghe hiệu quả, người nói và người nghe cần có nhiều loại kiến thức: kiến thức về chủ đề muốn nói, ngôn ngữ, hiểu biết về các loại văn phong của ngôn ngữ nói, đối tượng giao tiếp, cách giao tiếp với những đối tượng khác nhau, sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và viết, hiệu quả của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Không chỉ học cách nói, nghe mà HS còn học cách giao tiếp có văn hoá.

HS học cách nói và nghe trong quá trình HS đọc và viết và trong tiết nói và nghe qua các hoạt động thảo luận, chia sẻ những gì đã đọc và viết. GV cần tổ chức cho HS đóng vai là người nghe, người nói để hình dung được cảm xúc, suy nghĩ của người nói, người nghe. Qua đó, không chỉ học cách nói mà còn học được cách dự đoán tâm lí người nghe, cách đồng cảm với người nói, cách phản hồi phù hợp, học cách phản hồi người khác.

4.4.1. Dạy nói

Khi dạy nói, GV cần:

- Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi: người nghe của tôi là ai, họ muốn biết những gì về điều tôi sẽ nói, mục đích nói của tôi là gì. Từ đó, hướng dẫn HS xác định nội dung nói và cách nói.
- Hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài nói (dựa trên bài viết đã viết) về nội dung (trong trường hợp HS đã có bài viết thì hướng dẫn HS chuyển nội dung bài viết thành bài nói) và về cách nói (cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận).
- Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để kiểm soát bài nói của bản thân.

4.4.2. Dạy nghe

Khi dạy HS nghe, GV nên:

- Làm mẫu cách lắng nghe người nói bằng cách: nhìn vào mặt người nói, nêu câu hỏi cho người nói về những gì chưa rõ, nhắc lại điều người nói vừa trình bày để đảm bảo hiểu đúng ý người nói.
- Dùng mảnh giấy nhỏ ghi chép vắn tắt những gì đã nghe.
- Dùng bảng kiểm để góp ý cho bài nói của bạn bằng giọng điệu nhẹ nhàng và bằng những mẫu câu như: *Bài nói của bạn rất hay nhưng nếu có thể, bạn nên làm rõ thêm,..; Nếu là tôi, tôi sẽ,..; Nên chăng, bạn tập trung vào nội dung,..*

4.4.3. Dạy nói – nghe tương tác

Hướng dẫn HS:

- Kiên nhẫn chờ đến lượt mình nói, không ngắt lời người nói.
- Nối tiếp cuộc hội thoại bằng những câu hỏi, lời nhận xét, bổ sung gắn với chủ đề cuộc thảo luận/ tranh luận/ đối thoại.
- Tôn trọng người nói và những ý kiến khác biệt.
- Hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Lưu ý: Bản thân cách nói của GV trong quá trình dạy chính là “mẫu” mà HS hằng ngày quan sát, học hỏi. Vì thế, GV phải học cách nói sao cho gãy gọn, rõ ràng, phù hợp đối tượng người nghe.

4.5. Dạy tiếng Việt

Việc dạy tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 không nhằm cung cấp kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ, mà nhằm phục vụ việc đọc hiểu và hỗ trợ HS trong tạo lập các loại VB. Do đó, ngữ liệu được sử dụng trong dạy học tiếng Việt cần được tích hợp với ngữ liệu đã được lựa chọn ở phần đọc hiểu. Điều này giúp HS gắn kết được các kiến thức ngôn ngữ vào quá trình tiếp nhận VB, từ đó có thể nâng cao năng lực đọc hiểu. Tuy nhiên, GV cũng có thể cân nhắc thêm về những ngữ liệu gắn với thực tế sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hằng ngày để tạo hứng thú cho HS.

Ngoài ra, để việc dạy học các đơn vị kiến thức tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đạt hiệu quả, GV lưu ý đến việc tích hợp dạy tiếng Việt vào các hoạt động dạy học các kĩ năng khác như viết, nói và nghe.

Khi tổ chức dạy học tiếng Việt, GV cần chú ý đến trình độ tiếng Việt của HS để tận dụng, phát huy những mặt tích cực trong kĩ năng sử dụng tiếng Việt của HS và hạn chế những mặt tiêu cực trong quá trình sử dụng ngôn ngữ của các em. Việc chú ý đến trình độ tiếng Việt của HS còn giúp định hướng sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp.

Với định hướng như vậy, việc tổ chức dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 10* nên được thực hiện với một số gợi ý sau:

4.5.1. Dạy tri thức tiếng Việt

GV có thể sử dụng một số phương pháp, biện pháp sau:

- Phương pháp thuyết trình: GV dùng lời để thông báo, giới thiệu, giải thích cho HS về những đơn vị kiến thức mới được xác định ở phần *Tri thức ngữ văn*.
- Phương pháp đàm thoại gợi mở: GV sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS phân tích các ngữ liệu mẫu để đi đến việc rút ra các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.
- Phương pháp trực quan: GV có thể kết hợp sử dụng thêm các phương tiện trực quan để hỗ trợ HS lĩnh hội kiến thức.

Ngoài ra ở phần này của bài học, GV có thể sử dụng thêm một số kĩ thuật như công não, KWL để khơi gợi, huy động tri thức nền của HS về những đơn vị kiến thức tiếng Việt vốn có của HS.

4.5.2. Dạy Thực hành tiếng Việt

Đối với những nội dung *Thực hành*, GV có thể sử dụng một số phương pháp, biện pháp sau để tổ chức dạy học:

- Phương pháp đàm thoại gợi mở: GV có thể sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS giải quyết các bài tập thực hành hoặc dùng câu hỏi để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành của HS.

- Phương pháp dạy học hợp tác: GV có thể sử dụng kết hợp hình thức dạy học theo nhóm với dạy học cặp đôi để tổ chức cho HS thực hành, trao đổi, chia sẻ kết quả bài tập với nhau cũng như thực hiện việc tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng về mức độ thông hiểu và vận dụng kiến thức của HS.

- Phương pháp trò chơi: GV có thể tổ chức thực hành dưới hình thức trò chơi để kích thích động cơ, hứng thú học tập của HS.

Ngoài ra, GV có thể kết hợp với việc sử dụng một số kĩ thuật sau để làm cho phần *Thực hành tiếng Việt* thêm hấp dẫn, sinh động như kĩ thuật sử dụng phiếu học tập (thiết kế phiếu học tập từ những bài tập thực hành do SHS đề nghị theo định hướng sự phạm của GV), kĩ thuật khăn trải bàn đối với những bài tập mang tính “vấn đề”, kĩ thuật sơ đồ tư duy,...

4.5.3. Dạy viết ngắn/ viết đoạn văn (mục Từ đọc đến viết)

Đây là nội dung dạy học mang tính tích hợp cao: tích hợp kĩ năng đọc với viết, tích hợp nội dung tiếng Việt vào hoạt động đọc và viết. Vì vậy, GV có thể tổ chức nội dung dạy học theo những gợi ý dưới đây:

- Hướng dẫn HS viết theo hình thức cá nhân. Lưu ý HS việc vận dụng những nội dung của các giờ học về đọc hiểu VB trước đó và kiến thức tiếng Việt vừa học vào đoạn viết ngắn.

- Tổ chức cho HS chia sẻ, trao đổi đoạn viết với nhau theo hình thức cặp đôi hoặc công bố trên bản tin học tập của lớp.

- Hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng bằng bảng kiểm (checklist).

- Tổ chức nhận xét, đánh giá, sửa chữa một vài sản phẩm tiêu biểu.

- Nhắc nhở HS lưu giữ sản phẩm trong hồ sơ học tập của cá nhân.

Việc viết ngắn có thể được thực hiện tại lớp hoặc ở nhà tùy theo điều kiện thời gian của lớp học. Tuy nhiên, GV cần tổ chức nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm tiêu biểu trên lớp (có thể ngay trong tiết học tiếng Việt/ đầu tiết học Việt/ trong tiết Ôn tập).

5. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

5.1. Sơ đồ, biểu bảng

Kiến thức được lưu giữ dưới 2 dạng: ngôn ngữ và hình ảnh $\Rightarrow$ sử dụng hình ảnh, sơ đồ sẽ giúp HS:

- Hiểu bài sâu hơn, nhận rõ mối quan hệ giữa các kiến thức.
- Củng cố, nhớ lâu kiến thức.
- Rèn luyện năng lực khái quát, phân tích, so sánh, phân loại vấn đề.

Có nhiều loại sơ đồ, biểu bảng:

- Sơ đồ khái quát tính cách nhân vật.
- Sơ đồ các chi tiết về nhân vật.
- Sơ đồ diễn biến tâm trạng nhân vật.
- Sơ đồ mối quan hệ giữa các nhân vật, các sự kiện.
- Sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một bài học, một chương, một phần.
- Sơ đồ các yếu tố trong tác phẩm.
- Sơ đồ cấu trúc VB.
- Bảng tổng kết một chương, một học kì.
- Bảng so sánh các đơn vị kiến thức.
- ...

Định hướng sử dụng:

- Sử dụng sơ đồ, biểu bảng khuyết (khuyết nhiều: khó, ít: dễ) kèm theo câu hỏi.
- Cho các nhóm thảo luận, điền vào sơ đồ.
- Cho các nhóm trình bày sơ đồ, chỉnh sửa, đánh giá.
- Cho sơ đồ sai, HS chỉnh sửa, sắp xếp lại (Ví dụ: sơ đồ cốt truyện).

5.2. Hình ảnh

Khi sử dụng tranh ảnh trong dạy học đọc hiểu VB văn học, GV cần chú ý:

- Không lạm dụng vì đặc trưng của văn chương là tính hình tượng, chất liệu ngôn từ: có tác dụng phát huy trí tưởng tượng của người đọc.
- Chỉ sử dụng trong trường hợp: những hình ảnh, sự vật xa lạ với HS để giúp HS hiểu rõ hơn hình tượng nghệ thuật của tác phẩm.

5.3. Yêu cầu đối với phương tiện trực quan

- Phù hợp với nội dung bài học, kết quả cần đạt.

- Có tính khái quát cao: tổng kết, tóm lược được các kiến thức cơ bản (sơ đồ, biểu bảng).
- Thể hiện được mối quan hệ giữa các phần, các yếu tố trong bài học, chương.
- Phân biệt các thông tin chính, phụ bằng màu sắc, kích cỡ của các kiểu hình, kiểu chữ, mũi tên.
- Diễn đạt ngắn gọn bằng các cụm từ, mệnh đề, kí hiệu.
- Cỡ hình, cỡ chữ đủ lớn.

6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HS

6.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong giáo dục nói chung, trong môn Ngữ văn nói riêng, nhằm các mục tiêu sau:

- Giúp HS nhận ra những gì mình đã đạt hoặc chưa đạt so với YCCĐ về phẩm chất và YCCĐ mà chương trình đã đề ra, để giúp HS điều chỉnh việc học và tiến bộ.
- Giúp HS tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động dạy học, từ đó điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm giúp HS đạt chuẩn chương trình.
- Giúp các nhà quản lí và phát triển chương trình nhận ra những điểm tốt/ chưa tốt để điều chỉnh chương trình và cách quản lí, đảm bảo chất lượng giáo dục.

6.2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các YCCĐ về:

- Các phẩm chất chung, được thể hiện qua môn học.
- Các năng lực chung, đặc biệt là năng lực giao tiếp.
- Các năng lực chuyên biệt mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra đối với học sinh mỗi lớp học, cấp học.

6.3. Nội dung đánh giá

Trong môn Ngữ văn, GV đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe. Cụ thể là:

6.3.1. Đánh giá hoạt động đọc

Đo lường mức độ HS đạt yêu cầu về đọc hiểu nội dung, chủ đề của VB, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, kiểu VB, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa VB với đời sống.

6.3.2. Đánh giá hoạt động viết

Đánh giá khả năng tạo lập các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh,... mà chương trình đã đề ra.

Đánh giá kĩ năng viết dựa vào các tiêu chí, bảng kiểm, được xây dựng dựa trên đặc điểm của kiểu bài, bao gồm nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...

6.3.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe

Đánh giá khả năng HS nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ.

Đánh giá khả năng nắm bắt nội dung do người khác nói, khả năng đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

6.4. Cách thức đánh giá

Có hai hình thức đánh giá: thường xuyên và định kì.

6.4.1. Đánh giá thường xuyên

Đây là hình thức đánh giá được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, thể hiện ở việc HS thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV giao: trả lời câu hỏi, thực hiện các phiếu học tập, trao đổi trong nhóm,...

6.4.2. Đánh giá định kì

Là hình thức được thực hiện ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối cấp học), gồm kiểm tra viết, kiểm tra nói.

Đối với đề kiểm tra viết VB văn học, cần hết sức cân nhắc việc sử dụng dạng đề trắc nghiệm, vì VB văn học là một thực thể mở và động, có thể có nhiều cách hiểu. Đối với kiến thức tiếng Việt và làm văn, GV có thể sử dụng đề trắc nghiệm.

Khi đánh giá kĩ năng đọc của HS, GV cần chọn những VB bên ngoài SGK nhưng đảm bảo độ dài và cùng thể loại với VB mà HS đã được học để có thể kiểm tra chính xác kĩ năng đọc hiểu VB của HS.

Khi đánh giá kĩ năng viết và nói nghe của HS, GV cần ra những đề mở, nằm trong tầm hiểu biết và quan tâm của HS để HS có đủ tri thức nền và hứng thú làm bài, đồng thời có cơ hội thể hiện cá tính và năng lực sáng tạo.

6.5. Chủ thể tham gia đánh giá

Bên cạnh việc GV đánh giá HS, GV cần hướng dẫn và tạo cơ hội cho HS được tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau thông qua bảng kiểm.

Bài 1

TẠO LẬP THỂ GIỚI (THẦN THOẠI) (10 TIẾT)

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất*, *năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Trân trọng trí tưởng tượng và di sản nghệ thuật của người xưa.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học*, *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe* nhằm đáp ứng các *yêu cầu cần đạt* (YCCĐ) như sau:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật.
- Biết nhận xét nội dung bao quát của VB; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc hai nền văn hoá khác nhau.
- Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về liên kết đoạn văn.
- Viết được VB đúng quy trình; phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một truyện kể.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện; nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

Các YCCĐ trên đây là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của hai VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua các câu hỏi *Sau khi đọc*.

Về phân bố thời lượng dạy học, GV tùy vào điều kiện thực tế của đối tượng, địa phương mà phân bố số tiết cho từng nhóm kĩ năng một cách phù hợp với việc thực hiện mục tiêu.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

2.1. Đặc điểm bài học

– Về thể loại:

Trong bài học này, HS được hướng dẫn đọc hiểu một số VB thuộc thể loại thần thoại và hình thành các kĩ năng viết, nói và nghe gắn với chủ đề *Tạo lập thế giới*. Đó là chủ điểm xuyên suốt của bài học, thể hiện tinh thần tích hợp về nội dung dạy học và phát triển năng lực cho HS của bộ sách. Các tri thức mới về văn học và tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ văn* nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– Về cấu trúc bài học:

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* được tổ chức thực hiện trên tinh thần tích hợp, tương hỗ qua lại lẫn nhau, và về cơ bản, được triển khai dựa trên một cụm ngữ liệu (riêng về hoạt động viết, có thêm ngữ liệu là một VB “mẫu” để HS trực quan về kiểu bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của một truyện kể).

Đọc: Gồm 4 VB, trong đó, VB 1 *Thần Trụ Trời* (thần thoại Việt Nam) và VB 2 *Prô-mê-tê và loài người* (thần thoại Hy Lạp) thuộc thể loại thần thoại, là ngữ liệu chủ yếu nhằm thực hiện YCCĐ: “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại”. VB 3 *Đi san mặt đất* (trích *Mẹ Trời, Mẹ Đất* của dân tộc Lô Lô) khác thể loại nhưng cùng chủ đề *Tạo lập thế giới* được sử dụng để “đọc kết nối chủ điểm”. VB 4 *Cuộc tu bổ lại các giống vật* (thần thoại Việt Nam) cũng thuộc thể loại thần thoại, nhằm hướng dẫn HS đọc mở rộng theo thể loại. Về nguyên tắc, HS có thể đọc mở rộng bất kì VB nào có cùng đặc điểm thể loại, nội dung và độ dài tương đương với hai VB chính của bài học. Vì vậy, VB 4 được cung cấp ở đây như là một gợi ý. HS cần luyện tập để có thể tự mình đọc hiểu các VB tương đương ngoài SGK để đáp ứng yêu cầu đọc mở rộng trong năm học.

Tiếng Việt: Thực hành theo YCCĐ.

Viết, nói và nghe: HS viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể; chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng; giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể; nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói và biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

2.2. Phân bố số tiết

Bài học *Tạo lập thế giới* dự kiến được dạy trong thời gian 10 tiết, có thể phân chia như sau:

– Đọc: 5 tiết (VB 1: 2 tiết; VB 2: 2 tiết; VB 3 đọc kết nối chủ điểm: 0,5 tiết và VB 4 đọc mở rộng theo thể loại: 0,5 tiết).

– Viết: 2,5 tiết (2 tiết hướng dẫn, HS làm bài ở nhà; 0,5 tiết trả bài).

– Tiếng Việt: 1 tiết.

– Nói và nghe: 1 tiết.

– Ôn tập: 0,5 tiết.

Việc phân bố thời gian cho hoạt động rèn luyện từng kĩ năng được xác định như trên. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng nội dung và YCCĐ của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

SGK *Ngữ văn 10* thiết kế một hệ thống nhiệm vụ học tập riêng cho từng phần *đọc, tiếng Việt, viết kết nối với đọc, viết VB, nói và nghe, ôn tập*. GV cần nghiên cứu, khai thác các kĩ thuật dạy học để thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập này. GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại thần thoại, kiểu bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật), phương pháp phân tích mẫu và đàm thoại gợi mở để hướng dẫn HS phân tích kiểu VB nhằm hình thành và củng cố kiến thức về đặc trưng kiểu bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật).

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến khi dạy đọc VB.

– Ngoài ra, GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tri thức tiếng Việt.

3.2. Phương tiện dạy học

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Máy chiếu dùng để chiếu tranh ảnh tư liệu liên quan.
- Giấy A1 hoặc A3 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu *Chuẩn bị đọc, Đọc VB*) trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS,...

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHẦN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB thuộc thể loại thần thoại, theo đúng các YCCĐ mà chương trình đã xác định. Vì thế, mục tiêu giúp HS “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật” sẽ là mục tiêu hàng đầu, cần được ưu tiên giải quyết triệt để. Cùng với đó là hai YCCĐ “Biết nhận xét nội dung bao quát của VB; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm” và “Biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc hai nền văn hoá khác nhau” cũng cần được giải quyết ở mức độ nhất định.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu. (Xem *Ma trận YCCĐ – câu hỏi đọc hiểu* đối với VB, cụm VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Trước khi đọc, Đọc VB* và *Sau khi đọc* để hình thành các thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB.

Cũng cần lưu ý thêm rằng: (1) các câu hỏi trong khi đọc được đặt ra là để HS biết dừng lại ở những điểm cần thiết khi đọc VB, tự trả lời trong đầu từ đó mà rèn luyện các kĩ năng đọc như *theo dõi, suy luận, hình dung, dự đoán,...* trong khi đọc VB bằng mắt; (2) trong các câu hỏi ở bước *Sau khi đọc* thường có những câu hỏi định hướng nhận biết thể loại; nhận biết và phân tích các yếu tố hình thức của thể loại.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGŨ VĂN

1.1. Tri thức văn học

Tạo lập thế giới là bài học đầu tiên trong học kì 1, cũng là bài đầu tiên HS được học về thể loại thần thoại. Do vậy, GV nên dành thời gian thích đáng để HS đọc tri thức đọc hiểu về thần thoại. Lưu ý, các nội dung trong mục *Tri thức Ngữ văn* là nhằm giúp HS hiểu về thể loại thần thoại nhưng cũng giới hạn trong khuôn khổ đáp ứng các YCCĐ đã được quy định trong chương trình, cụ thể là YCCĐ “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật”. Vì vậy, GV tránh mở rộng gây quá tải cho HS, nhất là với các lớp HS đại trà.

Các tri thức đọc hiểu này sẽ giúp cho HS định hướng tìm hiểu khi đọc các VB thần thoại và trả lời các câu hỏi trong bước *Sau khi đọc*. GV nên dạy phần tri thức đọc hiểu này ở phần đầu trước khi dạy VB *Thần Trụ Trời*. GV có thể triển khai dạy bằng cách cho HS đọc và xác định những ý chính về thể loại thần thoại, về không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong thần thoại và yêu cầu các em kiểm chứng các điều này khi đọc các VB thần thoại sau đó. Trong quá trình hướng dẫn HS khai thác VB *Thần Trụ Trời* cũng như các VB thần thoại sau đó, GV nên lưu ý HS sử dụng các tri thức đọc hiểu và cũng để khẳng định các tri thức đọc hiểu này qua các dẫn chứng cụ thể trong VB.

1.2. Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa

Ở bài này, HS sẽ được học lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa. GV cần tổ chức cho HS đọc nội dung kiến thức tiếng Việt ở mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK, lưu ý những nội dung sau:

- Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn xảy ra khi nào?
- Cách chỉnh sửa đối với từng loại lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn.

GV cần nêu câu hỏi để hướng dẫn HS phân tích các ví dụ. Nếu cần, GV có thể chuẩn bị thêm một số ví dụ khác và hướng dẫn HS cách sửa. Lưu ý HS nắm vững kiến thức các loại lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn và cách chỉnh sửa để vận dụng vào việc làm bài tập ở phần *Thực hành tiếng Việt*.

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể tham khảo lời giới thiệu trong SGK. GV cũng có thể có những cách giới thiệu linh hoạt, miễn sao nêu được câu hỏi lớn: “Trong nhận thức của người xưa, thế giới đã được tạo lập như thế nào?”. Tuy nhiên, lưu ý câu hỏi lớn này là câu hỏi để HS suy ngẫm, chưa cần chốt đáp án ngay mà nên để đến phần *Ôn tập* HS sẽ trả lời.

3. DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

Một đặc điểm quan trọng của SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* là chú ý hình thành và phát triển kĩ năng đọc cho HS. Ở bài này, GV hướng dẫn HS luyện các kĩ năng *dự đoán, tưởng tượng* và *suy luận* trong quá trình HS trải nghiệm cùng VB ở trên lớp. Dù *Tạo lập thế giới* là bài đầu tiên của lớp 10 nhưng HS đã được hướng dẫn các kĩ năng này ở các lớp trước đó, vì vậy, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi ngắn về việc trong khi đọc thì nên làm gì, về các kĩ năng HS đã được hướng dẫn ở lớp dưới và cách thực hiện chúng. Dựa trên phản hồi của HS, GV có thể bổ sung, hướng dẫn thêm. Nhưng quan trọng nhất vẫn là cho HS thực hành. Tùy vào kết quả phản trao đổi, phản hồi về các kĩ năng đọc mà GV có thể chọn một trong hai cách sau. Nếu HS không nhớ, chưa hiểu về cách thực hiện các kĩ năng đọc thì GV có thể giải thích về cách thực hiện câu hỏi *tưởng tượng* trong khi đọc VB đầu tiên, VB *Thần Trụ Trời* và làm mẫu cho HS quan sát. Nếu HS đã hiểu về cách thực hiện các kĩ năng này, GV có thể cho HS thực hành ngay bằng cách mời một vài HS đọc các đoạn trong VB và trả lời các câu hỏi trong khi đọc. Khi nhận xét, GV cần tập trung nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng, hơn là nội dung câu trả lời của HS. GV cũng cần lưu ý đây là các câu hỏi trong khi đọc, tức là các câu hỏi người đọc tự đặt ra cho mình trong quá trình đọc VB thể hiện những điểm người đọc dừng lại, trăn trở, dự đoán, hình dung, tưởng tượng, suy luận, ... nhằm làm cho quá trình tư duy về VB được sâu hơn, vì vậy không nên dừng lại quá lâu làm đứt mạch suy nghĩ về VB.

4. DẠY ĐỌC VĂN BẢN THẦN TRỤ TRỜI

4.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh hai câu hỏi nêu trong SGK.

4.2. Đọc văn bản

GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở hoặc dạy học hợp tác để HS trao đổi về:

- Những kĩ năng đọc đã được học ở các lớp dưới.
- Một người đọc hiệu quả thường sử dụng các kĩ năng này như thế nào?

GV cho HS thực hành đọc. Lưu ý HS khi gặp các câu hỏi trong box và những chỗ được đánh dấu thì dừng lại suy nghĩ nhanh, tự trả lời thầm trong đầu nhằm tạo thói quen và rèn luyện kĩ năng đọc. GV yêu cầu HS trả lời một vài câu hỏi trong khi đọc để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box *tuông tượng/ suy luận/ dự đoán* như thế nào. Nhận xét, góp ý ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB. Khi nhận xét, GV cần tập trung nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng hơn là nội dung câu trả lời của HS.

4.3. Sau khi đọc

4.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Một đặc điểm quan trọng nữa của SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu. Điều này thể hiện rõ nhất qua các câu hỏi ở bước *Sau khi đọc*. Các câu hỏi ở bước này thường là những câu hỏi định hướng nhận biết thể loại; nhận biết và phân tích các yếu tố hình thức của thể loại. Bằng việc hướng dẫn HS tìm hiểu, giải quyết các câu hỏi này, GV có thể đảm bảo giúp HS đạt được các YCCĐ đặt ra cho VB.

Bảng tổng hợp (ma trận) dưới đây là một công cụ có thể hỗ trợ GV điều phối, kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo tinh thần nêu trên.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản *Thần Trụ Trời*

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như không gian [1.a], thời gian [1.b], cốt truyện [1.c], nhân vật [1.d].	[1.a]: câu 1, 2, 7 [1.b]: câu 1, 2 [1.c]: câu 2, 4, 5 [1.d]: câu 2, 3
N2: Biết nhận xét nội dung bao quát của VB [2a]; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu [2b], nhân vật [2c] và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.	[2.a]: câu 5 [2.b]: câu 3, 7 [2.c]: câu 2, 3
N3: YCCĐ tổng hợp [3]	[3]: câu 6

GV lưu ý HS: Để có câu trả lời đáng tin cậy, các em cần phải xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến từng câu hỏi/ nhóm câu hỏi. Chẳng hạn, cần sử dụng tri thức về *không gian, thời gian trong thần thoại* để trả lời câu 1, 2, 7; tri thức về *cốt truyện thần thoại* để trả lời câu 2, 4, 5; về *nhân vật thần thoại* để trả lời câu 2, 3; tri thức chung về thể loại thần thoại để trả lời câu 6.

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và cách thức tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi.

Thực hiện khâu *Sau khi đọc*, GV có nhiều lựa chọn. Về trình tự triển khai nội dung (và ghi bảng), GV có thể thực hiện theo ba cách:

- Thứ nhất, theo đúng trình tự các câu hỏi trong SGK (lần lượt từng câu hỏi).
- Thứ hai, theo cấp độ nhận thức: *Nhận biết*: câu 1, 2; *Phân tích, so sánh*: câu 3, 4, 5; *Vận dụng, đánh giá*: câu 6, 7.

– Thứ ba, theo nhóm vấn đề, kèm theo đề mục. Ví dụ:

+ Không gian, thời gian thần thoại: câu 1, 2, 7.

+ Nhân vật thần thoại: câu 2, 3.

+ Cốt truyện thần thoại: câu 2, 4, 5.

+ Thông điệp của thần thoại: câu 6.

Dưới đây là một số gợi ý theo cách thứ ba.

4.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu vấn đề. Tuy nhiên, GV cũng có thể dùng phương pháp dạy học hợp tác kết hợp phiếu học tập để cho HS thảo luận.

Phiếu học tập có thể gồm hai phiếu như sau:

Phiếu học tập số 1

	Dẫn chứng	Nhận xét
<i>Không gian</i>		
<i>Thời gian</i>		
<i>Nhân vật</i>		

Phiếu học tập số 2

Tóm tắt quá trình tạo lập nên trời và đất của nhân vật thần Trụ Trời	Nêu nội dung bao quát của truyện <i>Thần Trụ Trời</i>	Nhận xét cốt truyện	Thông điệp của tác phẩm

Sau khi HS làm xong phiếu học tập số 1, GV có thể hướng dẫn HS sử dụng phiếu này kết hợp với các câu hỏi trong phần *Sau khi đọc* để tìm hiểu VB.

❖ KHÔNG GIAN, THỜI GIAN TRONG THẦN THOẠI

Câu 1:

Mục tiêu: Liệt kê dẫn chứng về không gian, thời gian trong thần thoại (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thần Trụ Trời*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Câu hỏi này đơn giản nên có thể hỏi đáp trực tiếp hoặc ghép cùng với các câu hỏi nhận biết về nhân vật như trong phiếu học tập 1 để HS thảo luận nhóm trước khi trả lời.

– Dẫn chứng cần nhận biết: *Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn tối tăm, lạnh lẽo.*

Câu 2:

Mục tiêu: Dấu hiệu nhận biết thể loại thần thoại qua không gian, thời gian nghệ thuật (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thần Trụ Trời*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Câu hỏi này GV cũng có thể hỏi đáp trực tiếp ngay sau câu 1 hoặc sử dụng thông tin HS đã làm trong phiếu học tập số 1 (mục nhận xét) để hướng dẫn phân tích.

– Không gian: vũ trụ đang trong quá trình tạo lập: *Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn tối tăm, lạnh lẽo.*

– Thời gian: cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng: *Thuở ấy, chưa có thế gian, cũng như chưa có muôn vật và loài người.*

Câu 7:

Mục tiêu: Nhận xét chi tiết miêu tả không gian trong truyện *Thần Trụ Trời* (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thần Trụ Trời*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Câu hỏi này nên được triển khai ngay sau câu 1 và 2 ở trên để khai thác tiếp về việc miêu tả không gian trong thần thoại.

– Các hình ảnh *đất phẳng như cái mâm vuông, trời tròn lên như cái bát úp, chỗ trời đất giáp nhau gọi là chân trời,...* khá quen thuộc trong các thần thoại giải thích về nguồn gốc thế giới. Dù cách miêu tả không gian trời đất như thế trong thần thoại không còn phù hợp với nhận thức thế giới của độc giả ngày nay nhưng nó vẫn có sức hấp dẫn riêng vì nó cho chúng ta hiểu người xưa, trong thế giới hoang sơ thuở ban đầu, đã hình dung về vũ trụ, thế giới như thế nào.

❖ NHÂN VẬT THẦN THOẠI

Câu 2:

Mục tiêu: Dấu hiệu nhận biết thể loại thần thoại qua cách xây dựng nhân vật (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thần Trụ Trời*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

- Câu hỏi này GV cũng có thể hỏi đáp trực tiếp hoặc sử dụng thông tin HS đã làm trong phiếu học tập số 1 (mục nhận xét) để hướng dẫn phân tích.
- Nhân vật: là một vị thần có hình dáng khổng lồ, sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới.

Câu 3:

Mục tiêu: Cách xây dựng nhân vật (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thần Trụ Trời*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

- Câu hỏi này GV cũng có thể hỏi đáp trực tiếp hoặc sử dụng thông tin HS đã làm trong phiếu học tập số 1 (mục nhận xét) để hướng dẫn phân tích.
- *Thần Trụ Trời* được phác họa bằng những nét đơn giản: Chân thần dài không thể tả xiết nên bước một bước là có thể từ vùng này đến vùng nọ, hay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác; thần đứng dậy, ngẩng đầu là có thể đội trời lên. Tuy nhiên, những phác họa này cho thấy những nét riêng của một vị thần Trụ Trời, có thể đội trời, đắp cột chống trời nên cũng khó lẫn với nhân vật khác.

❖ CỐT TRUYỆN THẦN THOẠI VÀ THÔNG ĐIỆP

Gợi ý cách tổ chức và đáp án: GV có thể hướng dẫn HS trả lời từng câu 2, 4, 5, 6 trong mục *Sau khi đọc* nhưng cũng có thể gộp các câu này lại chung bằng cách cho HS thảo luận nhóm thực hiện phiếu học tập số 2 gợi ý ở trên, sau đó, chốt ý cho từng câu hỏi.

Tóm tắt quá trình tạo lập nên trời và đất của nhân vật thần Trụ Trời	Nêu nội dung bao quát của truyện <i>Thần Trụ Trời</i>	Nhận xét cốt truyện	Thông điệp của tác phẩm
<i>Quá trình tạo lập nên trời đất: Thần ở trong đám hỗn độn, mờ mịt, và bỗng có một lúc thần đứng dậy, ngẩng đầu đội trời lên, rồi tự mình đào đất, đập đá, đắp thành một cái cột vừa cao, vừa to để chống trời, đẩy vòm trời lên mãi phía mây xanh mù mịt. Từ đó, trời đất mới phân đôi.</i>	<i>Nội dung bao quát là kể về việc vị thần Trụ Trời đắp cột chống trời, tạo lập nên trời và đất.</i>	<i>Cốt truyện: đơn giản, ngắn gọn, xoay quanh việc vị thần đắp cột chống trời, tạo lập thế giới.</i>	<i>Qua truyện Thần Trụ Trời, ta thấy người thời cổ nhận thức và lí giải về nguồn gốc của thế giới rất thô sơ.</i>

Đất phẳng như cái mâm vuông, trời trùn lên như cái bát úp. Khi trời đã cao và đã khô, thần lại phá cột đi, lấy đất đá ném tung đi khắp nơi. Mỗi hòn đá văng đi, biến thành một hòn núi hay một hòn đảo; đất tung toé ra mọi nơi thành gò, thành đồng, thành những dải đồi cao. Vì thế cho nên mặt đất ngày nay không bằng phẳng, mà có chỗ lồi, chỗ lõm. Chỗ thần đào đất, đào đá mà đắp cột ngày nay thành biển rộng.			Thế giới là do một vị thần đắp cột chống trời mà tạo ra. Các chi tiết miêu tả trời và đất ban đầu dính vào nhau, sau nhờ vị thần khổng lồ “đội trời”, đắp cột chống trời mà trời đất phân chia, và các chi tiết giải thích về nguồn gốc núi, đảo, gò, đồng, biển,... cho thấy nhận thức thô sơ đó của người thời cổ.
---	--	--	---

Lưu ý: Các câu từ 1 đến 7 (SGK) đã được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Tuy nhiên, nhằm giúp HS theo dõi hoặc tiện cho việc ghi bảng, điều hành hoạt động đọc hiểu ở bước *Sau khi đọc*, tùy theo YCCĐ và bộ câu hỏi thực tế, GV có thể ghép các câu hỏi thành nhóm theo nhiều cách.

5. DẠY ĐỌC VB PRÔ-MÊ-TÊ VÀ LOÀI NGƯỜI

5.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh câu hỏi nêu trong SGK.

5.2. Đọc VB

GV cho HS thực hành đọc. Tương tự như với VB *Thần Trụ Trời*, GV yêu cầu HS trả lời một vài câu hỏi trong khi đọc để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box *tưởng tượng/ suy luận/ dự đoán* như thế nào. Nhận xét góp ý ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB. Khi nhận xét, GV cần tập trung nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng, hơn là nội dung câu trả lời của HS.

5.3. Sau khi đọc

5.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

GV bám sát ma trận YCCĐ và câu hỏi để tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS thực hiện hệ thống câu hỏi, bài tập *Sau khi đọc*.

**Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi,
bài tập đọc hiểu văn bản *Prô-mê-tê và loài người***

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi
N1: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại như không gian [1.a], thời gian [1.b], cốt truyện [1.c], nhân vật [1.d].	[1.a]: câu 1 [1.b]: câu 1 [1.c]: câu 1, 3 [1.d]: câu 1, 2, 3
N2: Biết nhận xét nội dung bao quát của VB [2a]; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu [2b], nhân vật [2c] và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.	[2.a]: câu 3, 4 [2.b]: câu 2, 3 [2.c]: câu 3
N3: Biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc hai nền văn hoá khác nhau [3].	[3]: câu 6
N4: YCCĐ tổng hợp [4].	[4]: câu 5

Cách GV hướng dẫn HS đọc hiểu VB *Prô-mê-tê và loài người* cũng tương tự như đọc hiểu VB *Thần Trụ Trời*. GV cần nhắc HS xem lại và củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến từng câu hỏi/ nhóm câu hỏi. Về cách thức kết nối các câu hỏi *Sau khi đọc*, GV cũng có nhiều lựa chọn như đối với VB *Thần Trụ Trời*. Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi được sắp xếp theo vấn đề và đề mục.

- Không gian, thời gian thần thoại: câu 1.
- Nhân vật thần thoại: câu 1, 2, 3.
- Cốt truyện thần thoại: câu 1, 3.
- Thông điệp của thần thoại: câu 5.
- Điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học thuộc hai nền văn hoá khác nhau: câu 6.

5.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

GV cũng có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu vấn đề theo từng câu hỏi trong phần *Sau khi đọc*. Tuy nhiên, nếu với VB 1 GV đã dùng phương pháp dạy học hợp tác kết hợp phiếu học tập để cho HS thảo luận thì với VB này GV cũng nên làm như vậy. GV lưu ý, sau khi học xong VB 1, HS đã bước đầu biết cách tìm hiểu một VB thần thoại theo đặc trưng thể loại nên trước khi tìm hiểu VB 2 này, GV nên cho HS đúc kết cách đọc VB thần thoại (có thể bằng cách đề nghị HS trả lời câu hỏi: *Qua việc tìm hiểu VB Thần Trụ Trời, các em rút ra được kinh nghiệm gì về việc tìm hiểu một VB thần thoại? Nói cách khác, khi tìm hiểu một VB thần thoại, chúng ta cần chú ý khai thác những gì?*).

Sau khi khơi gợi như trên, GV cũng có thể chia nhóm cho HS thực hiện hai phiếu học tập tương tự ở VB 1. Lưu ý, áp dụng chiến lược “giàn giáo”, GV chỉ gợi ý, cho HS tự làm và trình bày, GV chỉ trợ giúp khi thấy cần thiết.

Gợi ý đáp án:

Phiếu học tập số 1

	Dẫn chứng	Nhận xét
Không gian	Mặt đất mênh mông dẫu đã có khá nhiều vị thần cai quản song vẫn còn hết sức vắng vẻ.	Không gian vũ trụ đang trong quá trình tạo lập.
Thời gian	Thuở ấy thế gian chỉ mới có các vị thần.	Thời gian cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng.
Nhân vật	Thần Prô-mê-tê và Ê-pi-mê-tê,...	Là các vị thần.

Phiếu học tập số 2

Tóm tắt quá trình tạo nên con người và thế giới muôn loài	Nêu nội dung bao quát của truyện Prô-mê-tê và loài người	Nhận xét cốt truyện	Thông điệp của tác phẩm
Mặt đất còn vắng vẻ, buồn → hai thần xin tạo ra thêm các giống loài → Ê-pi-mê-tê tranh việc làm trước → mọi giống loài được tạo ra hoàn hảo nhưng do tính đấng trí của Ê-pi-mê-tê mà loài người chưa có vũ khí gì để tự vệ → Prô-mê-tê tái tạo cho con người đứng thẳng, có hình dáng thanh tao. Thần còn lấy lửa ban cho loài người.	Nói về việc các vị thần sáng tạo ra loài người và thế giới muôn loài.	Cốt truyện đơn giản, xoay quanh việc các vị thần tạo ra muôn loài và loài người như nhiều truyện thần thoại khác.	Thông điệp mà người xưa muốn gửi gắm là khát vọng lí giải nguồn gốc con người. Con người là loài vật được thần linh ưu ái, ban cho thân hình đẹp để thanh tao và có một món quà đặc biệt hơn tất cả loài vật khác: ngọn lửa.

Sau khi HS làm xong phiếu học tập, GV có thể hướng dẫn HS sử dụng phiếu này kết hợp với các câu hỏi trong phần *Sau khi đọc* để tìm hiểu VB và ghi bài theo hệ thống ý:

❖ KHÔNG GIAN, THỜI GIAN THẦN THOẠI

Câu 2:

Mục tiêu: Dấu hiệu nhận biết thể loại thần thoại qua không gian, thời gian nghệ thuật (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi đọc hiểu VB *Thần Trụ Trời*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV sử dụng thông tin HS đã làm trong phiếu học tập số 1 (mục nhận xét) để hướng dẫn phân tích.

– Gợi ý đáp án: như trong phiếu học tập số 1.

❖ NHÂN VẬT THẦN THOẠI

Mục tiêu: Dấu hiệu nhận biết thể loại thần thoại qua cách xây dựng nhân vật (câu 1) và cách xây dựng nhân vật (câu 2) có nét tương đồng và khác biệt với nhân vật trong VB *Thần Trụ Trời*. Ngoài ra, qua tìm hiểu nhân vật, GV cũng hướng dẫn HS biết cách phân tích các chi tiết tiêu biểu về nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV sử dụng thông tin HS đã làm trong phiếu học tập số 1 (mục nhận xét) và các câu hỏi 1, 2, 3, 4 trong phần *Sau khi đọc* để hướng dẫn phân tích.

– Về nhân vật thần thoại, GV cần giúp HS khai thác nét khác biệt của nhân vật ở VB này so với VB *Thần Trụ Trời* nhằm làm cho hiểu biết về nhân vật thần thoại phong phú hơn, cụ thể hơn. Câu 2 trong phần *Sau khi đọc* được dùng để đạt mục tiêu này.

Gợi ý đáp án câu 2: Tùy theo sự tưởng tượng của HS. Việc miêu tả Prô-mê-tê và Ê-pi-mê-tê cho thấy thần linh có những tài năng, phép thuật mà con người không có nhưng thế giới thần linh cũng như thế giới loài người, có thần tài giỏi, nhìn xa trông rộng nhưng cũng có vị thần đấng trí, lơ đãng.

– Câu 3 tạo cơ hội cho HS so sánh về việc xây dựng nhân vật trong hai VB thần thoại nhằm giúp HS hiểu rõ hơn về nhân vật trong thể loại này.

Gợi ý đáp án câu 3: Về nhân vật, Prô-mê-tê và loài người có quan tâm mô tả kĩ hơn về các vị thần, về thái độ, tính cách, hành động của họ. Nói cách khác, nhân vật thần trong Prô-mê-tê và loài người mang tính “người” hơn.

❖ CỐT TRUYỆN THẦN THOẠI VÀ THÔNG ĐIỆP

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV cho HS thảo luận nhóm thực hiện phiếu học tập số 2 gợi ý ở trên, sau đó, kết hợp khai thác các câu hỏi liên quan trong phần *Sau khi đọc* để hướng dẫn chốt ý.

Về cốt truyện thần thoại, GV cần giúp HS khai thác nét tương đồng và khác biệt

của cốt truyện ở VB này so với VB *Thần Trụ Trời* nhằm làm cho hiểu biết của HS về cốt truyện thần thoại phong phú hơn, cụ thể hơn. Câu 3 trong phần *Sau khi đọc* được dùng để đạt mục tiêu này.

Gợi ý đáp án câu 1: Cốt truyện xoay quanh việc các vị thần sáng tạo ra loài người và muôn loài.

Gợi ý đáp án câu 3: Cốt truyện đơn giản, xoay quanh việc các vị thần tạo ra muôn loài và loài người như nhiều truyện thần thoại khác. Tuy nhiên, điểm khác biệt là *Prô-mê-tê và loài người* nói về nguồn gốc loài người và muôn loài trong khi *Thần Trụ Trời* nói về nguồn gốc trời và đất.

Gợi ý đáp án câu 5: *Prô-mê-tê và loài người* cho thấy người Hy Lạp xưa quan niệm thế giới loài người và vạn vật là do thần linh sáng tạo ra.

❖ ĐIỂM GẮN GỬI VỀ NỘI DUNG GIỮA CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC THUỘC HAI NỀN VĂN HOÁ KHÁC NHAU

Gợi ý đáp án câu 6: *Thần Trụ Trời* và *Prô-mê-tê và loài người* là các truyện thần thoại thuộc hai nền văn hoá khác nhau nhưng đều có điểm gặp gỡ, thể hiện nhận thức chung về nguồn gốc thế giới và loài người của người thời cổ. Tuy nhiên, *Prô-mê-tê và loài người* cũng cho thấy người Hy Lạp cổ xưa hình dung về các vị thần gần gũi hơn, có nhiều nét tương tự con người hơn (về tính cách, tình cảm,...).

6. DẠY ĐỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM ĐI SAN MẶT ĐẤT

Lưu ý chung: Đây là VB được sử dụng theo yêu cầu đọc kết nối chủ điểm *Tạo lập thế giới*. Vì thế, GV không khai thác khía cạnh thể loại mà chỉ tập trung khai thác về chủ điểm. GV dành thời gian 30 phút để hướng dẫn HS đọc VB này tại lớp.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở để hướng dẫn HS trả lời từng câu hỏi trong phần *Sau khi đọc*.

Câu 1: Đoạn trích nói về việc từ xưa lắm rồi, loài người đã rủ nhau đi san mặt đất để làm ăn vì: *Bầu trời nhìn chưa phẳng/ Mặt đất còn nhấp nhô*.

Câu 2: Loài người phải chung sức, chung lòng. Nếu chung sức, chung lòng thì việc gì cũng làm được. Con người đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo thiên nhiên, góp phần tạo ra thế giới.

Câu 3: Người Lô Lô xưa nhận thức về thế giới cũng còn khá thô sơ. Tuy nhiên, đoạn trích cũng cho thấy họ cũng đã hiểu vai trò của con người trong việc cải tạo thiên nhiên để thiên nhiên phục vụ con người.

Câu 4: Tùy HS lí giải. Có thể định hướng như sau: Do tác phẩm này kể về thế giới khi đã có loài người, nói đến vai trò cải tạo thiên nhiên của con người nhiều hơn, không giống các thần thoại khác chủ yếu kể về việc sáng tạo thế giới và muôn loài của các vị thần.

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VĂN BẢN CUỘC TU BỐ LẠI CÁC GIỐNG VẬT

Lưu ý chung: Đây là VB tạo cơ hội để HS tự đọc VB tương đương về thể loại thần thoại. Qua đó, HS vận dụng những hiểu biết về thể loại đã được hướng dẫn qua hai VB trước để tự áp dụng vào việc đọc VB này. Thông qua việc HS tự đọc VB, GV kiểm tra được năng lực đọc hiểu VB thần thoại của HS, xem HS đã biết cách tự tìm hiểu VB thần thoại chưa. Vì vậy, GV cần áp dụng chiến lược “giàn giáo”, hạn chế sự trợ giúp so với hai VB trước. GV dành thời gian trên lớp khoảng 15 – 20 phút để lưu ý HS về các lời dẫn trong phần *Hướng dẫn đọc* truyện thần thoại và yêu cầu HS tự hoàn thành nhiệm vụ ở phần *Hướng dẫn đọc* ở nhà. Qua việc HS trình bày sản phẩm tự đọc ở lớp, GV sẽ biết được HS đã thực sự phát triển năng lực đọc VB thần thoại chưa và GV có thể cho HS nhận xét, trao đổi với nhau để từ đó hướng dẫn thêm những gì HS còn yếu, còn thiếu.

Chương trình *Ngữ văn 10* yêu cầu về đọc mở rộng VB văn học: “Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 VB văn học (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học”. Vì vậy, sau khi hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại, GV cần nhắc HS lưu ý thực hiện YCCĐ này.

8. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Tri thức tiếng Việt

GV dành 5 – 7 phút hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh nội dung kiến thức tiếng Việt trong mục *Tri thức Ngữ văn* với nội dung *Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn: dấu hiệu và cách chỉnh sửa*. GV có thể yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về mạch lạc và liên kết đã học ở lớp 7 và nhấn mạnh hai ý sau:

– Lỗi thiếu mạch lạc sẽ xảy ra nếu: 1. Các câu trong đoạn không tập trung vào một chủ đề (lỗi lạc chủ đề) hoặc nội dung nêu trong câu chủ đề không được triển khai đầy đủ trong đoạn văn (lỗi thiếu hụt chủ đề); 2. Các câu trong đoạn không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

– Lỗi liên kết sẽ xảy ra khi chúng ta dùng thiếu các phương tiện liên kết hoặc sử dụng các phương tiện liên kết chưa phù hợp.

Sau đó, GV tổ chức cho HS thực hành làm bài tập.

8.2. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Lưu ý chung: *Lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn* là tri thức không xuất hiện trong các VB của bài học. Tuy nhiên, phần *Tri thức Ngữ văn* (nội dung về tiếng Việt) đã trình bày rõ ràng các loại lỗi này và cách chỉnh sửa. Điều quan trọng là HS vận dụng được hiểu biết về lỗi thiếu mạch lạc, lỗi liên kết trong đoạn văn để thực hiện các bài tập thực hành. Việc thực hành ở đây giúp HS có ý thức tránh mắc phải các lỗi liên kết đoạn văn khi thực hành viết VB thông tin, VB báo cáo kết quả nghiên cứu, VB nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm văn học,...

GV cần lưu ý phần thực hành có ba bài tập tiếng Việt và một bài tập *Từ đọc đến viết* học trong 1 tiết, nên cần phân phối thời gian một cách hợp lí.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Bài tập 1: Yêu cầu HS chỉ ra và nêu cách sửa lỗi thiếu mạch lạc trong những đoạn trích đã cho.

GV hướng dẫn HS đọc kĩ các đoạn trích, đối chiếu với các loại lỗi thiếu mạch lạc đã học để chỉ ra lỗi và nêu cách sửa.

Câu a: Lỗi lạc chủ đề, sửa bằng cách triển khai nội dung về tình yêu nam nữ trong ca dao Việt Nam ở câu 2 và câu 3.

Câu b: Lỗi thiếu hụt chủ đề vì nội dung nêu trong câu chủ đề không được triển khai đầy đủ trong đoạn văn.

Gợi ý cách sửa: Qua truyện *Thần Trụ Trời*, ta thấy người thời cổ nhận thức và lí giải về cách hình thành thế giới rất giản đơn. Trời đất ban đầu dính vào nhau. Thế giới là do một vị thần đắp cột chống trời mà tạo ra. Các chi tiết miêu tả trời và đất ban đầu dính vào nhau, sau nhờ vị thần khổng lồ “đội trời”, đắp cột chống trời mà trời đất phân chia, và các chi tiết giải thích về nguồn gốc núi, đảo, gò, đồng, biển,... cho thấy nhận thức thô sơ đó của người thời cổ.

Câu c: Lỗi lạc chủ đề vì câu chủ đề nói về nét đẹp truyền thống của người nông dân trong văn học phê phán nhưng hai câu sau không tiếp tục triển khai ý này. Có thể sửa bằng cách phân tích biểu hiện cụ thể về đẹp của người nông dân trong một số tác phẩm như *Tắt đèn*, *Bước đường cùng*,... ở các câu tiếp theo của đoạn văn.

Bài tập 2: Sắp xếp các câu văn theo trình tự hợp lí để tạo thành đoạn văn mạch lạc.

Đáp án:

Câu a: 5 – 2 – 4 – 3 – 1

Câu b: 4 – 1 – 6 – 3 – 2 – 5 – 7

Bài tập 3: Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi liên kết hình thức trong những đoạn trích đã cho.

Câu a: Dùng phương tiện liên kết chưa phù hợp, thay “và” bằng “nhưng”.

Câu b: Dùng phương tiện liên kết chưa phù hợp, thay “tuy nhiên” bằng “vì vậy”.

Câu c: Thiếu phương tiện liên kết và sử dụng phương tiện liên kết chưa phù hợp.

Cách sửa: Văn bản *Đi san mặt đất* giúp người đọc hiểu về quá trình tạo lập thế giới trong nhận thức của người Lô Lô xưa. Nhận thức ấy còn khá giản đơn. Tuy nhiên, họ cũng đã hiểu được vai trò của con người trong việc cải tạo thiên nhiên.

Câu d: Dùng phương tiện liên kết chưa phù hợp, thay “của họ” bằng “trong đó” hoặc “trong truyện này”.

8.3. Từ đọc đến viết

Mấy lưu ý chung: Viết đoạn văn ngắn, trong trường hợp này đồng thời cũng có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập được sản phẩm (đoạn văn) trong một khoảng thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

- *Đọc nhanh* đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề.
- *Lựa chọn nhanh* truyện thần thoại mà HS cho là đặc sắc.
- *Viết nhanh bản thảo đoạn văn* đồng thời *đọc lại và chỉnh sửa nhanh*.

GV nhận xét, đánh giá nhanh và gợi ý hướng chỉnh sửa nhanh cho bài tập của HS.

DẠY HỌC PHẦN VIẾT

Lưu ý chung:

– GV lưu ý HS trước khi viết cần xác định: mục đích viết và đối tượng người đọc mà bài viết hướng tới. Đây là khâu khởi đầu của mọi khởi đầu, có vai trò định hướng rất quan trọng đối với người viết.

– GV nhắc HS tuân thủ quy trình viết gồm 4 bước đã được rèn luyện ở các cấp lớp trước.

Dưới đây là một số nội dung gợi ý về việc dạy viết VB nghị luận *phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện kể: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng*.

1. DẠY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

Trước khi hướng dẫn HS phân tích kiểu VB và tạo lập VB, GV cần dành thời gian để trao đổi, trang bị cho HS một số tri thức cơ bản về kiểu bài. Tri thức này đã được nêu tóm lược trong SGK (đặt trong box).

Theo đó, có 2 nội dung: (1) Tên kiểu bài: *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể*; (2) *Yêu cầu đối với kiểu bài* (SGK nêu năm điểm chính và yêu cầu cụ thể đối với mở bài, thân bài, kết bài).

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

Một số lưu ý về nội dung và cách thực hiện khâu này:

– Bài văn được chọn làm bài viết tham khảo để phân tích về kiểu bài *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể*. GV lưu ý HS quan sát kĩ và đối chiếu ba “cột” ở trang VB tham khảo (cột sát lề bên trái cho thấy bố cục ba phần – *mở bài, thân bài, kết bài* – của bài viết; cột giữa là nội dung toàn văn bài viết tham khảo; cột sát lề phải là một số box chỉ dẫn về nội dung, cách viết tương ứng với một số đoạn, câu, cụm từ trong bài viết. Trước khi hướng dẫn HS phân tích mẫu, GV cần đọc kĩ

trang này và lưu ý HS đọc VB bài viết lẫn các thông tin chỉ dẫn kèm theo; nhắc các em khi đọc, phải làm sao vừa bao quát toàn VB, vừa nắm bắt các chi tiết cụ thể về ý tưởng lẫn cách thức nghị luận.

– GV yêu cầu HS đọc, suy nghĩ trả lời các câu hỏi ở trang kế tiếp nhằm giúp các em tự rà soát cách người viết thực hiện các yêu cầu cụ thể của bài văn nghị luận *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể (truyện kể dân gian hoặc truyện ngụ ngôn bằng thơ)*. GV hướng dẫn HS thảo luận và trả lời các câu hỏi gợi ý phân tích.

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Giao đề bài

GV giao đề bài (vừa đọc to, vừa ghi lên bảng, có thể yêu cầu một vài HS nhắc lại đề bài).

3.2. Hướng dẫn học sinh thực hành quy trình viết

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu viết VB theo quy trình viết nói chung và viết VB nghị luận nói riêng. SGK đã có các hướng dẫn khá tỉ mỉ về quy trình này.

GV có thể yêu cầu HS tóm tắt các bước dưới dạng bảng (hoặc sơ đồ) để nhắc lại quy trình viết. GV có thể lưu ý thêm một số điểm hạn chế mà HS vẫn vấp phải trong khi thực hiện từng bước trong quy trình.

Dưới đây, xin lưu ý một số bước.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Bước này gồm một số thao tác cụ thể như: xác định đề tài; mục đích viết và người đọc; thu thập tài liệu.

Về việc xác định đề tài, GV cần lưu ý HS việc xác định đề tài là hoạt động, công việc phải do mỗi HS thực hiện. Dựa vào SGK, GV có thể gọi ra một danh mục “đề tài” là các *truyện kể dân gian hoặc truyện ngụ ngôn bằng thơ quen thuộc hoặc HS đã được học ở cấp THCS* để HS cân nhắc lựa chọn tác phẩm mà mình yêu thích.

GV nhắc HS cần chọn truyện kể dân gian hoặc truyện ngụ ngôn bằng thơ mà bản thân thật sự yêu thích để có hứng thú viết. Ngoài ra, cũng nên chọn những tác phẩm mà mình thuận lợi trong việc thu thập tài liệu, tìm ý để chuẩn bị cho bài viết.

Về việc xác định mục đích viết và người đọc, GV yêu cầu HS dựa vào chỉ dẫn trong SGK để xác định.

Về việc thu thập tư liệu, GV cần nhắc nhở HS thu thập tài liệu liên quan đến truyện kể từ các tạp chí, bài báo khoa học, sách chuyên luận; khi đọc cần ghi chép lại một số đánh giá về tác phẩm để làm dẫn chứng của bài viết.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Để HS có thời gian thu thập tư liệu, tìm ý lập dàn ý, GV nên giao đề trước khoảng một tuần lễ.

Đến lớp, khi thực hiện bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm ý tưởng đã chuẩn bị ở nhà, chuẩn bị phác thảo dàn ý cho bài viết. Sau đó, GV có thể mời một số HS chia sẻ những ý tưởng hay dàn ý của mình.

GV giúp HS ghi nhớ bố cục dàn ý của VB nghị luận *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể* (truyện kể dân gian hoặc truyện ngụ ngôn bằng thơ).

Mở bài: Giới thiệu chung về truyện kể (truyện dân gian hay một truyện ngụ ngôn bằng thơ); nêu nhận xét khái quát về nội dung, nghệ thuật của truyện kể.

Thân bài: Lần lượt phân tích, đánh giá được các khía cạnh của chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện kể.

Kết bài: Khẳng định lại giá trị chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện kể; nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc nêu cảm nghĩ về truyện kể.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, HS viết thành một bài văn hoàn chỉnh ở nhà. GV lưu ý HS khi viết cần thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài “nghị luận văn học”, nhằm đáp ứng YCCĐ.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết dựa vào những gợi ý trong bảng kiểm (SGK); dựa vào bảng kiểm để tự chỉnh sửa về nội dung và các lỗi (nếu cần); dựa vào câu hỏi (SGK) để tự đánh giá bài viết của mình

Lưu ý: Phần *Viết* được dạy trong 2,5 tiết, trong đó GV nên phân phối thời gian như sau:

Tiết 1: Khởi động, hướng dẫn HS kiến tạo tri thức mới về kiểu VB nghị luận *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một truyện kể* (truyện kể dân gian hoặc truyện ngụ ngôn bằng thơ).

Tiết 2: Luyện tập, vận dụng và hướng dẫn HS thực hành viết ở nhà. GV nên dành khoảng 1 tuần để HS viết bài và xem lại, chỉnh sửa.

Tiết 3: Dùng để trả bài viết trong thời gian khoảng 0,5 tiết.

DẠY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

Đề tài nói – nghe ở đây là *Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể* (truyện kể dân gian hoặc truyện ngụ ngôn bằng thơ).

Lưu ý chung: Đề tài nói và nghe ở bài này chính là đề tài mà HS đã viết bài văn. Vì thế, một số bước chuẩn bị bài nói theo quy trình HS hoàn toàn có thể dựa vào

bài viết, nhất là các khâu xác định đề tài, tìm ý, lập dàn ý. Tuy nhiên, nói và nghe có những yêu cầu riêng, GV cần lưu ý HS đối với từng bước trong quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị nói

GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong SGK để xác định đề tài, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói.

Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

GV lưu ý HS: Nói là trình bày giao tiếp trực tiếp với người nghe cụ thể trong không gian, thời gian xác định; vì thế cần chuẩn bị ý tưởng theo yêu cầu của bài nói; nên có thêm một số ý tưởng liên quan đến cách thức trình bày bài nói sao cho hiệu quả. SGK đã đưa ra một số gợi ý, GV cần hướng dẫn HS áp dụng việc tìm ý tưởng theo các gợi ý này. Đặc biệt lưu ý:

a. Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe;

b. Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính để khi cần thì chỉ cần nhìn lướt qua là nhớ; chuẩn bị một hình ảnh minh họa cho nội dung truyện kể để tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng (nếu có điều kiện);

c. Dự kiến trước một số điểm nghi vấn, băn khoăn, thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên tìm cách trả lời, giải đáp.

Lập dàn ý

GV lưu ý HS: Dựa vào những ý đã tìm, phác thảo dàn ý cho bài nói bằng cách điền vào *Phiếu giới thiệu và đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một truyện kể dân gian hoặc truyện ngụ ngôn bằng thơ gợi ý trong SGK.*

Luyện tập

GV hướng dẫn HS một số cách luyện tập ở nhà. Trước hết là tập phát âm to, rõ ràng; tập điều chỉnh cao độ, nhịp độ, tập biểu cảm.

GV lưu ý HS có thể sử dụng phiếu ghi chép để tự luyện tập nói trước gương. Ngoài ra, cần đối chiếu với bảng kiểm trong SGK để tập cách trình bày cho khoa học.

Bước 2: Trình bày bài nói

GV lưu ý HS khi trình bày cần mở đầu và kết thúc một cách hấp dẫn, ấn tượng.

GV khuyến khích HS sử dụng những mẫu câu giới thiệu, đánh giá về truyện kể gợi ý trong SGK.

GV nhắc nhở HS khi trình bày cần tôn trọng và tương tác với người nghe (bằng mắt, bằng cách nêu câu hỏi cho người nghe trong quá trình trình bày,...).

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

SGK hướng dẫn khá kĩ về hai hoạt động này, GV căn cứ vào đó để tổ chức cho HS thực hiện hai hoạt động trao đổi và đánh giá trên cơ sở HS lần lượt đặt mình vào vai người nói, rồi vai người nghe.

Trong vai trò là người nói: HS biết lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài trình bày; giải thích và làm rõ những điều người nghe chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình.

Trong vai trò là người nghe: HS biết lắng nghe bài trình bày của bạn mình, biết nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý về nội dung, hình thức của bài trình bày của người nói hoặc yêu cầu người nói giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc ý kiến có sự khác biệt.

GV nhắc nhở HS dù ở vai nào cũng phải tôn trọng các ý kiến khác với ý kiến của mình; có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe,...

Đánh giá

GV hướng dẫn HS tập đánh giá bài nói từ cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe; biết sử dụng bảng kiểm (trong SGK) để đánh giá bài nói.

Sau khi HS đánh giá và tự đánh giá bài nói, GV nhắc HS trả lời hai câu hỏi suy ngẫm trong SGK để rút kinh nghiệm về kĩ năng nói và nghe.

GV hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm (trong SGK) để đánh giá kĩ năng nghe và nắm bắt quan điểm, ý kiến của người nói; nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó. Có thể nêu câu hỏi gợi ý để HS suy ngẫm: *Tôi cần làm gì để có thể nghe và nắm bắt ý kiến của người khác tốt hơn? Khi nhận xét, đánh giá ý kiến, quan điểm của người nói tôi cần lưu ý điều gì?*

Lưu ý thời gian thực hiện: Hoạt động nói và nghe được dạy trong 1 tiết. GV cần cân nhắc thời gian để đảm bảo tổ chức được ba hoạt động: *Khởi động, Kiến tạo tri thức mới, Thực hành nói và nghe.*

ÔN TẬP

Phần *Ôn tập* cần được thực hiện trong thời gian khoảng 0,5 tiết để HS ôn luyện cả 4 kĩ năng: Đọc, Viết, Nói và Nghe. GV hướng dẫn HS ôn tập theo bảy câu hỏi trong SGK. Dưới đây là một số gợi ý đáp án và cách thức thực hiện.

1. GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập này theo hai bước: (1) kẻ phiếu học tập vào vở, liệt kê các đặc điểm chính về không gian, thời gian, nhân vật,

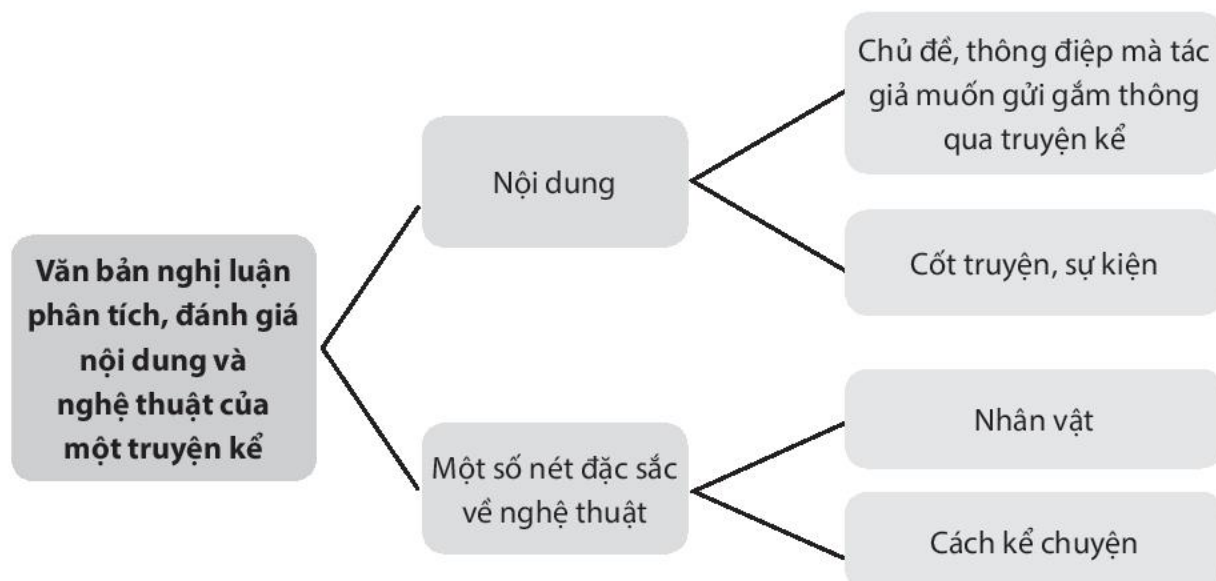
cốt truyện và nội dung bao quát cho từng VB truyện (cột thứ 2); (2) Dựa vào các đặc điểm chính đã liệt kê, đưa ra nhận xét chung về đặc điểm của thể loại thần thoại (cột thứ 3).

– Gợi ý đáp án:

Văn bản	Các đặc điểm chính	Nhận xét chung về đặc điểm thể loại thần thoại
<i>Thần Trụ Trời</i>	– Không gian, thời gian – Nhân vật – Cốt truyện – Nội dung bao quát	– Không gian, thời gian: Không gian vũ trụ đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi chốn cụ thể. Thời gian cổ sơ, không xác định và mang tính vĩnh hằng. – Nhân vật: Là các vị thần nên có hình dáng khổng lồ, sức mạnh phi thường để thực hiện công việc sáng tạo thế giới. Nhân vật có tính cách đơn giản, một chiều.
<i>Prô-mê-tê và loài người</i>	– Không gian, thời gian – Nhân vật – Cốt truyện – Nội dung bao quát	– Cốt truyện: Đơn giản, ngắn gọn, gồm những tình tiết xoay quanh việc các vị thần tạo lập thế giới, sáng tạo văn hoá.
<i>Cuộc tu bổ lại các giống vật</i>	– Không gian, thời gian – Nhân vật – Cốt truyện – Nội dung bao quát	– Nội dung bao quát: Kể về quá trình tạo lập thế giới hay nguồn gốc loài người và muôn loài.

- GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở hoặc dạy học hợp tác để hướng dẫn HS so sánh không gian, thời gian, nhân vật và cốt truyện trong thần thoại với những yếu tố nêu trên trong các thể loại truyện dân gian khác mà HS đã học. GV có thể gợi ý về thể loại sử thi, truyện cổ tích, ... mà HS đã học ở lớp dưới. Từ đó, GV hướng dẫn để HS nhận ra được những đặc trưng thể loại của thần thoại.
- Từ kết quả ở câu hỏi 2, GV có thể tiếp tục gợi mở để HS lưu ý khi đọc thần thoại cần chú ý đặc điểm thể loại như: Không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật và thông điệp gửi gắm qua thể loại này.
- GV hướng dẫn HS làm bài tập này theo hai bước: (1) kẻ sơ đồ đặc điểm kiểu VB nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của truyện kể vào vở; (2) hoàn chỉnh các nội dung còn trống theo yêu cầu.

– Gợi ý đáp án:



5. GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở hoặc dạy học hợp tác để hướng dẫn HS rút ra kinh nghiệm khi giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể (truyện kể dân gian hoặc truyện ngụ ngôn bằng thơ).

Gợi ý: Khi giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một truyện kể cần lưu ý bài nói đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

– Phần mở đầu: Cần giới thiệu tên truyện kể và tên tác giả; trình bày những nhận xét, đánh giá khái quát về nội dung, nghệ thuật của truyện kể.

– Nội dung của bài nói cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng ý kiến đánh giá về nội dung và nghệ thuật của truyện kể (có trích dẫn dẫn chứng từ VB để làm rõ cho ý kiến).

– Phần kết thúc: Cần tóm tắt ngắn gọn nội dung đã trình bày.

Khi trình bày bài nói, cần chú ý:

– Trước khi nói, cần chào người nghe và giới thiệu tên mình.

– Trong khi nói, cần sử dụng cử chỉ, ánh mắt, ngữ điệu phù hợp với nội dung và tương tác với người nghe. Có thể kết hợp phương tiện trực quan để làm rõ nội dung trình bày.

– Sau khi nói, cần chào và cảm ơn người nghe.

6. Tùy theo thời gian cho phép, GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở hoặc dạy học hợp tác (chia nhóm 4 HS) để HS thảo luận trả lời câu hỏi.

Gợi ý: Các tác phẩm cho chúng ta hiểu sự nhận thức và lí giải thế giới còn thô sơ của con người thời cổ, qua đó cũng thể hiện khát vọng hiểu biết, chinh phục tự nhiên và mơ ước về cuộc sống tốt đẹp của họ.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Yêu quý cộng đồng và sống có trách nhiệm với gia đình, xã hội và cộng đồng.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe* nhằm đáp ứng các *yêu cầu cần đạt (YCCĐ)* như sau:

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của sử thi.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài,... và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo và giá trị đạo đức, văn hoá từ VB.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB văn học.
- Biết cách đánh dấu phần bị tình lược trong VB, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú.
- Viết được VB nghị luận về một vấn đề xã hội; trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, các bằng chứng thuyết phục.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; nghe và nhận xét, đánh giá được ý kiến, quan điểm của người nói.
- Trân trọng những đóng góp của cá nhân đối với đất nước, quê hương và có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Các YCCĐ là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của hai VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua câu hỏi *Sau khi đọc*.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

1. Đặc điểm bài học

– Về thể loại:

Trong bài học này, HS được hướng dẫn đọc hiểu một số VB thuộc thể loại sử thi và hình thành các kĩ năng viết, nói và nghe gắn với chủ đề *Sống cùng kí ức của cộng đồng*. Đó là chủ điểm xuyên suốt của bài học, thể hiện tinh thần tích hợp về nội dung dạy học và phát triển năng lực cho HS của bộ sách. Các tri thức mới về văn học và tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức ngữ văn* nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– Về cấu trúc bài học:

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* được tổ chức thực hiện trên tinh thần tích hợp, tương hỗ qua lại lẫn nhau, và về cơ bản, được triển khai dựa trên một cụm ngữ liệu (riêng về hoạt động viết, có thêm ngữ liệu là một VB “mẫu” để HS trực quan về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội, giúp HS dễ dàng nhận ra đặc điểm, bố cục, cách viết,...).

Đọc: Cụm ngữ liệu gồm 4 VB, trong đó, VB 1 *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* (trích *Đăm Săn*, sử thi của dân tộc Ê-đê, Tây Nguyên) và VB 2 *Gặp Ka-ríp và Xi-la*, (trích *Ô-đi-xê* sử thi của Hô-me-rơ, Hy Lạp) thuộc thể loại sử thi, là những ngữ liệu chủ yếu nhằm thực hiện YCCĐ: “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi”. VB 3 khác thể loại (là VB thông tin), nhưng cùng chủ đề *Sống cùng kí ức của cộng đồng* được sử dụng để đọc kết nối chủ điểm. VB 4 *Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời* cũng thuộc thể loại sử thi, nhằm hướng dẫn HS đọc mở rộng theo thể loại. VB này được cung cấp như là một gợi ý, có đặc điểm thể loại, nội dung và độ dài tương đương với hai VB chính của bài học. GV chỉ hướng dẫn cách đọc để HS tự đọc ở nhà và tìm thêm các VB tương đương, tự đọc để đáp ứng yêu cầu đọc mở rộng trong năm học.

Tiếng Việt: Thực hành theo YCCĐ: Biết cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong VB, cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú và thực hành tổng hợp về biện pháp so sánh, phóng đại trong sử thi.

Viết, nói và nghe: HS bước đầu biết viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội; biết trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, các bằng chứng thuyết phục.

2. Phân bố số tiết

Bài học *Sống cùng kí ức của cộng đồng* dự kiến được dạy trong thời gian 11 tiết, có thể phân chia như sau:

– Đọc: 6,5 tiết (VB 1: 3 tiết; VB 2: 2,5 tiết; VB 3 đọc kết nối chủ điểm và VB 4 đọc mở rộng theo thể loại: 1 tiết).

– Viết: 2 tiết.

– Tiếng Việt: 1 tiết.

– Nói – nghe: 1 tiết.

– Ôn tập: 0,5 tiết.

Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học, GV linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng nội dung và YCCĐ của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

SGK *Ngữ văn 10* thiết kế một hệ thống nhiệm vụ học tập riêng cho từng phần *đọc, tiếng Việt, viết kết nối với đọc, viết VB, nói và nghe, ôn tập*. GV cần nghiên cứu, khai thác các kĩ thuật dạy học để thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập này. Về phương thức lên lớp, cần lưu ý:

– Kết hợp diễn giải ngắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, trình bày ý kiến, đóng vai.

– Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn,...

– Tổ chức cho mọi HS đều có cơ hội thực hành đọc, viết, nói và nghe.

3.2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.

– Ảnh chân dung tác giả; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, tư liệu liên quan.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu *Trước khi đọc, Sau khi đọc*) trong SGK thành phiếu học tập.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

– ...

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHẦN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Đọc ở đây là đọc hiểu VB thuộc thể loại sử thi, theo đúng các YCCĐ mà chương trình đã xác định. Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB sử thi. Vì thế, mục tiêu giúp HS “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi như: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật” sẽ là mục tiêu hàng đầu, cần được ưu tiên và giải quyết rõ ràng. Cùng với đó là hai YCCĐ: “Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo và giá trị đạo đức, văn hoá từ VB” và “Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB văn học”.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem Ma trận YCCĐ – câu hỏi đọc hiểu đối với VB, cụm VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Trước khi đọc*, *Đọc VB*, *Sau khi đọc* để hình thành các thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB.

Cũng cần lưu ý thêm rằng: (1) các câu hỏi trong khi đọc được đặt ra là để HS biết dừng lại ở những điểm cần thiết khi đọc VB, tự trả lời trong đầu, từ đó mà rèn luyện các kĩ năng đọc (*theo dõi, suy luận, hình dung, dự đoán,...* trong khi đọc VB bằng mắt); (2) trong các câu hỏi ở bước *Sau khi đọc* thường có những câu hỏi định hướng nhận biết thể loại; nhận biết và phân tích các yếu tố hình thức của thể loại.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGỮ VĂN

Các mục từ được xếp thành hai nhóm: tri thức văn học xếp trước, tri thức tiếng Việt xếp sau (Xem hướng dẫn chung ở các bài trước).

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý HS về tầm quan trọng của các tri thức hỗ trợ đọc hiểu thể loại sử thi đúc kết trong tám mục từ. Đó đều là các mục từ công cụ hết sức cần thiết để đọc hiểu VB. GV cũng có thể nêu một vài câu hỏi gợi dẫn, miễn sao HS hiểu rằng nếu không tự mình tìm hiểu để nắm vững tri thức đọc hiểu thì không thể trả lời nhiều câu hỏi trong khâu *Sau khi đọc*.

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo lời giới thiệu trong SGK. Tuy nhiên, việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn, linh hoạt, nên được câu hỏi lớn: “Sức sống của một cộng đồng được nuôi dưỡng từ đâu?”.

3. DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

Các kĩ năng đọc được nói đến ở đây chủ yếu là những kĩ năng *trong khi đọc*, hình thành trong khi HS trải nghiệm cùng VB ở trên lớp. Trong bài học này, SGK chú trọng vào các kĩ năng *liên hệ, theo dõi, suy luận,...* GV nên tập trung cho HS rèn luyện các kĩ năng này. Nhiều kĩ năng đã được luyện tập ở bài trước đến bài này cần được củng cố. Chẳng hạn:

Thế là Đăm Săn lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chồi lăm đổ lăn lốc. Cây cối chết rụi. Khi chàng múa dưới thấp, vang lên tiếng đĩa khiên³ đồng. Khi chàng múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên kên⁴. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. ❷

Suy luận

❷ Lưu ý những hình ảnh được sử dụng để miêu tả Đăm Săn. Những hình ảnh đó có điểm gì độc đáo?

Về cách thức thực hiện:

- GV giải thích về cách thực hiện câu hỏi *Suy luận* trong khi đọc, làm thử cho HS quan sát.
- Mời HS đọc một đoạn khác có câu hỏi *Suy luận* hoặc *Theo dõi* và thực hiện theo cách mà GV đã làm một vài lần. Khi nhận xét, GV cần tập trung nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng, hơn là nội dung câu trả lời của HS.
- Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm, cặp đôi về kết quả đọc của các em sau khi hoạt động *Đọc VB* trên lớp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu VB theo nhóm câu hỏi *Sau khi đọc*.

4. DẠY ĐỌC VĂN BẢN ĐĂM SĂN CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY

Dạy đọc VB trích khác với dạy đọc một VB hoàn chỉnh. Mục tiêu dạy đọc bao giờ cũng là phải giúp HS xác định được vị trí của VB trích và đọc, phân tích nó trong tính chỉnh thể của tác phẩm. HS cần biết rõ VB trích thuộc chương/ phần nào của tác phẩm, ở đó sử thi tập trung kể về sự việc gì. Vì thế, cần lưu ý HS đọc tóm tắt sử thi *Đăm Săn*, cũng như lược thuật các phần tác phẩm trước và sau VB trích.

4.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh hai câu hỏi nêu trong SGK.

4.2. Đọc văn bản

GV dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

- GV hoặc HS có giọng đọc tốt đọc thị phạm một vài đoạn ngắn hay hoặc khó.

– GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc. HS đọc bằng mắt, thực hiện một số yêu cầu của khâu *Đọc VB*. *Lưu ý HS*: khi gặp các câu hỏi trong box và những chỗ được đánh dấu, HS dừng lại suy nghĩ nhanh, tự trả lời thầm trong đầu, nhằm tạo thói quen và rèn luyện kĩ năng đọc. GV vừa nói to cách làm, vừa làm mẫu cho HS làm theo.

– GV yêu cầu HS trả lời một vài câu hỏi trong khi đọc để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box *liên hệ/ suy luận/ theo dõi/...* như thế nào. Nhận xét góp ý ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB.

4.3. Sau khi đọc

4.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Bảy câu hỏi, bài tập trong khâu này thiết kế theo nguyên tắc bám sát các YCCĐ của bài học (SGK). GV dựa vào bảng tổng hợp (ma trận) dưới đây để điều phối, kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo tinh thần nêu trên.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản

Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi như không gian [1a], thời gian [1b], cốt truyện [1c], nhân vật [1d], lời người kể chuyện [1e] và lời nhân vật [1g].”	[1.a]: câu 1 [1.b]: câu 1 [1.c]: câu 2, 3 [1.d]: câu 2, 3 [1.e]: câu 5a, 5b [1.g]: câu 4
N2: “Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc [2a], cảm hứng chủ đạo [2b] và giá trị đạo đức, văn hoá từ VB [2c].”	[2a]: câu 3, 5a [2.b]: câu 3, [2.c]: câu 3
N3: “Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB văn học” [3]	[3]: câu 6, 5b
N4: YCCĐ tổng hợp [4]	[4]: câu 7

GV lưu ý HS: để có câu trả lời đáng tin cậy, HS cần phải xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến từng câu hỏi/ nhóm câu hỏi. Chẳng hạn cần sử dụng tri thức về *không gian, thời gian sử thi* để trả lời câu 1; tri thức về *cốt truyện sử thi* để trả lời câu 2, về *nhân vật sử thi* để trả lời câu 3, về *lời nhân vật và lời của người kể sử thi* để trả lời câu 4 và câu 5a, 5b; về *cảm hứng, bối cảnh lịch sử – văn hoá* để trả lời câu 6;...

Hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động theo các câu hỏi ở mục *Sau khi đọc* (SGK), GV có nhiều lựa chọn. Về trình tự triển khai nội dung (và ghi bảng), GV có thể thực hiện theo ba cách:

- Thứ nhất, theo đúng trình tự các câu hỏi trong SGK (lần lượt từng câu hỏi).
- Thứ hai, theo cấp độ nhận thức: *Nhận biết*: câu 1, 2; *Phân tích, so sánh*: câu 3, 4, 5; *Vận dụng, đánh giá*: câu 6, 7.

- Thứ ba, theo nhóm vấn đề, kèm theo đề mục. Ví dụ:

- + Cốt truyện, sự kiện sử thi: câu 1, 2.
- + Nhân vật, lời nhân vật sử thi: câu 3, 4.
- + Lời của người kể, bối cảnh văn hoá – xã hội sử thi: câu 5a, 5b, 6.
- + Sự kết hợp các yếu tố của nhiều thể loại: câu 7.

Dưới đây là một số gợi ý theo cách thứ ba.

2.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ CỐT TRUYỆN, SỰ KIỆN SỬ THI

Câu 1:

Mục tiêu: Tóm tắt cốt truyện (Xem lại Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Lưu ý đối với GV: “cốt truyện” ở đây được hiểu là: chuỗi sự kiện được kể lại trong VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* (không phải cốt truyện của toàn sử thi *Đăm Săn*).

- GV nêu yêu cầu và lưu ý HS cách tóm tắt chuỗi sự kiện trong VB.
- HS tóm tắt, xâu chuỗi được các sự kiện trong VB, cần nêu và xâu chuỗi được các sự kiện chính. Chẳng hạn:
 - + Biết tin Hơ Nhị bị tù trưởng Mtao Mxây bắt cóc, Đăm Săn cùng tôi tớ đến tận nhà Mtao Mxây tuyên chiến với hắn để cứu vợ mình.
 - + Đăm Săn múa khiên, dũng mãnh giao chiến với Mtao Mxây. Chàng tỏ ra là một tù trưởng có tài múa khiên, sức mạnh phi thường, làm chủ tình thế.
 - + Nhờ ông Trời trợ giúp, Đăm Săn hạ gục Mtao Mxây và giết chết hắn.

+ Dân làng và tôi tớ của Mtao Mxây đi theo Đăm Săn rất đông.

+ Đăm Săn mở tiệc ăn mừng chiến thắng rất lớn. Các tù trưởng, khách khứa các nơi và dân làng đến dự rất đông vui. Uy danh chàng càng thêm lẫy lừng.

Câu 2:

Mục tiêu: Nhận biết chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV nêu vấn đề từ câu hỏi.

– HS: Khó khăn mà Đăm Săn gặp phải là không thể triệt hạ Mtao Mxây. Chàng dùng cây giáo thiêng đâm vào người địch thủ nhưng “không thủng”; người chàng lại thấm mệt, phải vừa chạy vừa ngủ,...

Ông Trời bày mẹo cho Đăm Săn triệt hạ Mtao Mxây để giành chiến thắng. Mẹo đó là dùng một cái chày cùn ném vào vành tai Mtao Mxây.

– GV: (gợi mở thêm) Vì sao mẹo này lại hiệu nghiệm? Có thể tìm hiểu văn hoá, quan niệm của người Ê-đê để tìm câu trả lời (đôi tai là chỗ hiểm, là cơ quan cảm giác cực kì quan trọng, thiêng liêng; ném chày cùn vào vành tai là triệt hạ, là làm tiêu ma sự sống của đối phương;...).

❖ NHÂN VẬT, LỜI CỦA NHÂN VẬT SỬ THI

Câu 3:

Mục tiêu: Phân tích đặc điểm nhân vật người anh hùng sử thi (Đăm Săn) trong sự so sánh với tù trưởng thù địch (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– *Lưu ý đối với giáo viên:* Đây là câu hỏi liên quan đến đặc điểm sử thi Tây Nguyên, cụ thể là sử thi *Đăm Săn*. Về thực chất, đây là dạng câu hỏi yêu cầu kết hợp nhận biết, phân tích với so sánh, đối chiếu để đồng thời làm rõ đặc điểm, tính cách của cả hai nhân vật Đăm Săn và Mtao Mxây. GV nên sử dụng các mẫu bảng so sánh để hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

– GV: (nêu vấn đề, định hướng) Trong sử thi *Đăm Săn*, thực ra có hai tù trưởng Đăm Săn và Mtao Mxây, nhưng nhân vật được xem là anh hùng để tôn vinh trong sử thi Tây Nguyên thường là “duy nhất”, tức là chỉ có một. Do đó, người kể chuyện trong sử thi *Đăm Săn* đã sử dụng các thủ pháp nghệ thuật (tương phản, nói quá, trùng điệp,...) để tô đậm những phẩm chất anh hùng của Đăm Săn. Có thể thấy rõ dụng ý này qua sự tương phản giữa hai nhân vật trong khi múa khiên, hoặc các đoạn văn miêu tả ngoại hình, phong thái của họ trong VB.

– HS thảo luận, hoàn tất các phiếu học tập hay các mẫu bảng phân tích so sánh theo mẫu bảng so sánh dưới đây (Mẫu 1):

Mẫu 1. So sánh cảnh múa khiên của hai nhân vật và thái độ của người kể chuyện

	Đăm Săn	Mtao Mxây	Thái độ của người kể chuyện
Hình ảnh chiếc khiên			
Cách múa khiên			
Sức mạnh trong khi giao chiến			

– GV hướng dẫn HS phân tích, so sánh thêm các chi tiết về ngoại hình, phong thái của hai nhân vật, nhằm làm nổi bật hình ảnh người anh hùng và thấy rõ thái độ, tình cảm tôn vinh Đăm Săn của người kể chuyện.

– HS thực hiện mẫu so sánh thứ hai dưới đây (Mẫu 2).

Mẫu 2. So sánh ngoại hình, phong thái của Đăm Săn và Mtao Mxây

Phương diện	Đăm Săn	Mtao Mxây	Thái độ, tình cảm của người kể chuyện
Ngoại hình, phong thái			
Mục đích chiến đấu			
Sự trợ giúp của thần linh			
Sự ủng hộ của dân làng			

– GV và HS tổng hợp các đặc điểm, tính cách của hai nhân vật, đi đến kết luận: trong hai tù trưởng, chỉ có Đăm Săn mới được miêu tả, thể hiện như một người anh hùng. Đây là người anh hùng duy nhất trong sử thi *Đăm Săn*. Qua đó, VB cũng cho thấy tình cảm, cảm xúc,... và giá trị đạo đức, văn hoá của tác phẩm.

Câu 4:

Mục tiêu: Nhận biết và phân tích đặc điểm lời của nhân vật Đăm Săn trong VB (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV có thể hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu này theo nhiều cách. Sử dụng bảng phân tích dưới đây cũng là một cách.

– HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi (cá nhân hoặc theo nhóm):

Đối tượng giao tiếp	Những câu nói của Đăm Săn	Sự thể hiện tính cách, vị thế xã hội
(Với) Mtao Mxây trước và trong khi giao chiến.	...	Ví dụ: Sự dũng dạc, tự tin thách thức kẻ thù của người anh hùng.
(Với) ông Trời lúc gặp khó khăn.	...	Ví dụ: Sự chân thành, thân mật, gần gũi với thần linh.
(Với) dân làng và tôi tớ trong tiệc mừng chiến thắng.	...	Ví dụ: Lời truyền bảo của một vị tù trưởng quyền uy.

❖ LỜI CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN VÀ LỜI CỦA NHÂN VẬT SỬ THI

Câu 5:

Mục tiêu: Phân tích được đặc điểm lời của người kể chuyện sử thi trong VB (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*). Câu hỏi này nhằm đáp ứng 3 yêu cầu: yêu cầu 5a liên quan đến lời của người kể chuyện trong sử thi: lời kể khoa trương, yêu cầu 5b cũng liên quan đến các câu người kể chuyện hướng đến người nghe sử thi; yêu cầu 5c liên quan đến việc khái quát cảm hứng chủ đạo.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án: GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các ý.

Ý 5a:

– GV: Thế nào là nói quá, tác dụng của nói quá là gì? Chỉ ra một số câu văn có dùng nói quá trong đoạn văn, nhận xét về tần suất sử dụng thủ pháp này trong VB...

– HS: Lối nói quá (khoa trương) dày đặc trong VB (liệt kê một số dẫn chứng). Tác dụng: tô đậm tính cách người anh hùng tài giỏi, giàu mạnh vô địch.

– GV hướng dẫn HS tập trung trích dẫn và phân tích một số đoạn lời thoại, lời kể trong VB để làm nổi bật nghệ thuật khoa trương trong VB. Chẳng hạn, HS có thể trích và phân tích hai đoạn văn tiêu biểu dưới đây:

Lời của Đăm Săn: *Hãy đánh lên tất cả cho ở dưới võ toác các cây đòn ngạch, cho ở trên gãy nát các cây xà ngang, cho tiếng chiêng vang vọng khắp đó đây, khiến voi, tê giác trong rừng quên không cho con bú, ếch nhái dưới gầm sàn, kì nhông ngoài giữa bãi phải ngừng kêu, tất cả đều ngày đêm lặng thinh để nghe tiếng chiêng ăn đông uống vui như mừng mùa khô năm mới của ta vậy.*

Lời của người kể chuyện: xem đoạn văn từ câu “*Bà con xem, Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán.*” đến câu: “*Làm sao mà có được một tù trưởng, đầu đội khăn nhiều vai mang nải hoa, đánh đâu đập tan đó, vây đâu phá nát đó như chàng?*”.

Ý 5b:

– GV mô tả ngắn về một buổi kể sử thi Ê-đê (có thể sử dụng hình ảnh hoặc video ngắn): Đây là một cuộc giao tiếp giữa người kể sử thi (nghệ nhân, già làng) và người nghe sử thi thông qua câu chuyện, nhân vật sử thi, theo sơ đồ:

Người kể/ hát sử thi – Nhân vật anh hùng sử thi – Khán/ thính giả

– GV gợi ý, giúp HS trả lời: Cụm từ “*bà con xem...*” cho thấy kể sử thi là diễn xướng trước người nghe, người xem, một hình thức giao tiếp trực tiếp trong sinh hoạt văn hoá.

– GV: Cách nói “*bà con xem...*” lấy lại nhiều lần (lần đầu giới thiệu bộ dạng của Mtao Mxây; ba lần sau ngợi ca Đăm Săn chiến thắng hùng cường) cho thấy nét đặc thù của sáng tác – tiếp nhận sử thi: người kể sử thi luôn luôn có ý thức giao tiếp với người nghe sử thi. Hình ảnh người nghe hiện diện trong lời kể, tạo nên một cộng đồng kể, hát và thưởng thức sử thi, giao tiếp tự sự trong sử thi. Tác dụng của lời kể hướng đến người xem, người nghe là tạo không khí chia sẻ giữa người trình diễn và người thưởng thức sử thi, chia sẻ tình cảm yêu quý, ngưỡng mộ người anh hùng của cộng đồng.

Câu 6:

Mục tiêu: Phân tích tác dụng của cảnh tiệc tùng trong việc khắc hoạ nhân vật Đăm Săn và bối cảnh xã hội của sử thi Tây Nguyên (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*. Lưu ý rằng câu này có ba YCCĐ cụ thể).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm (tập làm sản phẩm trên giấy khổ lớn).

– HS: Ý chính trong sản phẩm của các nhóm: Cảnh tiệc tùng và hình ảnh Đăm Săn ở nửa sau của VB có thể gọi cho mỗi người suy nghĩ riêng. Nhưng chắc cũng sẽ gọi những suy nghĩ, cảm nhận về phong tục và không khí hội hè của người Ê-đê. Chẳng hạn:

– Góp phần tô đậm sự vẻ vang của chiến công, sự giàu có thịnh vượng vang đến thần linh của người anh hùng Đăm Săn (ý quan trọng).

– Cho thấy một cuộc sống đầy đủ, thịnh vượng của cộng đồng Ê-đê trong thời đại sử thi. Đó cũng là mong ước của người trình diễn và thưởng thức sử thi ở các thời đại sau.

– Cho thấy sự kết nối cộng đồng đông đảo, thân thiện giữa chủ và tớ, giữa tù trưởng chủ nhà và các tù trưởng lân bang, giữa con người và loài vật, thiên nhiên nơi rừng xanh núi thẳm.

❖ SỰ KẾT HỢP YẾU TỐ CỦA NHIỀU THỂ LOẠI TRONG SỬ THI

Câu 7:

Mục tiêu: Nhận xét, đánh giá tác dụng của việc sử dụng đa dạng các yếu tố trong VB. (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*). Đây là câu hỏi vận dụng, đánh giá liên quan trực tiếp đến đặc điểm ngôn ngữ sử thi, nên cho HS thảo luận nhóm, nhận biết các yếu tố truyện, kịch, thơ trong VB sử thi

– GV gợi ý và hướng dẫn HS cách thực hiện theo các bước: (1) Trả lời câu hỏi: *Thế nào là yếu tố truyện, yếu tố kịch, yếu tố thơ?*; (2) Khảo sát một số đoạn trong VB.

Quy ước trước khi HS thảo luận, đưa ra lời giải thích và bằng chứng:

– Xem là có yếu tố *truyện* khi: VB có người kể chuyện, câu chuyện, nhân vật, sự kiện,...;

– Xem là có yếu tố *kịch* khi: VB có xung đột, mâu thuẫn gay gắt giữa các bên buộc phải giải quyết, có đối thoại và hành động chống đối nhau,...;

– Xem là có yếu tố *thơ* khi: VB có lời văn (lời người kể chuyện và hoặc lời của nhân vật) thể hiện cảm xúc, miêu tả thiên nhiên sự vật giàu hình ảnh gợi cảm,...

– GV và HS: tổng hợp và giải thích thêm:

Sử thi *Đăm Săn* thuộc thể loại tự sự kết hợp văn xuôi với văn vần trong lời của người kể chuyện cũng như lời của nhân vật. Dĩ nhiên ở đây, tự sự (truyện), kể là chính yếu. Nhưng có sự kết hợp nhiều yếu tố khác tạo hiệu quả nghệ thuật cho VB. Ví dụ:

– HS:

+ Kể chuyện có kết hợp yếu tố kịch: Xung đột và cuộc chiến giữa Đăm Săn và Mtao Mxây (qua lời đối đáp và hành động) tạo nên kịch tính cho câu chuyện.

+ Kể chuyện có kết hợp với yếu tố trữ tình – chất thơ đặc sắc của VB: chất thơ trong những lời thoại giàu cảm xúc của nhân vật Đăm Săn; chất thơ trong cảm xúc tôn vinh người anh hùng một cách nồng nhiệt của người kể chuyện; chất thơ trong bức tranh sinh hoạt của con người giữa thiên nhiên; chất thơ từ lời kể, lời tả, cách sử dụng các biện pháp tu từ;...

5. DẠY ĐỌC VĂN BẢN GẶP KA-RÍP VÀ XI-LA

Gặp Ka-ríp và Xi-la chỉ là VB trích. Việc lưu ý HS đọc tóm tắt sử thi *Ô-đi-xê*; xác định vị trí của VB trong tác phẩm; lược thuật các phần tác phẩm trước và sau VB trích là hết sức cần thiết và cần được thiết kế thành một vài hoạt động phù hợp trước khi HS đọc VB.

HS cần biết rõ VB trích thuộc chương phần nào của tác phẩm, ở đó sử thi tập trung kể về sự việc gì.

5.1. Trước khi đọc

GV hướng dẫn HS thực hiện như đã thực hiện với VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*.

5.2. Đọc văn bản

Thực hiện như với VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*; lưu ý cho HS rèn luyện các kĩ năng *Dự đoán, Suy luận, Theo dõi*.

5.3. Sau khi đọc

5.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

GV bám sát ma trận YCCĐ và câu hỏi, bài tập để tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động *Sau khi đọc*.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản *Gặp Ka-ríp và Xi-la*

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của sử thi như không gian [1a], thời gian [1b], cốt truyện [1c], nhân vật [1d], lời người kể chuyện [1e] và lời nhân vật [1g]”	[1.c]: câu 1, 2 [1.d]: câu 4,5 [1.e]: câu 3 [1.g]: câu 3
N2: “Phân tích, đánh giá được tình cảm, cảm xúc [2a], cảm hứng chủ đạo [2b] và giá trị đạo đức, văn hoá từ VB [2c].”	[2.b]: câu 6
N3: “Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB văn học [3].”	[3]: câu 4

Lưu ý chung: GV có thể hướng dẫn đọc hiểu VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*, như với VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*. GV cần nhắc HS xem lại và củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến từng câu hỏi/ nhóm câu hỏi.

Về cách thức kết nối các câu hỏi *Sau khi đọc*, GV cũng có nhiều lựa chọn như đối với VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*.

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi được sắp xếp theo vấn đề và đề mục.

- Cốt truyện, sự kiện sử thi: câu 1, 2.
- Người kể chuyện, bối cảnh và nhân vật sử thi: câu 3, 4, 5.
- Cảm hứng chủ đạo: câu 6.

3.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ CỐT TRUYỆN, SỰ KIỆN SỬ THI

Câu 1:

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án: Câu hỏi yêu cầu HS tóm tắt các sự kiện trong phần VB trích (qua đó nắm được cốt truyện, nhân vật). Cách thực hiện:

– GV hướng dẫn HS tóm tắt nhanh, có thể bằng lời hoặc bằng sơ đồ (thực hiện cá nhân hoặc nhóm HS). Điều quan trọng là phải ngắn gọn, súc tích và bảo đảm xâu chuỗi được các sự việc chính.

– HS: Dù tóm tắt bằng lời hay bằng sơ đồ, thì HS cũng cần nêu được các sự kiện chính sau đây:

+ Ô-đi-xê và các thủy thủ lên đường vượt biển về quê và được báo trước là phải chuẩn bị tinh thần đối mặt với mọi nguy hiểm.

+ Các thủy thủ phải nhét sáp ong vào hai tai để tránh nghe tiếng hát ma mị của các nàng Xi-ren; riêng Ô-đi-xê được nghe hát nhưng phải trói mình vào cột buồm để tránh nguy hiểm.

+ Tiếp đến, các thủy thủ tránh được Ka-ríp – quái vật giăng cạm bẫy khủng khiếp chực nhả chìm thủy thủ xuống đáy biển, nhưng lại rơi vào cạm bẫy của quái vật Xi-la: sáu thủy thủ – những tay chèo khỏe nhất của Ô-đi-xê – bị ăn thịt.

+ Ô-đi-xê tận mắt chứng kiến đồng đội gặp nạn, nhưng không có cách nào cứu giúp họ, chàng vô cùng thương xót.

– HS: Dựa vào bản tóm tắt, HS trả lời về thứ hai của câu 1.

Câu 2:

Mục tiêu: Nhận biết được tác dụng của yếu tố bất ngờ trong cốt truyện (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Để giải quyết nhanh câu hỏi này, GV nên cho HS điền chi tiết vào bảng tổng hợp trong một phiếu học tập; GV đồng thời sử dụng bảng này để giới thiệu nhanh đáp án. Bảng có thể theo mẫu sau:

TT	Sự kiện	Chi tiết
1	Ô-đi-xê đòi thủy thủ cời trói để nghe tiếng hát mê hoặc	Ví dụ: <i>lòng nao nức muốn nghe họ quá, tôi nhích lông mày ra hiệu để các bạn đồng hành cời trói cho tôi.</i>
2	Tránh cạm bẫy của Ka-ríp	Ví dụ: <i>Vừa đi khỏi đảo, tôi bỗng thấy bụi nước bắn lên như một màn sương từ những ngọn sóng lớn và nghe tiếng sóng đập âm âm.</i> <i>Các bạn tôi sợ quá, đánh tuột cả mái chèo, khiến chúng rơi tõm xuống biển và trôi là là mặt nước.</i>
3	Ô-đi-xê quên lời dặn của Xi-éc-xê	Ví dụ: <i>Thế là tôi quên khuấy mất lời dặn dò ác nghiệt của Xi-éc-xê. Nàng cấm tôi không được cầm khí giới, nhưng tôi đã mặc bộ áo giáp quang vinh của tôi và nắm trong tay hai ngọn lao dài, ra đứng ở mũi thuyền, tưởng rằng đứng đấy tôi có thể nhận được ngay Xi-la khi nó ở núi đá hiện lên, xông vào các bạn tôi để hãm hại.</i>
4	Sa vào cạm bẫy của Xi-la	Ví dụ: <i>Trong lúc sợ chết, chúng tôi chỉ chú ý đến Ka-ríp, nhưng lúc đó, Xi-la bỗng bắt mất trong thuyền sáu tay chèo khỏe nhất của tôi.</i>

Lưu ý đối với GV: Chi tiết thì rất nhiều. Không nên mất nhiều thời gian vào việc tìm chi tiết. Vấn đề là qua một số chi tiết, làm sao HS thấy được: luôn luôn có những sự cố bất ngờ xảy ra trên hành trình vượt biển trở về quê hương của Ô-đi-xê. Tất cả đều là thử thách cho thấy bản lĩnh, tính cách của người anh hùng Hy Lạp, sau chiến tranh thành To-roa.

❖ NGƯỜI KỂ CHUYỆN, BỐI CẢNH VÀ NHÂN VẬT

Câu 3:

Mục tiêu: Phân tích được tác dụng của việc dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, đồng thời là nhân vật chính, người anh hùng sử thi trong VB (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV nhắc HS đọc lướt một vài đoạn trong VB, đồng thời đối chiếu với box tóm tắt sử thi Ô-đi-xê để nhận ra ngôi kể thứ nhất ở phần VB này là nhân vật chính Ô-đi-xê.

– GV lưu ý HS đọc lại tóm tắt VB để nhận ra đây là một trong bốn chương, tác giả để cho nhân vật chính, người anh hùng Ô-đi-xê toàn quyền kể lại câu chuyện của mình. Điều đó hẳn phải có nguyên nhân và dụng ý, vậy nguyên nhân, dụng ý ấy là gì? GV có thể đưa ra một số gợi ý, dẫn dắt HS:

Gợi ý 1 (về nguyên nhân):

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV: Sau 10 năm vượt biển trên hành trình trở về quê hương, đến thời điểm này, Ô-đi-xê là người cuối cùng còn sống sót. Vậy ai là người biết kể những gì xảy ra trên hành trình ấy để kể lại?

– HS: Chính là người sống sót, Ô-đi-xê.

Gợi ý 2 (về dụng ý nghệ thuật của việc sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất):

– GV: Người kể chuyện ngôi thứ nhất (đồng thời là nhân vật chính), trong trường hợp này, có ưu thế gì so với người kể chuyện ngôi thứ ba?

– HS: Dựa vào tri thức và kinh nghiệm đã có để trả lời. Chẳng hạn: với ngôi thứ nhất, người kể chuyện – nhân vật chính có cơ hội tự bộc lộ tính cách, tâm trạng, cách giao thiệp của mình; gia tăng độ tin cậy bởi người kể là người trong cuộc, tự kể trải nghiệm của mình,...

– GV và HS: Còn nguyên nhân, dụng ý nào khác nữa không? (Hãy nhớ lại tóm tắt VB: Với Ô-đi-xê, kể câu chuyện về hành trình, thử thách và tai hoạ của mình là cách duy nhất để thuyết phục và chờ đợi sự cứu giúp của nhà vua, hoàng hậu, công chúa của quốc đảo Phê-ki-a. Câu chuyện, cách kể chuyện của chàng đã làm họ xúc động và kính yêu, sau đó, chàng nhận được giúp đỡ rất nhiệt tình, hậu hĩnh).

– GV và HS: Sự phân tích trên đây cho thấy nghệ thuật kể chuyện của tác giả sử thi Ô-đi-xê – nhà thơ Hy Lạp cổ đại: Hô-me-rơ.

Câu 4:

Mục tiêu: Nhận biết được các quái vật biển như là hiện thân cho các hiện tượng tự nhiên trong nhận thức của tác giả và người Hy Lạp cổ đại (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV: Những quái vật biển như Ka-ríp, Xi-la trước hết là sáng tạo của Hô-me-rơ dựa trên trí tưởng tượng và nghệ thuật hư cấu độc đáo của ông. Đó là điều không

cần phải bàn cãi. Nhưng, các hình tượng kì dị (quái vật), kì ảo (tiên nữ, thần linh) trong sử thi không phải là kết quả của trí tưởng tượng thuần túy mà thường xuất phát từ một gợi ý hoặc cơ sở nào đó trong đời sống, liên quan đến nhận thức của người đương thời về thế giới, con người. Theo bạn, các quái vật biển như Ka-ríp, Xi-la được xây dựng trong sử thi này được gợi ý từ đâu?

– HS thảo luận và khái quát với sự gợi dẫn của GV.

+ Các hình tượng quái vật biển ấy là biểu tượng cho những bí ẩn ghê gớm của đại dương. Nó cũng dựa trên những nhận thức về sự bí ẩn, nguy hiểm của người đi biển Hy Lạp thời bấy giờ.

+ Khi sáng tác sử thi *Ô-đi-xê*, Hô-me-rô phải vận dụng những kiến thức về lịch sử – văn hoá – xã hội ấy của thời đại mình. Chẳng hạn: nghiên cứu sơ đồ biển cùng các tài liệu miêu tả hải trình (các chuyến vượt biển), tìm hiểu các vùng nước, xoáy nước, sóng ngầm nguy hiểm và kĩ thuật hàng hải thời ấy,...

+ Trong khi thể hiện khát vọng chinh phục biển cả, mở mang bờ cõi về phía biển Tây của người Hy Lạp cổ đại, VB sử thi cũng cho thấy cái giá tất yếu phải trả khi thực hiện khát vọng ấy. Trong VB (trích) này là những vất vả, gian lao và cái chết đau thương của các thủy thủ – bạn đồng hành của Ô-đi-xê.

– GV: Tuy vậy, nên lưu ý rằng, tô đậm sự hung hãn, ghê gớm của hình tượng các quái vật biển (Ka-ríp, Xi-la) cũng là một cách tôn vinh dũng khí, trí tuệ của người anh hùng mà cả cộng đồng ngưỡng mộ.

Câu 5:

Mục tiêu: Phân tích phẩm chất anh hùng trong vai trò người lãnh đạo của Ô-đi-xê (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Định hướng đối với GV: Trong VB, người đứng đầu lãnh đạo, điều hành thủy thủ đoàn không ai khác chính là Ô-đi-xê. Trong vai trò này, chàng biết cách động viên, củng cố tinh thần cho đồng đội (kể cả việc nói dối khi cần); sáng suốt chỉ huy thủy thủ chèo thuyền vượt qua nhiều cạm bẫy; có tình yêu thương đồng đội tha thiết, chân thành,...

– GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm: Phẩm chất của người anh hùng và phẩm chất của người chỉ huy, lãnh đạo ở Ô-đi-xê có quan hệ thế nào với nhau? Các phẩm chất ấy đã hội tụ ở nhân vật Ô-đi-xê như thế nào? Nêu một số bằng chứng từ VB.

– HS: Các nhóm thực hiện trên giấy khổ lớn theo mẫu.

Các phẩm chất	Biểu hiện qua các chi tiết
Phẩm chất thứ nhất: Trí dũng phi thường, được nhiều vị thần trợ giúp.	Ví dụ: Ô-đi-xê được Xi-éc-xê giúp đỡ vượt qua sự quyến rũ của các Xi-ren,...
Phẩm chất thứ hai: Biết cách động viên mọi đồng đội hợp lực vượt qua thử thách hiểm nguy.	Ví dụ: Ô-đi-xê biết cách khích lệ lòng can đảm của các thủy thủ khi sắp sa vào cạm bẫy của Ka-ríp và Xi-la.
...	...

– GV: Phẩm chất của người lãnh đạo thể hiện bản lĩnh của người anh hùng trước các tình huống thử thách đòi hỏi tập hợp sức mạnh của tập thể. Hình tượng nhân vật Ô-đi-xê cho thấy tác giả sử thi đặc biệt đề cao trí tuệ và sự khôn khéo của người anh hùng sử thi.

❖ CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO

Câu 6:

Mục tiêu: Khái quát được cảm hứng chủ đạo (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB Gặp Ka-ríp và Xi-la).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV gọi cho HS nhớ lại cảm hứng chủ đạo trong VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây*; lưu ý nội dung, cách phát biểu, diễn đạt cảm hứng của một tác phẩm sử thi nói riêng tác phẩm văn học nói chung.

– HS: Cảm hứng chủ đạo của VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*: Ca ngợi trí tuệ và bản lĩnh của Ô-đi-xê trong vai trò người lãnh đạo thủy thủ đoàn đối phó với cạm bẫy hiểm nguy của các quái vật biển như Ka-ríp và Xi-la trên hành trình vượt biển cả để trở về quê hương.

6. HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM NGÔI NHÀ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ

Lưu ý chung: Đây là VB thông tin được sử dụng theo yêu cầu đọc kết nối chủ điểm *Sống cùng kí ức của cộng đồng*. GV hướng dẫn HS tập trung khai thác các nội dung kết nối chủ điểm.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu 1:

– GV: Hướng dẫn HS đọc VB đối chiếu với các chi tiết trong bức ảnh minh hoạ (vật liệu làm sàn, vách, mái,... đặc điểm cầu thang của nhà dài Ê-đê) để đưa ra nhận xét.

– HS đọc và nhận xét.

Câu 2:

– GV: Hướng dẫn HS phát biểu hình dung của mình về ngôi nhà, phong tục của người Ê-đê trong *Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê*, ngôi nhà của Đăm Săn (cảnh tiệc tùng) và của Mtao Mxây (các chi tiết miêu tả ngôi nhà Mtao Mxây trước cuộc giao chiến).

– HS suy nghĩ, thảo luận và phát biểu hình dung của cá nhân.

Câu 3:

– GV: Hướng dẫn HS lập bảng so sánh và cần làm rõ khác biệt căn bản theo yêu cầu của câu hỏi: Về *mục đích viết* của VB; *lời văn và cách miêu tả* trong VB.

– HS: Thảo luận, làm việc nhóm (lập bảng so sánh)

Các phương diện so sánh	Văn bản <i>Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê</i>	Văn bản sử thi <i>Đăm Săn</i>
<i>Mục đích viết</i>	Ví dụ: được miêu tả chính xác nhằm gợi lên hình ảnh tiêu biểu của nhà dài Ê-đê.	Ví dụ: được miêu tả bằng trí tưởng tượng, nhằm tô đậm tính cách giàu có hùng cường của Đăm Săn.
<i>Lời văn và cách miêu tả</i>	Ví dụ: lời văn thuyết minh có trích dẫn lời từ các nguồn tin cậy, sử dụng chi tiết nhằm truyền tải các thông tin chính xác.	Ví dụ: sử dụng hình ảnh từ ngữ, biện pháp nghệ thuật khoa trương nhằm kích thích trí tưởng tượng, hình dung của mỗi người nghe, người đọc.

– Khi HS so sánh, GV lưu ý các em đưa ra được các bằng chứng lấy từ hai VB.

– GV: Trước khi kết thúc bài đọc VB này, GV hướng dẫn nhanh về yêu cầu đọc mở rộng theo thể loại – VB *Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời* (trích *Đăm Săn*, sử thi Ê-đê).

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI ĐĂM SẴN ĐI CHINH PHỤC NỮ THẦN MẶT TRỜI

Lưu ý chung: Đây là VB tạo cơ hội để HS tự đọc VB tương đương về thể loại sử thi... SGK đã đưa ra một số câu hỏi định hướng giúp HS thực hiện các bước đọc VB mở rộng theo thể loại này. GV dành khoảng 15 phút, căn cứ vào đó để HS tự đọc và tự trả lời các câu hỏi để rèn luyện cách đọc VB sử thi. Chương trình *Ngữ văn* lớp 10 yêu cầu về đọc mở rộng VB văn học:

“– Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 VB văn học (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học.

– Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.”

Sau khi hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại, GV cần nhắc HS lưu ý thực hiện YCCĐ này.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu 1: HS chỉ cần phân tích minh họa được một, hai trong số các đặc điểm sử thi.

TT	Đặc điểm chung của sử thi	Biểu hiện trong văn bản <i>Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời</i>
1	Ví dụ: <i>Không gian sử thi</i> thường mở ra theo những cuộc phiêu lưu gắn với các kì tích của người anh hùng. Điều này liên quan đến cốt truyện sử thi: thường xoay quanh cuộc phiêu lưu và những kì tích của người anh hùng.	Ví dụ: Theo chuyến phiêu lưu của Đăm Săn, không gian sử thi mở ra từ cuộc sống con người nơi trần thế đến cuộc sống của các vị thần nhà trời. Các sự kiện trong cốt truyện xoay quanh cuộc phiêu lưu này.
2	...	...

Câu 2: *Tri thức ngữ văn* đưa ra ba đặc điểm của nhân vật người anh hùng sử thi. GV nên lưu ý HS không phải ở chương khúc nào nhân vật người anh hùng cũng hội đủ các phẩm chất này. Vì thế các em chỉ cần phân tích minh họa đặc điểm nổi bật. Chẳng hạn: Trong *Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời* có thể chỉ phân tích một trong hai biểu hiện của đặc điểm a, b.

TT	Đặc điểm của nhân vật sử thi	Biểu hiện trong văn bản <i>Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời</i>
1	Ví dụ: nhân vật người anh hùng sử thi có đủ sức mạnh, ý chí, khát vọng vượt qua mọi thách thức hiểm nguy;	Ví dụ: Yếu tố kì ảo: Đăm Săn vừa có khát vọng lớn lao vừa có sức mạnh bản lĩnh siêu phàm thể hiện qua cuộc phiêu lưu lên tận nhà Nữ thần Mặt Trời và mong chinh phục nàng.
2	...	...

Câu 3: GV hướng dẫn HS lưu ý đến hai loại cảm xúc:

- Niềm cảm phục, tự hào về người anh hùng khi kể về hành trình của Đăm Săn: chàng đã đến được nơi mình muốn đến nhờ khát vọng, ý chí bản lĩnh và sức mạnh phi thường;
- Niềm thương tiếc Đăm Săn nhưng không nhuộm màu bi lụy (bởi người kể chuyện luôn tin vào sự bất diệt, khả năng tái sinh của cộng đồng sẽ được kể tiếp trong phần cuối của sử thi).

Bài tập sáng tạo:

GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập này qua các bước: (1) Sưu tầm thêm tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về hình tượng, biểu tượng Mặt Trời (thần thoại, sử thi, thơ, ca khúc, tranh vẽ,...); (2) Lấy cảm hứng chung từ những gì sưu tầm được hoặc từ một tác phẩm cụ thể để làm thơ, vẽ tranh, dựng hoạt cảnh.

8. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Tri thức tiếng Việt

GV dành khoảng 10 phút để hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh phần tri thức tiếng Việt với hai nội dung: *Cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong VB* và *Cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú*. Sau đó, tổ chức cho HS thực hành.

8.2. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Lưu ý chung: *Cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong VB* và *Cách chú thích trích dẫn và ghi cước chú* là hai hiện tượng ngôn ngữ đã xuất hiện trong các VB của bài học. Tri thức tiếng Việt cũng như các ví dụ đã rõ ràng, điều quan trọng là HS vận dụng được vào việc thực hiện các bài tập thực hành. Các bài thực hành tiếng Việt ở đây một mặt giúp ích thiết thực cho việc đọc hiểu VB; mặt khác, giúp HS vận dụng trong khi thực hành viết VB thông tin, VB báo cáo kết quả nghiên cứu, VB nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm văn học,...

Gợi ý về cách thực hiện các bài tập:

Bài tập 1:

GV hướng dẫn HS đọc lại các VB và thực hiện một số yêu cầu:

- Xác định cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong mỗi VB (nếu có).
- Giải thích ý nghĩa thông tin của các kí hiệu đánh dấu.
- Chỉ ra những chỗ đánh dấu sự tỉnh lược trong VB 1 và 2.

VB toàn văn: *Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê*; VB không toàn văn: ba VB còn lại (VB trích sử thi *Đăm Săn* và *Ô-đi-xê*). Để chỉ ra những chỗ đánh dấu sự tỉnh lược có kèm theo tóm tắt trong các VB không toàn văn, GV hướng dẫn HS khảo sát nhanh các VB và lập bảng tổng hợp. Chẳng hạn:

Thứ tự	Kí hiệu đánh dấu tình lược trong văn bản	Tóm tắt phần tình lược
1	<i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây</i> [...]	Lược dẫn:... Lược bớt một đoạn:...
2	<i>Gặp Ka-ríp và Xi-la</i>	...

Về tác dụng của các đoạn lược dẫn và những chỗ đánh dấu sự tình lược có kèm theo tóm tắt, cách trả lời như với bài tập 2. Bổ sung: Các phần *Lược dẫn* tóm lược nội dung phần bị lược bớt phía trước VB bài đọc; các chỗ *Lược bớt một đoạn* thường chú thích về các chỗ bị lược bớt trong hoặc sau VB bài đọc.

Bài tập 2:

Trong thực tế, với một số trường hợp, nếu người soạn VB chỉ sử dụng kí hiệu đánh dấu phần VB bị lược bỏ mà không viết đoạn tóm tắt phần VB bị lược bỏ đó thì có thể gây một số khó khăn trong việc: (1) nắm bắt tính liên tục, mạch vận động hay tính tổng thể của VB; (2) nắm bắt thông tin chi tiết ở phần bị lược bỏ.

Bài tập 3:

VB *Ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê* trích dẫn ba lần lời kể của hai người có trách nhiệm và am hiểu về đối tượng của VB thông tin. Các trích dẫn có chú thích đầy đủ tên họ, cương vị công tác có đủ tư cách để cung cấp những thông tin xác đáng về ngôi nhà truyền thống của người Ê-đê.

Bài tập 4:

GV hướng dẫn HS chỉ ra điểm khác biệt về đặc điểm của biện pháp so sánh trong các trường hợp đã cho:

So sánh trong đoạn (a) (trong VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la*) là lối “so sánh dài”, được sử dụng nhiều trong sử thi của Hô-me-rơ. Trong cấu trúc của lối so sánh này, mỗi vế – hình ảnh dùng để so sánh (*người đi câu ngồi trên mỏm đá cao, từ đầu cần câu dài tung xuống biển cái sừng bò hoang dựng mỗi cho cá nhỏ rồi quăng lên bờ những con cá câu được, còn giây đành dạch*) và cái được so sánh (*các bạn đồng hành của tôi bị lôi vào đá cũng giây lên như vậy, và Xi-la ăn thịt họ ở cửa hang, trong khi họ đang kêu gào, hoảng hốt giơ tay về phía tôi cầu cứu*) – ý tưởng ở hai vế đều được phát triển dài ra để nói cho rõ ý người viết; các từ so sánh “như”, “giống như”, ... không bắt buộc phải đặt giữa hai vế.

So sánh trong đoạn (b), (c) (sử thi *Đăm Săn*) là “so sánh chuỗi”, sử dụng từ 2 vế hình ảnh dùng để so sánh trở lên, kèm theo từ so sánh (như), rất hay gặp trong sử thi Tây Nguyên. Đặc biệt, sự độc đáo của so sánh trong đoạn (b) là giữa cái được so sánh và cái dùng để so sánh khác loại rất xa: một bên là vật thể, trực quan được; một bên là âm thanh, cái vô hình, phi vật thể. Trong công thức của phép so sánh: *A như B* (như: từ so sánh; A: cái được so sánh, ví dụ “nhà”; t: thuộc tính so sánh, ví dụ “dài”; B: cái dùng để so sánh, ví dụ: “một hơi chiêng”). A và B càng khác loại thì càng mang lại bất ngờ thẩm mĩ. *Nhà dài như một hơi chiêng* là cách so sánh mà A và B khác xa nhau về “loại”.

Bài tập 5:

Đoạn văn sử dụng dày đặc biện pháp nói quá (phóng đại): “...*Cả một vùng nhào ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng.Ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài giữa bãi thì kêu lên inh ỏi suốt ngày đêm. Các chàng trai đi lại ngực đùng ngực. Các cô gái đi lại vú đùng vú...*”

Biện pháp nói quá trong đoạn văn trên có các tác dụng:

- Tô đậm tính chất trọng đại của chiến thắng, thể hiện sinh động không khí hội hè “ăn đông uống vui”.
- Tôn vinh sự giàu có và sự hùng cường của Đăm Săn.
- Thể hiện sự ngưỡng mộ nồng nhiệt của người kể chuyện đối với người anh hùng Đăm Săn.

8.3. Từ đọc đến viết

GV lưu ý HS: Viết ngắn, trong trường hợp này đồng thời cũng có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập được sản phẩm (đoạn văn) trong một khoảng thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

- *Đọc nhanh* đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. Với bài tập này, có cả yêu cầu về đề tài (viết về cái gì?) và yêu cầu về hình thức, diễn đạt (có đánh dấu phần bị tỉnh lược trong VB hoặc chú thích trích dẫn).
- *Lựa chọn nhanh* đề tài cho đoạn văn ngắn của bản thân (bài tập nêu đề tài: một phẩm chất của người anh hùng sử thi).
- *Viết nhanh bản thảo* đoạn văn đồng thời đọc lại và chỉnh sửa nhanh.

GV nhận xét, đánh giá nhanh và gợi ý hướng chỉnh sửa nhanh cho bài tập của HS.

DAY HỌC PHẢN VIẾT

Lưu ý chung: Việc dạy viết hầu hết các kiểu VB theo chương trình *Ngữ văn* lớp 10 đều phải dựa vào quy trình 4 bước: **1. Chuẩn bị viết; 2. Tìm ý và lập dàn ý; 3. Viết bài; 4. Xem lại và chỉnh sửa.** HS cần được hướng dẫn kĩ lưỡng và thực hành viết theo quy trình thường xuyên thì mới có kĩ năng viết VB thành thạo. Với việc dạy viết VB *Trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống* cũng vậy.

Dưới đây là một số nội dung gợi ý về việc dạy viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

1. DẠY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

Trước khi hướng dẫn HS phân tích kiểu VB và tạo lập VB, GV cần dành thời gian để trao đổi, trang bị cho HS một số tri thức cơ bản về kiểu bài. Tri thức này đã được nêu tóm lược trong SGK (đặt trong box, với sáu điểm yêu cầu đối với kiểu bài).

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

Một số lưu ý về nội dung và cách thực hiện khâu này:

– VB được chọn làm bài viết tham khảo để HS trực quan, phân tích về kiểu bài trong sự đối chiếu với yêu cầu đối với kiểu bài (*Viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội*).

GV lưu ý HS đọc, xem xét và đối chiếu bài viết tham khảo với yêu cầu đối với kiểu bài (gồm sáu điểm) và lần lượt trả lời các câu hỏi. HS cần đọc kĩ VB bài viết tham khảo nhưng không phải là đọc hiểu VB mà đọc để rút ra những thu hoạch cụ thể về cách viết kiểu *VB nghị luận về một vấn đề xã hội*.

– GV dành thời gian để HS đọc, suy nghĩ trả lời các câu hỏi (hướng dẫn phân tích VB). Có thể cho HS thảo luận nhóm và nêu nhận xét về bài viết.

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Giao đề bài

GV giao đề bài (vừa đọc to, vừa ghi lên bảng, có thể yêu cầu một vài HS nhắc lại đề bài).

3.2. Hướng dẫn học sinh thực hành quy trình viết

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu viết VB theo quy trình viết nói chung, viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội nói riêng. SGK đã có các hướng dẫn khá tỉ mỉ về quy trình này.

GV có thể yêu cầu HS tóm tắt các bước dưới dạng bảng (hoặc sơ đồ) để nhắc lại quy trình viết. GV có thể lưu ý thêm một số điểm hạn chế mà HS vẫn vấp phải trong khi thực hiện từng bước trong quy trình.

Bảng tóm tắt các bước trong quy trình viết

Các bước	Công việc
Bước 1.	Chuẩn bị viết
Bước 2.	Tìm ý, lập dàn ý
Bước 3.	Viết bài
Bước 4.	Xem lại và chỉnh sửa

Dưới đây, xin lưu ý một số bước.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Cần phải lưu ý HS: việc xác định đề tài là hoạt động, công việc phải do mỗi HS thực hiện. Dựa vào SGK, GV có thể gọi ra một danh mục “đề tài” để HS cân nhắc lựa chọn (cũng có thể chọn một đề tài khác).

GV lưu ý HS phải tự mình lựa chọn đề tài, nhưng để việc triển khai đề tài thuận lợi nhất, vấn đề được chọn nên là:

- Vấn đề xã hội mà bạn quan tâm, am hiểu, có hứng thú trong việc trình bày.
- Vấn đề thuận lợi cho bạn trong việc thu thập tư liệu, tìm ý để chuẩn bị cho bài viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Để HS có thời gian thu thập tư liệu, tìm ý, lập dàn ý, GV nên giao đề trước khoảng một tuần lễ.

Đến lớp, khi thực hiện bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm ý tưởng đã chuẩn bị ở nhà, chuẩn bị phác thảo dàn ý cho bài viết. Sau đó, GV có thể mời một số HS chia sẻ những ý tưởng hay dàn ý của mình.

GV giúp HS ghi nhớ bố cục dàn ý của VB nghị luận về một vấn đề xã hội. Xác định rõ mỗi phần mở bài, thân bài, kết bài cần phải phải đáp ứng các nội dung gì.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, GV hướng dẫn HS viết (ở nhà) một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài *nghị luận về một vấn đề xã hội*, nhằm đáp ứng YCCĐ. Trên lớp không có nhiều thời gian, chỉ nên yêu cầu HS dựa vào dàn ý vừa lập, viết một đoạn triển khai một ý nào đó. GV và HS có thể nhận xét, chỉnh sửa đoạn văn ấy, nếu có điều kiện.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

GV cần hình thành ở HS ý thức và thói quen xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm. Thường GV nên tập trung hướng dẫn HS tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết dựa vào những gợi ý trong bảng kiểm (SGK); dựa vào bảng kiểm để tự chỉnh sửa về nội dung và các lỗi (nếu cần); dựa vào câu hỏi (SGK) để tự đánh giá bài viết của mình.

DẠY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

Kiểu bài nói – nghe ở đây là *Thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*.

Lưu ý chung: Đề tài nói và nghe ở bài này chính là đề tài mà HS đã viết bài văn. Vì thế, một số bước chuẩn bị bài nói theo quy trình HS hoàn toàn có thể dựa vào bài viết, nhất là các khâu *xác định đề tài, tìm ý, lập dàn ý*. Tuy nhiên, nói và nghe có những yêu cầu riêng, GV cần lưu ý HS đối với từng bước trong quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị nói

Bước này gồm: *Xác định đề tài, đối tượng người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói; Tìm ý và lập dàn ý; Luyện tập*.

Khác với bài viết, bài nói cần *xác định mục đích nói và người nghe, không gian, thời gian nói*. GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong SGK để thực hiện khâu này.

Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

GV lưu ý HS: nói là trình bày giao tiếp trực tiếp với người nghe cụ thể trong không gian, thời gian xác định; vì thế cần chuẩn bị ý tưởng theo yêu cầu của bài nói; nên có thêm một số ý tưởng liên quan đến cách thức trình bày bài nói sao cho hiệu quả. SGK đã đưa ra bốn gợi ý, GV cần hướng dẫn HS áp dụng việc tìm ý tưởng theo các gợi ý này. Đặc biệt lưu ý:

a. Tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe;

b. Sử dụng công cụ hỗ trợ như: bảng tóm tắt các ý chính để khi cần thì chỉ nhìn lướt qua là nhớ; chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng (nếu có điều kiện);

c. Dự kiến trước một số điểm nghi vấn, băn khoăn, thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên, tìm cách trả lời, giải đáp.

Lập dàn ý

GV hướng dẫn HS sử dụng dàn ý của bài viết điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của bài nói như đánh dấu tập trung vào một số ý chính, sau đó nghĩ về cách chuyển những ý này thành nội dung chính của bài nói; sắp xếp và dự kiến thời điểm, cách thức sử dụng công cụ hỗ trợ trong khi trình bày bài nói.

Luyện tập

GV hướng dẫn HS một số cách luyện tập ở nhà. Trước hết là tập phát âm to, rõ ràng; tập điều chỉnh cao độ, nhịp độ, tập biểu cảm.

GV hướng dẫn HS cách chuyển các nội dung trong bài viết thành nội dung của bài nói thông qua lựa chọn những từ ngữ thích hợp của ngôn ngữ nói và quen thuộc với người nghe (tránh dùng ngôn ngữ viết và đọc lại bài viết). Đồng thời lưu ý HS tập thói quen điều chỉnh giọng điệu (cao độ, âm lượng, tốc độ), tập kết hợp giọng điệu với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ... sao cho phù hợp.

Bước 2: Trình bày bài nói

GV hướng dẫn HS sử dụng một số kĩ thuật nói như dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị từ trước, sử dụng những tờ giấy nhỏ để viết; ghi chú ngắn gọn, súc tích nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ, ... phát huy sự hỗ trợ của các phương tiện nghe, nhìn trong khi thực hiện bài nói, nếu có điều kiện; chọn vị trí đứng thuận lợi cho việc giao lưu, tiếp cận khán, thính giả.

GV tập cho HS cách trình bày theo các trình tự linh hoạt. Nhưng khuyến khích trình bày từ khái quát đến cụ thể. Ví dụ: điểm tên các luận điểm trước, sau đó mới trình bày cụ thể từng luận điểm, nhằm giúp người nghe dễ dàng và chủ động hơn trong việc theo dõi phần trình bày của mình.

GV hướng dẫn HS từng bước tương tác với người nghe bằng mắt, bằng câu hỏi và giọng điệu,...

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

SGK hướng dẫn khá kĩ về hai hoạt động này, GV căn cứ vào đó để tổ chức cho HS thực hiện hai hoạt động trao đổi và đánh giá trên cơ sở lần lượt đặt mình vào vai người nói, rồi vai người nghe.

Trong vai trò là người nói: HS biết lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài trình bày; giải thích và làm rõ những điều người nghe chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình.

Trong vai trò là người nghe: HS biết lắng nghe bài trình bày của bạn mình, biết nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý về nội dung, hình thức của bài trình bày của người nói hoặc yêu cầu người nói giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc ý kiến có sự khác biệt.

GV nhắc nhở HS dù ở vai nào cũng phải tôn trọng các ý kiến khác với ý kiến của mình; có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe,...

Đánh giá

GV hướng dẫn HS tập đánh giá theo các tiêu chí cơ bản: *mức độ đáp ứng yêu cầu về nội dung; cách diễn đạt, giọng điệu; cách sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; cách mở đầu, kết thúc bài nói với các biểu hiện cụ thể,...*; tập đánh giá bài nói từ cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe; biết sử dụng bảng kiểm (SGK) để đánh giá bài nói.

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP

GV hướng dẫn HS ôn tập theo sáu câu hỏi, bài tập trong SGK. Dưới đây là một số gợi ý đáp án và cách thức thực hiện.

1. GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập này theo hai bước: (1) tóm tắt nội dung chính; (2) hoàn tất cột thứ hai trong bảng tóm tắt (làm vào vở).

Bảng tóm tắt các nội dung chính của các văn bản

Văn bản	Nội dung chính
1. <i>Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây</i> (trích sử thi <i>Đăm Săn</i>)	
2. <i>Gặp Ka-ríp và Xi-la</i> (trích sử thi <i>Ô-đi-xê</i>)	
3. <i>Đăm Săn đi chinh phục Nữ thần Mặt Trời</i> (trích sử thi <i>Đăm Săn</i>)	

2. GV hướng dẫn HS đối chiếu mục từ *Nhân vật sử thi* (trong phần *Tri thức Ngữ văn*) với hai nhân vật anh hùng trong hai VB để thực hiện yêu cầu của bài tập. Có thể sử dụng mẫu bảng đối chiếu dưới đây:

Đặc điểm nhân vật sử thi	Biểu hiện qua nhân vật Đăm Săn	Biểu hiện qua nhân vật Ô-đi-xê
a. Sở hữu sức mạnh, tài năng, lòng dũng cảm phi thường.	Ví dụ: Sức mạnh và tài múa khiến vượt trội.	Ví dụ: Trí tuệ sáng suốt, khả năng thuyết phục, động viên đồng đội của người chỉ huy.
b. Có đủ ý chí và sức mạnh vượt qua mọi thách thức, hiểm nguy.	Ví dụ: Vượt qua các thử thách; đấu khẩu, đấu võ với Mtao Mxây; khó khăn trong việc triệt hạ Mtao Mxây.	...
c. Lập nên những kì tích, uy danh lẫy lừng.	Ví dụ: kì tích chiến thắng Mtao Mxây, uy danh “vang đến thần núi”.	...

3. GV hướng dẫn HS khảo sát VB *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây* và VB *Gặp Ka-ríp và Xi-la* trong cái nhìn so sánh, đối chiếu để trả lời câu hỏi này. Trước khi HS làm bài, GV nên yêu cầu HS ôn lại khái niệm người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba. Điều quan trọng là HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của việc sử dụng kết hợp lời của người kể chuyện với lời của nhân vật trong mỗi VB.
4. GV hướng dẫn HS ôn lại tri thức về kiểu bài, nhớ lại bố cục, cách trình bày ý kiến (viết và nói) về một vấn đề xã hội trong VB mẫu và bài viết, bài nói của bản thân để trả lời câu hỏi này.
5. GV yêu cầu HS: (1) nhắc lại câu hỏi lớn; (2) vận dụng các trải nghiệm, nội dung suy ngẫm và phản hồi khi đọc hiểu ba VB sử thi để trả lời câu hỏi này.

Gợi ý: Sức sống của một cộng đồng được nuôi dưỡng từ nhiều yếu tố: con người, lãnh địa cư trú, truyền thống văn hoá vật thể và phi vật thể, các quan niệm, luật tục, khát vọng phát triển, chủ nghĩa nhân văn,... tất cả kết tinh ở người anh hùng. Đó không phải là một cá nhân anh hùng mà là hiện thân của cộng đồng, sống mãi trong kí ức của cộng đồng.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Yêu thiên nhiên, sống thân thiện, gần gũi với thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe* nhằm đáp ứng các *yêu cầu cần đạt (YCCĐ)* như sau:

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, thủ pháp trăn trở.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB.
- Nhận biết và sửa chữa các lỗi dùng từ.
- Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ.
- Biết yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm hồn con người.

Các YCCĐ là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của các VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua câu hỏi *Sau khi đọc*.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

2.1. Đặc điểm bài học

- *Về thể loại:*

Hướng dẫn HS đọc hiểu một số VB thuộc thể loại thơ, hình thành các kĩ năng viết, nói và nghe gắn với chủ đề *Giao cảm với thiên nhiên*. Các tri thức mới về văn học

và tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ văn* (gồm *Tri thức đọc hiểu*, *Tri thức tiếng Việt*) nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– **Về cấu trúc bài học:**

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* của bài học được tổ chức trên tinh thần tích hợp, tương hỗ lẫn nhau, được triển khai dựa trên một cụm ngữ liệu (riêng về hoạt động viết, có thêm ngữ liệu là một VB tham khảo để HS trực quan về kiểu bài văn nghị luận về một bài thơ, để HS dễ dàng nhận ra đặc điểm, bố cục, cách viết,...).

Đọc: Cụm ngữ liệu gồm 4 VB, trong đó, VB 1 *Hương Sơn phong cảnh* và VB 2 *Thơ duyên* là những ngữ liệu chủ yếu nhằm thực hiện YCCĐ: “Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình”. VB 3 *Lời má năm xưa* được sử dụng để đọc kết nối chủ điểm. VB 4 *Nắng đã hanh rồi* nhằm hướng dẫn HS đọc mở rộng theo thể loại. VB này được cung cấp như là một gợi ý, có đặc điểm thể loại, nội dung và độ dài tương đương với 2 VB chính của bài học. GV chỉ hướng dẫn cách đọc để HS tự đọc ở nhà và tìm thêm các VB tương đương, tự đọc để đáp ứng yêu cầu đọc mở rộng trong năm học.

Tiếng Việt: Thực hành theo YCCĐ: Nhận biết và sửa chữa được các lỗi dùng từ trong viết và nói.

Viết, nói và nghe: HS bước đầu biết viết VB nghị luận phân tích một bài thơ (bài ca dao, thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt); biết trình bày các luận điểm sáng sửa, rõ ràng; thể hiện năng lực cảm thụ thơ.

2.2. Phân bố số tiết

Bài học *Giao cảm với thiên nhiên* dự kiến được dạy trong thời gian 11 tiết có thể phân chia như sau:

– Đọc: 6 tiết (VB 1: 2 tiết; VB 2: 2 tiết; VB 3 đọc kết nối chủ điểm: 1 tiết; VB 4 đọc mở rộng theo thể loại: 1 tiết).

– Viết: 2,5 tiết (1 tiết hướng dẫn; 1 tiết HS làm bài trên lớp; 0,5 tiết trả bài)

– Tiếng Việt: 1 tiết

– Nói – nghe: 1 tiết

– Ôn tập: 0,5 tiết

Tuy nhiên, GV có thể linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng nội dung và YCCĐ của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

GV cần nghiên cứu, khai thác các kĩ thuật dạy học để thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập của từng phần cụ thể. Về phương thức lên lớp, cần lưu ý:

– Kết hợp diễn giải, dẫn dắt, gợi ý với việc tổ chức cho HS đọc diễn cảm (lưu ý ngắt nhịp), thảo luận, tranh luận.

– Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn về chủ đề, nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ...

3.2. Phương tiện dạy học

GV có thể chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to, hoặc những tranh ảnh sưu tầm khác có liên quan đến bài học.
- Ảnh chân dung tác giả; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, tư liệu liên quan.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHÂN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Bài học yêu cầu đọc hiểu VB thơ, theo đúng các YCCĐ của chương trình. Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB thơ, hướng đến hai YCCĐ: “Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình” và “Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB”.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bổ cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem *Ma trận YCCĐ – câu hỏi, bài tập đọc hiểu* đối với VB, cụm VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Trước khi đọc, Đọc VB, Sau khi đọc* để hình thành các thói quen, các kỹ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi (có thể có thêm các câu hỏi ngoài) để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB.

Cũng cần lưu ý thêm rằng: (1) các câu hỏi trong khi đọc được đặt ra là để HS biết dừng lại ở những điểm cần thiết khi đọc VB, tự trả lời, từ đó mà rèn luyện các kĩ năng đọc (*theo dõi, suy luận, hình dung, dự đoán,...* trong khi đọc VB bằng mắt); (2) trong các câu hỏi ở bước *Sau khi đọc* thường có những câu hỏi định hướng nhận biết thể loại; nhận biết và phân tích các yếu tố hình thức của thể loại.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGŨ VĂN

(Gồm Tri thức đọc hiểu và Tri thức tiếng Việt: Xem hướng dẫn chung ở các bài trước).

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý loạt khái niệm *chủ thể trữ tình, vần, nhịp thơ...* Đặc biệt là khái niệm *nhịp thơ*, không chỉ là nhịp trong nội bộ dòng thơ mà nhịp thơ còn nằm ở vị trí ngắt dòng.

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo lời giới thiệu trong SGK, hoặc tự mình soạn, làm sao để làm rõ nội dung bài học.

3. DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

Trong bài học này, SGK chú trọng rèn luyện vào các kĩ năng *theo dõi, tưởng tượng, suy luận,...*

- Đối với các hình thức câu hỏi, GV giải thích trước, có thể làm thử cho HS quan sát.
- Mời HS đọc một đoạn khác có câu hỏi *Suy luận* và thực hiện theo cách mà GV đã làm một vài lần. Cần chú ý nhận xét cả ở hai phương diện kĩ năng thực hiện và nội dung câu trả lời.
- Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm (hai hoặc ba) về kết quả đọc của các em sau khi hoạt động *Đọc VB* trên lớp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu VB theo nhóm câu hỏi *Sau khi đọc*.

Mục tiêu dạy đọc là giúp HS: a. xác định được chủ đề của VB đọc, phân tích chủ đề trong những biểu hiện cụ thể của tác phẩm; b. nhận biết và phân tích đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức/ thủ pháp nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề.

4. DẠY HỌC VĂN BẢN HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH

4.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh câu hỏi nêu trong SGK phần *Trước khi đọc*.

4.2. Đọc văn bản

GV dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

- GV chọn HS có giọng đọc tốt đọc thị phạm một, hai đoạn trong bài thơ hoặc cả bài thơ.

– GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc, lưu ý HS đọc đúng nhịp thơ và đọc diễn cảm.

– GV yêu cầu HS trả lời một vài câu hỏi trong khi đọc để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box *theo dõi/ tưởng tượng/ suy luận*... như thế nào. Nhận xét góp ý ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB.

4.3. Sau khi đọc

Bảy câu hỏi trong khâu này bám sát các YCCĐ của bài học (SGK). GV dựa vào bảng tổng hợp (ma trận) kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo hệ thống câu hỏi trên.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản *Hương Sơn phong cảnh*

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ[1.a], hình ảnh[1.b], vần, nhịp, đối[1.c], chủ thể trữ tình[1.d]”	[1.a]: câu 2 [1.d]: câu 3, câu 4 [1.c]: câu 6
N2: Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB [2.a]; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB [2.b]	[2.a]: câu 5 [2.b]: câu 7
N3: YCCĐ tổng hợp [3]	[3]: câu 1

GV lưu ý HS: để có câu trả lời đáng tin cậy, các em cần phải xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu trong mục *Tri thức ngữ văn* liên quan đến từng câu hỏi/ nhóm câu hỏi.

Khi tổ chức các hoạt động *Sau khi đọc*, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện theo trình tự câu hỏi, theo cấp độ nhận thức hoặc theo nhóm vấn đề.

Dưới đây là một số gợi ý theo cách thứ nhất.

Câu 1:

Yêu cầu: Xác định bố cục của bài *Hương Sơn phong cảnh* (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Hương Sơn phong cảnh*).

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV xác định bố cục bài thơ dựa vào quy định chung về bố cục một bài hát nói đã giới thiệu trong bài học.

HS: *Hương Sơn phong cảnh* là một bài hát nói đôi khổ, chia thành ba phần:

– Phần 1 (4 câu đầu): Cái nhìn bao quát của chủ thể trữ tình khi đặt chân đến Hương Sơn.

– Phần 2 (câu 5 đến câu 16): Miêu tả cụ thể phong cảnh Hương Sơn theo bước chân chủ thể trữ tình nhập vai trong “khách tang hải”.

– Phần 3 (câu 17 đến hết): Tư tưởng từ bi, bác ái và tình yêu đối với cảnh đẹp đất nước của tác giả.

Câu 2:

Yêu cầu: Nêu một số từ ngữ để khái quát vẻ đẹp của phong cảnh Hương Sơn được gọi tả qua các đoạn thơ (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Hương Sơn phong cảnh*).

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV lưu ý HS suy nghĩ, tìm những từ ngữ khái quát vẻ đẹp của phong cảnh Hương Sơn. HS phải tư duy để tìm ra từ ngữ thích hợp để gọi tên, khái quát vẻ đẹp qua các đoạn thơ. (Ví dụ: “vẻ đẹp thoát tục”, “vẻ đẹp diễm lệ”, “vẻ đẹp diệu kì”, “vẻ đẹp vĩnh hằng”, bất chấp mọi biến đổi của thế giới bên ngoài,...).

HS phân tích nghĩa của từ lựa chọn, lấy minh chứng từ bài thơ.

Câu 3:

Yêu cầu: Xác định chủ thể trữ tình trong bài thơ và cho biết đó là những dạng chủ thể nào (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Hương Sơn phong cảnh*).

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV gợi ý HS xem lại mục từ *Chủ thể trữ tình* trong *Tri thức ngữ văn*.

HS: Chủ thể trữ tình trong bài *Hương Sơn phong cảnh* có hai dạng:

- Chủ thể ẩn: không xuất hiện trực tiếp, người đọc chỉ cảm nhận được có một ai đó (chủ thể) đang quan sát và rung động trước phong cảnh Hương Sơn.
- Chủ thể nhập vai: qua cụm “khách tang hải”.

Hai chủ thể xuất hiện xen kẽ trong bài thơ, có lúc độc lập, có lúc hoà vào nhau.

Chủ thể trữ tình tự nhận mình là “khách tang hải”, ngắm cảnh Hương Sơn bằng cái nhìn và tâm thế của vị “khách” đến từ cõi trần tục. (Gắn với thành ngữ: “Tang điền thương hải”: ruộng dâu biến thành biển xanh, tức là vị khách đến từ cuộc đời biến thiên, thay đổi, thịnh suy khôn lường). Từ cõi trần tục, nhiều phiền lụy, bước vào một thế giới khác hẳn như bước vào cảnh bụt thiêng liêng, thoát tục, nên có cảm xúc mạnh mẽ, nhiệm màu: “khách tang hải giặt mình trong giấc mộng”. Việc nhập vai vào chủ thể “khách tang hải” giúp bộc lộ một cái nhìn tươi mới, cảm xúc ngạc nhiên, sửng sốt, thậm chí choáng ngợp trước vẻ kì thú của Hương Sơn.

Câu 4:

Yêu cầu: Nêu và phân tích những thay đổi, diễn biến cảm xúc của chủ thể trữ tình trong bài thơ.

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV gợi ý HS bám vào bố cục bài thơ để nhận ra diễn biến cảm xúc của chủ thể trữ tình. GV có thể lập bảng để tiện cho việc thiết kế phiếu học tập trong dạy học.

HS trình bày diễn biến cảm xúc của chủ thể trữ tình qua từng phần của bài thơ.

Vị trí	Cảm xúc của chủ thể trữ tình
Khổ đầu: Câu 1 đến câu 4	Thành kính, ngỡ ngàng, xúc động trước vẻ đẹp như nơi cõi Phật của toàn cảnh Hương Sơn.
Khổ giữa: Câu 5 đến câu 16	Chủ thể trữ tình chuyển sang quan sát cụ thể từng chi tiết, cảnh quan phong cảnh Hương Sơn, say mê với vẻ đẹp thanh khiết, trong ngần của thiên nhiên, cũng như sự hoà quyện giữa thiên nhiên và những công trình kiến trúc tài hoa, khéo léo của con người. Cái đẹp ở đây đạt tới độ thánh thiện, thoát tục, khiến “khách tang hải giặt mình...”.
Khổ xếp: Câu 17 đến hết	Chủ thể trữ tình phát biểu trực tiếp cảm xúc : “Càng trông phong cảnh càng yêu!”

Câu 5:

Yêu cầu: Phát biểu cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Cho biết cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ trong bài thơ đã có tác dụng gì trong việc thể hiện cảm hứng ấy. Phân tích một số dẫn chứng để làm rõ ý kiến của bạn.

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV cần tách câu hỏi thành hai nhiệm vụ để hướng dẫn HS lần lượt giải quyết.

1) Với yêu cầu phát biểu cảm hứng chủ đạo của bài thơ:

GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm *cảm hứng chủ đạo* (có thể kèm ví dụ về cảm hứng chủ đạo một tác phẩm đã học); thảo luận và phát biểu cảm hứng chủ đạo của *Hương Sơn phong cảnh*; GV chỉnh sửa, đưa ra đáp án phù hợp nhất.

HS nhắc lại khái niệm; thảo luận nhóm (hai bạn) về cảm hứng chủ đạo của *Hương Sơn phong cảnh*; phát biểu cảm hứng chủ đạo; nhận xét sản phẩm của nhóm bạn; tham khảo đáp án của GV.

Từ ý kiến của HS, GV tổng hợp bổ sung và nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ: *Ngợi ca thiên nhiên đất nước tươi đẹp, qua đó, gửi gắm tình yêu đối với giang sơn hữu tình được tạo hoá ban tặng.*

2) Với yêu cầu phát biểu tác dụng của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong việc thể hiện cảm hứng chủ đạo của bài thơ

GV tách yêu cầu này thành hai bài tập: a) liệt kê nêu tác dụng của các nhóm từ ngữ, hình ảnh; b) liệt kê nêu các tác dụng của biện pháp tu từ.

HS làm việc nhóm theo nhiệm vụ được giao và trình bày nhận xét về sản phẩm.

GV tổng hợp bổ sung đưa ra đáp án tham khảo (bảng tổng hợp tương đối hoàn chỉnh):

Yếu tố	Ví dụ	Tác dụng biểu đạt
Từ ngữ	<i>Đệ nhất động</i>	Mượn từ ngữ của danh nhân, bậc đế vương để bày tỏ tình cảm tôn vinh vị thế đặc biệt của cảnh đẹp Hương Sơn.
Từ ngữ	<i>thú Hương Sơn ao ước..., giật mình trong giấc mộng, ai khéo họa hình...</i>	Trực tiếp thể hiện khao khát mãnh liệt, cảm xúc chân thực, lâng lâng hư thực, “cầu được, ước thấy”,...
Từ ngữ (hình ảnh, âm thanh)	<i>thỏ thẻ, lũng lờ, long lanh, thăm thẳm, gập ghềnh,...</i>	<i>Từ láy tượng thanh, tượng hình:</i> gợi tả đúng những âm thanh, màu sắc, đường nét, điểm lẹ, quyến rũ, mê hoặc của phong cảnh Hương Sơn.
Biện pháp tu từ	<i>non non, nước nước, mây mây này... này... này... này ...</i>	<i>Điệp từ ngữ:</i> thể hiện vẻ đẹp kì vĩ, hài hoà, muôn hình muôn vẻ, muôn màu sắc bày ra trước mắt.
Biện pháp tu từ	<i>Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt,... Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây</i>	<i>So sánh, ẩn dụ:</i> cảnh tượng điểm lẹ, huyền ảo.
Biện pháp tu từ	<i>cá nghe kinh</i>	<i>Nhân hoá:</i> sự vật có linh hồn, sống động, hoà hợp.
Biện pháp tu từ	<i>... hỏi rằng đây có phải?</i>	<i>Câu hỏi tu từ:</i> băng khuâng, mơ màng, hư hư thực thực.

GV hướng dẫn HS đưa ra nhận xét khái quát tác dụng của các từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ. Chẳng hạn:

Việc tận dụng sức gợi tả, gợi cảm của từ ngữ, hình ảnh (từ ngữ trực tiếp bộc lộ cảm xúc, từ láy tượng thanh, tượng hình) nghệ thuật sử dụng một cách đa dạng, nhuần nhị các biện pháp tu từ (điệp từ ngữ, so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, câu hỏi tu từ) đã giúp nhà thơ thể hiện được tình cảm, cảm xúc mãnh liệt thiết tha của chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.

Câu 6:

Yêu cầu: Nhận xét về vai trò của vần và nhịp trong bài thơ.

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV có thể gọi một HS nhắc lại tri thức về vần, nhịp trong thơ. Sau đó sẽ gọi một HS khác thực hành, xác định và nêu vai trò của vần và nhịp trong bài thơ.

– Tri thức về vần, nhịp.

– Vai trò của vần: Tạo nên sự liên kết về mặt âm thanh theo chiều dọc cho bài thơ, vần chân: *nay* (câu 2), *mây mây* (câu 3), *phải* (câu 4), *trái* (câu 5); *kính* (câu 6) *kính* (câu 7)...; *vần lưng*: *mây mây* (câu 3), *đây* (câu 4), *kính* (câu 7), *mình* (câu 8).

GV tổng hợp bổ sung và lưu ý thêm tác dụng của lối gieo vần liền từng cặp câu theo lối hát nói: tạo âm điệu trầm bổng réo rắt, thể hiện cảm xúc thiết tha, bay bổng của chủ thể trữ tình trước cảnh đẹp Hương Sơn.

Vai trò của nhịp: Cách ngắt nhịp trong bài thơ theo thể hát nói khá đa dạng. Sự đan xen câu dài, ngắn; cách ngắt nhịp trong mỗi câu thơ, lúc nhanh, lúc chậm, lúc khoan thai, khi gấp gáp như bước chân du khách thưởng lãm phong cảnh núi rừng tươi đẹp, trữ tình, thoát tục, phù hợp với niềm bay bổng của tâm hồn du khách lúc như tỉnh, lại có lúc như mơ.

Câu 7:

Yêu cầu: Đây là dạng câu hỏi mở, HS trả lời tùy theo trải nghiệm cá nhân.

5. DẠY HỌC VĂN BẢN THƠ DUYÊN

5.1. Trước khi đọc

Thực hiện như VB 1.

5.2. Đọc văn bản

Thực hiện như VB 1.

5.3. Sau khi đọc

Sáu câu hỏi trong khâu này bám sát các YCCĐ của bài học (SGK). GV dựa vào bảng tổng hợp (ma trận) kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo hệ thống câu hỏi.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản Thơ duyên

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ [1.a], hình ảnh[1.b], vần, nhịp, đối[1.c], chủ thể trữ tình[1.d]	[a]: câu 2 [1.b]: câu 2 [1.c]: câu 2 [1.d]: câu 5
N2: Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB [2.a]; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB [2.b]	a): câu 3, câu 4, câu 5 [2.b]: câu 4
N3: YCCĐ tổng hợp [3]	[3]: câu 6

Câu 1:

Yêu cầu: Xác định cách hiểu về từ “duyên” trong nhan đề “Thơ duyên”.

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV nêu vấn đề từ câu hỏi. HS lần lượt trình bày:

– Cách hiểu về từ “duyên”: nghĩa từ “duyên” rất phong phú: chỉ quan hệ vợ chồng, những gặp gỡ trong đời, quan hệ gắn bó tựa như tự nhiên mà có, sự duyên dáng....

– Cách hiểu về từ “duyên” trong *Thơ duyên*:

Bức tranh thu ở đây là sự giao hoà, giao duyên tựa như tự nhiên mà có giữa thiên nhiên với thiên nhiên, con người với thiên nhiên và con người với con người. *Thơ duyên* nói về những duyên tình đẹp để ấy.

Câu 2:

Yêu cầu: Phân tích, so sánh tác dụng của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp,... trong việc gọi tả cảnh sắc thiên nhiên chiều thu ở khổ thứ nhất và khổ thứ tư.

Gợi ý nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV nêu vấn đề từ câu hỏi. HS lần lượt trình bày:

– Tương đồng: Đây là những bức tranh thiên nhiên miêu tả vẻ đẹp phong phú và giàu cảm xúc của mùa thu, thầm kín gợi lên khát khao lứa đôi.

– Khác biệt:

+ Khổ thứ nhất: Bức tranh chiều thu tươi vui, trong ngần, mơ mộng với hình ảnh cặp chim chuyền riu rít nơi vòm me, bầu trời thu xanh trong đang tuôn tràn ánh sáng ngọc qua kẽ lá và khúc giao hoà du dương của đất trời vào thu tựa như tiếng đàn lan toả dịu dàng, sâu lắng trong không gian.

+ Khổ thứ tư: Cảnh chiều thu chuyển sang thời khắc mới: “chiều thưa” với “sương xuống dần”. Các hình ảnh ở đây đều đơn lẻ, cô độc: áng mây, cánh chim... đang vội vã, “phân vân” tìm nơi chốn của mình khi chiều lạnh dần buông.

Câu 3:

Yêu cầu: Trước những sắc thái và thời khắc khác nhau của bức tranh thiên nhiên chiều thu, nhận ra sự thay đổi chuyện “duyên tình” giữa anh và em theo trình tự các khổ thơ.

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV nhắc HS kẻ vào vở bảng hướng dẫn trả lời. HS sẽ lần lượt đọc từng khổ thơ và điền vào các ô tương ứng nội dung câu trả lời.

Khổ thơ	Sắc thái thiên nhiên	Duyên tình “anh” và “em”
Khổ 1	Chiều thu tươi vui, trong sáng, hữu tình, huyền diệu.	Không gian, thời gian khơi gợi duyên tình.

Khổ 2 và 3	Con đường thu nhỏ nhỏ, cây lá lả lơi, yếu điệu trong gió... mời gọi những bước chân đôi lứa.	Em bước “điềm nhiên”, anh đi “lững đững” nhưng “... lòng ta” đã “nghe ý bạn”, “lần đầu rung động nỗi thương yêu”. Nghe tiếng lòng mình, lòng nhau cùng rung động; sự gắn bó mặc nhiên, anh với em đã gắn bó như “một cặp vầng”.
Khổ 4	Chiều thu sương lạnh xuống dần, chòm mây cô đơn, cánh chim cô độc..., đều tìm về nơi chốn của mình. Bước chuyển sự sống, không gian cuối buổi chiều, trước hoàng hôn.	Tâm hồn rung động hoà nhịp với <i>mây biếc/ cò trắng/ cánh chim/ hoa sương/...</i> Xao động tâm hồn, gợi nhắc, thôi thúc kết đôi.
Khổ 5	Mùa thu đến rất nhẹ, “thu lặng”, “thu êm”; không gian chan hoà sắc thu, tình thu. Thu chiều hôm: <i>lặng, êm, ngơ ngẩn</i>	Sự xui khiến đẩy ma lực: “kết duyên”. Trông cảnh chiều thu mà lòng “ngơ ngẩn”, khiến: <i>Lòng anh thôi đã cưới lòng em.</i>

Câu 4:

Yêu cầu: Nhận thấy được vai trò cảm xúc của “anh” / “em” trước thiên nhiên chiều thu trong việc hình thành, phát triển duyên tình gắn bó giữa “anh” và “em”.

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV nêu ngắn gọn yêu cầu của câu hỏi. HS lần lượt trả lời các nội dung:

– “Anh” và “em” đều là những tâm hồn giàu cảm xúc; xao xuyến, rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên chiều thu.

– Chiều thu hữu tình, mọi vật đều có lứa đôi khiến con người cũng mong muốn có đôi có lứa. Khi chiều buông lạnh, những sinh linh cô độc cũng khao khát tìm nơi chốn của mình.

Cảm xúc của anh/em trước thiên nhiên chiều thu đều có vai trò dẫn dắt, kết nối duyên tình gắn bó giữa “anh” và “em”.

Câu 5:

Yêu cầu: Xác định chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV nhắc lại nội dung câu hỏi. HS lần lượt trả lời hai nội dung:

– Chủ thể trữ tình trong bài *Thơ duyên* xuất hiện ở hai dạng: chủ thể ẩn và chủ thể có danh xưng rõ ràng (anh).

– Cảm hứng chủ đạo: Niềm mộng mơ của chủ thể trữ tình trước cảnh trời đất vào thu. Trời đất xe duyên, vạn vật hữu duyên khiến duyên tình của “anh” và “em” tất yếu gắn bó, vô tình mà hữu ý.

Câu 6:

Yêu cầu: Chỉ ra nét độc đáo trong cách cảm nhận và miêu tả thiên nhiên mùa thu của Xuân Diệu qua *Thơ duyên* (có thể so sánh với một vài bài thơ khác để làm rõ nét độc đáo ấy).

Gợi ý về nội dung trả lời và cách thực hiện:

GV hướng dẫn HS quan sát các câu thơ có miêu tả hình ảnh thiên nhiên. HS phân tích cụ thể một vài hình ảnh thiên nhiên mà mình có ấn tượng nhất, từ đó, nêu lên nét độc đáo của Xuân Diệu khi miêu tả thiên nhiên. Có thể lấy một vài câu thơ tiêu biểu như:

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu

Lả lả cành hoang nắng trở chiều

...

Mây biếc về đâu bay gấp gấp

Con cò trên ruộng cánh phân vân.

Xuân Diệu có biệt tài sử dụng từ láy. HS phân tích sức gợi cảm và hiệu quả tạo hình của các từ láy trong bốn dòng thơ trên.

Có thể so sánh với cách miêu tả mùa thu trong bài *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư hoặc bài *Sang thu* của Hữu Thỉnh để khẳng định nét độc đáo của Xuân Diệu.

6. DẠY HỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM LỜI MÁ NẮM XƯA

Lưu ý chung: Đây là VB được sử dụng theo yêu cầu đọc kết nối chủ điểm *Giao cảm với thiên nhiên*. GV hướng dẫn HS khai thác các nội dung kết nối chủ điểm.

Một số gợi ý về đáp án và cách thức thực hiện:

Câu 1:

GV hướng dẫn HS đọc VB, tìm những từ ngữ, câu văn thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi kể câu chuyện cũ về chim thẳng chài. Sau đó khái quát nội dung của VB. HS:

– Liệt kê một số từ ngữ, câu văn thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của nhân vật “tôi”: “tôi hối hận và bối rối”; “tần ngần”; “hối hận và bối rối”.

– Nêu nội dung bao quát của VB: Nỗi ân hận của nhân vật xưng “tôi” khi kể lại câu chuyện 70 năm trước đã bắt bị thương một con chim thẳng chài.

Câu 2:

GV nêu vấn đề hỏi: *Ai là người thực sự cứu sống chim thẳng chài? Tình tiết nào trong câu chuyện giúp bạn biết về điều đó?*

HS thảo luận và nêu câu trả lời.

Câu 3:

GV dẫn dắt cho HS thấy mục đích, ý nghĩa của câu được lặp đi lặp lại trong VB nói chung. Từ đó hỏi về sự cần thiết của câu “Sao con cướp đi sự sống của nó. Rồi, ai sẽ cướp sự sống của con”, được lặp lại hai lần trong VB *Lời má năm xưa*.

HS nêu câu trả lời theo chính kiến của riêng mình.

Câu 4:

GV gọi một vài ý liên quan để HS trình bày suy nghĩ về sự sống trong mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, loài vật.

HS đưa ra câu trả lời theo suy nghĩ cá nhân, đảm bảo ý cơ bản: con người và thiên nhiên đều có quyền được sống, quyền bảo vệ sự sinh tồn của chính mình. Con người không thể tự cho mình quyền tước đoạt sự sống của thiên nhiên, loài vật.

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI NẮNG ĐÃ HẠNH RỒI

Lưu ý chung: Đây là VB giúp HS tự đọc VB tương đương về thể loại thơ,... SGK đã đưa ra một số câu hỏi định hướng giúp HS thực hiện các bước đọc VB mở rộng theo thể loại này. Căn cứ vào VB, GV dành khoảng 30 phút để HS đọc và tự trả lời các câu hỏi.

8. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Tri thức tiếng Việt

GV dành khoảng 15 – 20 phút để hướng dẫn HS tìm hiểu mục *Tri thức Ngữ văn* với nội dung: *lỗi dùng từ và cách sửa*. Sau đó, tổ chức cho HS thực hành.

8.2. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Lưu ý chung: Trong phần *Tri thức Ngữ văn* đã đưa ra một số dạng lỗi khi dùng từ. Ở phần *Thực hành tiếng Việt* sẽ là các bài tập tương ứng. GV hướng dẫn HS đối chiếu với phần lí thuyết, xác định dạng lỗi để giải quyết từng trường hợp cụ thể.

Gợi ý về cách thực hiện các bài tập:

Bài tập 1:

GV yêu cầu HS xác định loại lỗi dùng từ trong từng câu, sau đó đề xuất cách sửa:

Câu a: Lỗi dùng từ không đúng với hình thức ngữ âm. Cách sửa: Thay từ “chín mùi” bằng “chín mươi”.

Câu b: Lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp. Từ “giấu giếm” không thể kết hợp với quan hệ từ “với”. Cách sửa: Bỏ từ “với”.

Câu c: Lỗi dùng từ không đúng với hình thức ngữ âm. Cách sửa: Thay từ “thăm quan” bằng “tham quan”.

Câu d: Lỗi dùng từ không đúng nghĩa và lỗi lặp từ. “Bất tử” với nghĩa “không bao giờ chết, còn sống mãi trong trí nhớ, tình cảm người đời” không dùng cho “những bài hát”. Trong trường hợp này, từ phù hợp để miêu tả “những bài hát” là

từ “bất hủ” (không bao giờ mất, mãi mãi có giá trị). Tuy nhiên, nếu dùng “bất hủ” thay cho “bất tử” thì câu cũng vẫn mắc lỗi lặp từ (bất hủ = còn lại mãi với thời gian). Cách sửa: Bỏ từ “bất tử” (*Những bài hát ấy sẽ còn lại mãi với thời gian*).

Câu đ: Lỗi lặp từ. Cách sửa: Cần thay cụm từ bài “*Thơ duyên*” của Xuân Diệu bằng cụm từ tương đương khác (*bài thơ này, tác phẩm này*).

Câu e: Lỗi dùng từ không phù hợp với kiểu VB. Cách sửa: *Kính mong Ban Giám hiệu xem xét và giải quyết vấn đề này giúp tôi.*

Bài tập 2:

Giáo viên sử dụng phiếu học tập để thực hiện dạng bài tập này, yêu cầu HS nối các từ ngữ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B. Với những từ HS không biết nghĩa, GV khuyến khích các em tra từ điển để HS có thể mở rộng vốn từ. GV cũng có thể kiểm tra HS có thực sự nắm được nghĩa của từ hay không bằng cách yêu cầu HS đặt câu có sử dụng từ đó.

Bài tập 3:

Đối với bài tập này, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm và điền câu trả lời vào phiếu học tập. GV yêu cầu HS đặt câu với các từ trong mỗi trường hợp (a, b, c) để thấy rõ sự khác biệt về ý nghĩa giữa chúng. Sau khi HS đặt câu xong, GV yêu cầu HS phân tích sự khác nhau giữa các từ trong mỗi trường hợp. GV nhận xét bài làm của HS.

8.3. Từ đọc đến viết

GV lưu ý HS:

– Viết ngắn, trong trường hợp này đồng thời cũng có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập được sản phẩm (đoạn văn) trong một khoảng thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

– *Đọc nhanh* đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. Với bài tập này, kết hợp cả hai yêu cầu nội dung và hình thức diễn đạt, chú trọng phương diện lựa chọn từ ngữ (sử dụng các từ ngữ gợi cảm thể hiện niềm vui giao cảm với thiên nhiên của con người).

– *Viết nhanh* bản thảo đoạn văn đồng thời, đọc lại và chỉnh sửa nhanh.

GV nhận xét, đánh giá nhanh và gợi ý hướng chỉnh sửa cho bài tập của HS.

DAY HỌC PHẦN VIẾT

Một số gợi ý về việc dạy viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ.

1. DẠY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

Tri thức này đã được nêu tóm lược trong SGK, đặt trong box, với sáu điểm yêu cầu đối với kiểu bài. GV cần giới thiệu trước khi đi vào hướng dẫn HS phân tích kiểu VB.

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

Một số lưu ý về nội dung và cách thực hiện khâu này:

- Bài văn được chọn làm ngữ liệu tham khảo để phân tích về kiểu bài *nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ* chỉ là phân tích hình ảnh thơ. Trước khi hướng dẫn HS phân tích, GV cần lưu ý HS đọc kĩ VB bài viết lẫn các thông tin chỉ dẫn kèm theo.
- GV yêu cầu HS đọc, suy nghĩ trả lời các câu hỏi (hướng dẫn phân tích VB ngữ liệu tham khảo), nhằm giúp các em tự nhận biết và học hỏi cách người viết thực hiện các yêu cầu cụ thể của bài nghị luận phân tích, đánh giá bài thơ.

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Giao đề bài

GV giao đề bài trong SGK.

3.2. Hướng dẫn thực hành quy trình viết

SGK đã có các hướng dẫn khá tỉ mỉ về quy trình viết VB *nghị luận phân tích, đánh giá một bài thơ*.

GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình viết.

Dưới đây, xin lưu ý một số bước.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Dựa vào SGK, GV có thể đưa ra một số bài thơ (bài ca dao hoặc bài thơ tứ tuyệt, thất ngôn bát cú) để HS cân nhắc lựa chọn.

GV lưu ý HS nên tự mình lựa chọn VB, nhưng để việc triển khai bài viết thuận lợi nhất, VB được chọn phải đạt được mấy yêu cầu sau:

- Những bài ca dao hoặc những bài thơ tứ tuyệt, thất ngôn bát cú hay, được nhiều người biết, ưa thích.
- Những bài thơ HS dễ dàng thu thập tài liệu tham khảo.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Để HS có thời gian thu thập tư liệu, tìm ý, lập dàn ý, GV nên giao đề trước khoảng một tuần lễ.

Đến lớp, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả đã chuẩn bị ở nhà, phác thảo dàn ý cho bài viết. GV có thể mời một số HS chia sẻ dàn ý của mình.

GV giúp HS ghi nhớ bố cục dàn ý của VB nghị luận, xác định rõ phần mở bài, thân bài, kết bài cần phải đáp ứng các nội dung gì.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, GV hướng dẫn HS viết (ở nhà) một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài *phân tích, đánh giá một bài thơ*, nhằm đáp ứng YCCĐ.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

GV hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm để thực hiện (SGK).

DẠY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

Đề tài nói – nghe ở đây là *Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ*.

Lưu ý chung: Đề tài nói – nghe ở bài này tương tự đề tài mà HS đã viết bài văn. Vì thế, một số bước chuẩn bị bài nói theo quy trình, HS hoàn toàn có thể dựa vào bài viết, nhất là các khâu *chọn bài thơ và tìm ý, lập dàn ý*. Tuy nhiên, nói và nghe có những yêu cầu riêng, GV cần lưu ý HS đối với từng bước trong quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị nói

GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong SGK để thực hiện khâu này.

Bước 2: Trình bày bài nói (tham khảo bài 1)

SGK đã đưa ra gợi ý, GV cần hướng dẫn HS áp dụng.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá (tham khảo bài 1)

Trao đổi

SGK hướng dẫn khá kĩ về hai hoạt động này, GV căn cứ vào đó để tổ chức cho HS thực hiện hoạt động trao đổi và đánh giá trong hai vai trò.

Trong vai trò là người nói: HS biết lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài trình bày; giải thích và làm rõ những điều người nghe chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình.

Trong vai trò là người nghe: HS biết lắng nghe bài trình bày của bạn mình, biết nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý về nội dung, hình thức của bài trình bày của người nói hoặc yêu cầu người nói giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc ý kiến có sự khác biệt.

GV nhắc nhở HS dù ở vai nào cũng phải tôn trọng các ý kiến khác với ý kiến của mình; có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe,...

Đánh giá

GV hướng dẫn HS tập đánh giá theo các tiêu chí cơ bản: *mức độ đáp ứng yêu cầu về nội dung; cách diễn đạt, giọng điệu; cách sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ; cách mở đầu, kết thúc bài nói với các biểu hiện cụ thể,...*; tập đánh giá bài nói từ cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe; biết sử dụng bảng kiểm (SGK) để đánh giá bài nói.

ÔN TẬP

GV hướng dẫn HS ôn tập theo năm câu hỏi trong SGK. Dưới đây là một số gợi ý đáp án và cách thức thực hiện.

Bài tập 1:

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập theo hai bước và điền thông tin vào hai cột: (làm vào vở).

Văn bản	Chủ đề	Hình thức nghệ thuật đặc sắc
<i>Hương Sơn phong cảnh</i>		
<i>Thơ duyên</i>		
<i>Lời má năm xưa</i>		
<i>Nắng đã hanh rồi</i>		

Bài tập 2:

GV hướng dẫn HS xác định dạng thức chủ thể trữ tình trong mỗi bài thơ này.

Bước 1: Cho HS nhắc lại các dạng chủ thể trữ tình trong phần *Tri thức ngữ văn*.

Bước 2: Lần lượt cho 4 HS xác định dạng thức chủ thể trữ tình trong 4 VB. GV lưu ý: có VB đã xác định dạng chủ thể trữ tình trong quá trình trả lời câu hỏi phần *Sau khi đọc* (VB 1 và VB 2); có VB chưa được xác định chủ thể trữ tình (VB 3 và VB 4). Do đó, GV cần có dẫn dắt, gợi ý phù hợp.

- *Hương Sơn phong cảnh*: chủ thể ẩn và chủ thể nhập vai “khách tang hải”.
- *Thơ duyên*: chủ thể ẩn và chủ thể có danh xưng rõ ràng.
- *Lời má năm xưa*: chủ thể có danh xưng rõ ràng.
- *Nắng đã hanh rồi*: chủ thể có danh xưng rõ ràng.

Bài tập 3:

GV hướng dẫn HS khái quát một vài điểm cần lưu ý trong cách đọc hiểu một VB thơ trữ tình, sau khi đã đọc hiểu các VB trong bài học. Những khái quát hướng tới hai phương diện: nội dung và hình thức nghệ thuật. Kết hợp với nội dung trong YCCĐ, GV giúp HS tổng hợp lại các phương diện cụ thể của nội dung và hình thức nghệ thuật của thơ trữ tình.

Bài tập 4:

– GV hướng dẫn HS lưu ý một vài điểm khi phân tích một bài thơ trữ tình: ngoài phân tích nội dung, đặc biệt lưu ý đến việc khai thác từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối. Làm rõ các hình thức nghệ thuật có tác dụng gì trong việc biểu đạt nội dung, luôn có sự kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng khi phân tích.

– Khi giới thiệu, đánh giá chủ đề, nghệ thuật một tác phẩm văn học cần nắm vững nội dung của tác phẩm, xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo và những biện pháp nghệ thuật đặc sắc.

Bài tập 5: GV yêu cầu HS tự viết một bài văn khoảng 300 chữ. Lưu ý lựa chọn những VB thơ hay, sát với yêu cầu, làm rõ tình cảm với thiên nhiên trong bài thơ.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Trân trọng giữ gìn, phát huy các di sản văn hoá của quê hương, đất nước.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về đọc, viết, nói và nghe nhằm đáp ứng các *yêu cầu cần đạt* (YCCĐ) như sau:

– Nhận biết được một số dạng VB thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào VB.

– Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được mục đích của người viết.

– Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung VB một cách sinh động, hiệu quả; phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin; nêu được ý nghĩa hay tác động của VB thông tin đã đọc đối với bản thân.

– Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, chú thích và các phương tiện hỗ trợ phù hợp; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

– Biết thuyết trình kết quả nghiên cứu có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

– Trân trọng giữ gìn, phát huy các di sản văn hoá của quê hương, đất nước.

Các YCCĐ là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của các VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề

kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua câu hỏi *Sau khi đọc*.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

2.1. Đặc điểm bài học

– *Về thể loại:*

Trong bài học này, HS được hướng dẫn đọc hiểu một số VB thông tin thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào VB, chủ điểm *Những di sản văn hoá*.

Các tri thức mới về văn học và tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ văn* (gồm *Tri thức đọc hiểu*, *Tri thức tiếng Việt*) nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– *Về cấu trúc bài học:*

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* được tổ chức thực hiện trên tinh thần tích hợp, tương hỗ qua lại lẫn nhau, và về cơ bản, được triển khai dựa trên một cụm ngữ liệu đọc VB thông tin và một VB mẫu về kiểu bài *báo cáo kết quả nghiên cứu*.

Đọc: HS đọc hiểu một cụm ngữ liệu VB thông tin, gồm:

- VB 1: *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*.
- VB 2: *Những bản tin* (gồm 2 bản tin: [1] *Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật* và [2] *Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*).
- VB 3: *Lí ngựa ô ở hai vùng đất* (thơ Phạm Ngọc Cảnh).
- VB 4: *Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây*.

Trong đó, VB 1 và VB 2 là ngữ liệu chính để thực hiện các YCCĐ đọc hiểu VB thông tin tổng hợp; VB 3 tô đậm thêm chủ điểm *Những di sản văn hoá*. VB 4 định hướng và cụ thể hoá cách thực hiện YCCĐ đọc VB có thể loại và độ dài tương đương với các VB thông tin tổng hợp đã học (VB 1 và VB 2).

Tiếng Việt: Thực hành theo YCCĐ: Giúp HS nhận biết và sửa lỗi về liên kết đoạn văn và VB.

Viết, nói và nghe: HS bước đầu biết viết một VB báo cáo kết quả nghiên cứu.

2.2. Phân bố số tiết

Bài học *Những di sản văn hoá* dự kiến được dạy trong thời gian 9 tiết, GV tùy tình hình cụ thể để điều chỉnh thời lượng cho từng nội dung bài học. Tuy nhiên, có thể phân chia như sau:

– Đọc: 4,5 tiết (VB 1: 2 tiết; VB 2: 1,5 tiết; VB 3 đọc kết nối chủ điểm và VB 4 đọc mở rộng theo thể loại: 1 tiết).

- Viết: 2 tiết.
- Tiếng Việt: 1 tiết.
- Nói – nghe: 1 tiết.
- Ôn tập: 0,5 tiết.

Việc phân bổ thời gian cho hoạt động rèn luyện từng kĩ năng được xác định ở mục *Số tiết và phân bố số tiết*. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng sư phạm sau:

- Với dạy *Đọc*: Việc dạy các VB đọc chính (với 3,5 tiết), phải thực hiện triệt để các YCCĐ về đọc. VB đọc kết nối chủ điểm (0,5 tiết) và VB đọc mở rộng theo thể loại (0,5 tiết), chủ yếu là hướng dẫn để HS tự đọc hiểu ở nhà.
- Với *Thực hành tiếng Việt*: tinh thần chung là tập trung hướng dẫn HS thực hành (thực hành theo YCCĐ và thực hành tổng hợp).
- Với các hoạt động *Viết, Nói và nghe*: GV hướng dẫn HS nắm vững tri thức kiểu bài, đọc VB mẫu và tập trung cho HS thực hành qua hướng dẫn quy trình viết (báo cáo kết quả nghiên cứu); chuẩn bị bài nói và trình bày ý kiến. Tất cả đều phải bám sát các YCCĐ đối với các hoạt động này.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

Về phương pháp và kĩ thuật dạy học trên lớp, cần lưu ý:

- Kết hợp diễn giải ngắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, đàm thoại gợi mở, trình bày ý kiến.
- Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn,...

3.2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, ngoài SGK, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Một số tranh ảnh có trong SGK như một vài bức tranh Đông Hồ, nhà hát Trần Hữu Trang, phòng truyền thống của nhà hát này; tranh tượng Thánh Gióng phóng to; tranh tượng Nguyễn Du, ảnh bìa *Truyện Kiều* dịch sang tiếng Nhật, tiếng Pháp,...; biểu đồ, sơ đồ minh họa bài viết báo cáo các kết quả nghiên cứu.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, tư liệu liên quan; giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập (nhất là ở khâu *Trước khi đọc, Sau khi đọc*).
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS,...

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHẦN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Đọc ở đây là đọc hiểu VB thuộc thể loại VB thông tin tổng hợp có lồng ghép các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận,... nhằm thực hiện các YCCĐ mà chương trình đã xác định.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc, ngoài những nguyên tắc đã nêu ở các bài học trước, cần lưu ý đến việc phân bố thời gian và khối lượng công việc, YCCĐ mà HS phải hoàn thành trong bài học.

Ở bài học này, thời lượng dành cho đọc khoảng 5 tiết (kể cả 1 tiết đọc kết nối chủ điểm và đọc mở rộng theo thể loại) để giúp HS đáp ứng sáu YCCĐ. Trong đó, trọng tâm là: “Nhận biết được một số dạng VB thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào VB”. Tuy nhiên, vẫn phải hướng dẫn HS đáp ứng được năm YCCĐ khác mà chương trình quy định cho bài học.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGỮ VĂN

(Xem hướng dẫn chung ở các bài trước)

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý thêm:

Về kiến thức, khái niệm, bài học này có sáu mục từ, thuộc tri thức văn học và ba mục từ thuộc tri thức tiếng Việt. Đó là các tri thức công cụ mà HS phải hiểu và nắm vững mới mong thực hiện được các nhiệm vụ học tập trong đọc hiểu VB, thực hành tiếng Việt cũng như viết, nói và nghe. Lưu ý rằng, HS thông qua thực hành, vận dụng kiến thức mới có thể nắm được kiến thức và kỹ năng (tức là phải có sự kết hợp giữa hoạt động để hiểu khái niệm với hoạt động sử dụng khái niệm: khi cần dùng các khái niệm để giải quyết các câu hỏi *Sau khi đọc*, nên yêu cầu HS quay lại kiểm tra cách hiểu về khái niệm).

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo lời giới thiệu trong SGK. Tuy nhiên, việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn linh hoạt, nêu được câu hỏi lớn: “Bảo tồn các di sản văn hoá như thế nào?”.

3. DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

Trong bài học này, SGK chú trọng vào các kỹ năng theo dõi, đọc lướt,... GV nên tập trung cho HS rèn luyện các kỹ năng này. Nếu là kỹ năng đã được luyện tập ở bài trước đến bài này cần được củng cố thêm.

Về cách thức thực hiện: *xem hướng dẫn ở các bài trước*.

4. DẠY ĐỌC VĂN BẢN TRANH ĐÔNG HỒ – NÉT TINH HOA CỦA VĂN HOÁ DÂN GIAN VIỆT NAM

Lưu ý chung: Đây là VB kết hợp phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (chủ yếu là hình ảnh), GV lưu ý HS có ý thức đối chiếu sự tương tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa hai phương thức này. Mặt khác, GV cần dựa vào các câu hỏi trong SGK để tổ chức các hoạt động đọc hiểu trên lớp.

4.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh hai câu hỏi nêu trong SGK.

4.2. Đọc văn bản

GV dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

- GV hoặc HS có giọng đọc tốt đọc thị phạm một vài đoạn ngắn hay hoặc khó.
- GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc. HS đọc bằng mắt, thực hiện một số kĩ năng đọc như *đọc lướt, theo dõi,...*

4.3. Sau khi đọc

4.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Trong quy trình đọc hiểu, việc tổ chức các hoạt động *Sau khi đọc* rất quan trọng, cần xem như là cơ hội, là điều kiện để GV và HS trực tiếp thực hiện mục tiêu dạy – học đọc của bài học (thông qua thực hiện các YCCĐ). Đây cũng là khâu mà GV cần tập trung đầu tư nhiều nhất cho nội dung dạy đọc, cho dù VB đọc thuộc thể loại nào. GV cần phải kiểm soát tốt (về lượng lẫn về chất) việc giải quyết hệ thống YCCĐ vốn đã được cài đặt vào hệ thống câu hỏi đọc hiểu *Sau khi đọc*.

Bảng tổng hợp (ma trận) dưới đây là một công cụ có thể hỗ trợ GV điều phối, kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo tinh thần nêu trên.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết được một số dạng VB thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận [1a]; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào VB [1b].”	[1.a]: câu 2 [1.b]: câu 2
N2: “Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB [2].”	[2]: câu 1, 3
N3: “Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả [3a]; nhận biết được mục đích của người viết [3b].”	[3a]: câu 4 [3b]: câu 4

N4: “Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung VB một cách sinh động, hiệu quả [5].”	[5]: câu 5
N5: “Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB thông tin đã đọc đối với bản thân [6].”	[6]: câu 6

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và cách thức tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi *Sau khi đọc*.

4.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

Câu 1:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

- GV nhắc HS bám sát VB để trả lời câu hỏi này.
- HS thực hiện yêu cầu nhận biết một số chi tiết trong VB bằng cách liệt kê: “các công đoạn chính trong quá trình chế tác một bức tranh Đông Hồ”. Điều này đã được thuyết minh rất rõ trong VB.

Câu 2:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu hỏi có ba yêu cầu cụ thể: 1) xác định đề tài của VB; 2) nhận biết yếu tố (miêu tả, tự sự, biểu cảm); 3) chỉ ra mục đích của việc sử dụng kết hợp các yếu tố đó.

– Việc xác định đề tài của VB không nên áp đặt. *Lưu ý:* (1) trước khi HS xác định đề tài nên bắt đầu từ cách hiểu “đề tài”; (2) nên khuyến khích những cách diễn đạt khái quát tương tự về đề tài. Ví dụ: giá trị văn hoá của tranh Đông Hồ, về tranh Đông Hồ, về nghệ thuật tranh dân gian Đông Hồ/ Việt Nam.

– Trong VB có khá nhiều đoạn mục có lồng ghép yếu tố miêu tả, hoặc miêu tả kết hợp với biểu cảm. GV giải thích, minh hoạ để HS nhận biết các yếu tố này trước khi khảo sát VB để đưa ra câu trả lời.

Về tác dụng của việc lồng ghép, GV có thể nêu câu hỏi gợi dẫn phân tích theo lối giả thiết từ một trường hợp cụ thể để hỗ trợ HS thực hiện yêu cầu này. Chẳng hạn, GV nêu câu hỏi gợi dẫn:

Với đoạn văn sau, nếu người viết không thuật lại trình tự thao tác, không miêu tả thì người đọc có hình dung rõ được quá trình in tranh không? (Trích đoạn văn từ Khi in, người làm tranh [...] đến Tranh bao nhiêu màu, in bấy nhiêu lần.)

Câu 3:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Cho HS đọc lướt qua các mục 1, 2, 3 trong VB để suy nghĩ, thảo luận và nêu đáp án.

Đáp án: Thông tin trong mục 1, 2 và 3 (1. *Đề tài dân dã, hình tượng sinh động, ngộ nghĩnh*; 2. *Sắc màu bình dị, ấm áp*; 3. *Chế tác khéo léo, công phu*) bổ sung cho nhau, mỗi mục cho thấy một nét “tinh hoa”, cả ba mục góp phần làm rõ giá trị văn hoá của tranh Đông Hồ.

Câu 4:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV yêu cầu HS “nhận xét về cách đặt nhan đề, sử dụng sa-pô, sắp xếp đề mục trong VB”. Cần tôn trọng, khích lệ các nhận xét khác nhau của HS. Các nhận xét cần xoay quanh:

- Nhan đề (ví dụ: nhan đề hơi dài nhưng phù hợp với nội dung thuyết minh trong VB: cách sử dụng dấu gạch ngang khá thú vị,...).
- Cách sắp xếp đề mục (Ví dụ: hợp lí/ chưa thật hợp lí, vì...).
- Cách dùng sa-pô (Ví dụ: chỉ ba câu nhưng khái quát, gây chú ý và có tác dụng định hướng cho người đọc khi đọc VB;...).

Câu 5:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV có thể hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi này theo hai bước:

- Chỉ ra yếu tố của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh) được sử dụng trong VB.
- Nhận xét về tác dụng của sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ với phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Để HS nêu được nhận xét thoả đáng, GV có thể sử dụng câu hỏi gợi dẫn theo lối giả thiết. Ví dụ, hỏi: “Nếu không có ảnh trong hình 3 thì bạn có biết chắc vì sao gọi là “giấy điệp”? hoặc: “Nếu không có các ảnh minh hoạ ở hình 4a, 4b hỗ trợ cho mục “3. Chế tác khéo léo, công phu” thì bạn có hình dung được bản khắc gỗ và bức tranh Đông Hồ sau khi in khác nhau thế nào không?”.

Câu 6:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV khích lệ HS phát biểu ý kiến riêng gắn với nhận thức, trải nghiệm, suy nghĩ của mỗi HS đối với không chỉ tranh Đông Hồ mà còn đối với các *tinh hoa của văn hoá* khác ở địa phương và trên đất nước Việt Nam. Đây là dạng câu hỏi liên hệ, vận dụng. Cần khuyến khích HS phát biểu từ quan sát, trải nghiệm thực tế.

5. DẠY ĐỌC VĂN BẢN BẢN TIN

5.1. Chuẩn bị đọc

GV nhắc HS xem lại một số mục từ liên quan trong *Tri thức Ngữ văn* như: *tin, bản tin, cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin,...* Đồng thời chuẩn bị tâm thế đọc hiểu VB bằng việc suy nghĩ, trả lời nhanh câu hỏi ở mục *Trước khi đọc* (“Tin tức cần cho cuộc sống và công việc của mọi người như thế nào? Một bản tin khác với một VB thuyết minh như thế nào?”).

5.2. Đọc văn bản

Thực hiện như với VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*; lưu ý cho HS rèn luyện các kĩ năng Theo dõi bằng cách đối chiếu lời văn và tranh ảnh minh hoạ trong mỗi bản tin [1] và [2].

5.3. Sau khi đọc

5.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

GV bám sát ma trận YCCĐ và câu hỏi để tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời các câu hỏi, bài tập ở mục *Sau khi đọc*. Để bao quát được các YCCĐ, GV cần bám sát ma trận dưới đây.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản Bản tin

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết được một số dạng VB thông tin tổng hợp: thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận [1a]; giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào VB [1b]”	[1.a], [1.b]: câu 1
N2: “Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của VB [2]”	[2]: câu 2, 4
N3: “Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả [3a]; nhận biết được mục đích của người viết [3b]”	[3a]: câu 3 [3b]: câu 3

N4: “Phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin [4].”	[5]: câu 5
N5: “Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung VB một cách sinh động, hiệu quả [5].”	[5]: câu 1
N6: “Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB thông tin đã đọc đối với bản thân [6].”	[6]: câu 6

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và cách thức tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi *Sau khi đọc*.

5.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

Câu 1:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi đọc hiểu, bài tập VB bản tin)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– HS dựa vào tri thức đọc hiểu để nhận ra VB trong bài là VB thông tin, cụ thể là VB thuộc dạng bản tin.

– Một số dấu hiệu có thể giúp nhận biết bản tin: sự ngắn gọn, tính thời sự thể hiện qua cách tổ chức VB với *số đoạn, nhan đề, đề mục, trích dẫn, sự kết hợp phương tiện giao tiếp ngôn ngữ/ phi ngôn ngữ,...*

Câu 2:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB bản tin)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV hướng dẫn HS xác định các thông tin cần thiết từ hai bản tin (về việc *Truyện Kiều* được dịch sang tiếng Nhật và sự kiện Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống) và điền vào các ô trong mẫu bảng đã cho (làm vào vở).

Đáp án, cần cụ thể, chi tiết. Ví dụ:

Nội dung mô tả, nhận xét	Bản tin [1]	Bản tin [2]
<i>Số đoạn</i>	1	3
<i>Nhan đề</i>	<i>Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống</i>	<i>Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật</i>

Đề mục	3	0
Trích dẫn	0	0
Số liệu		100 vị khách
Phương tiện ngôn ngữ/ phi ngôn ngữ	02 ảnh minh hoạ	02 ảnh minh hoạ

Câu 3:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB bản tin)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý HS cách suy luận để xác định mục đích đưa tin của người viết theo gợi ý:

1) Mục đích chung của VB thông tin trong đó có bản tin là gì?

2) Mục đích cụ thể của bản tin 1: *Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống* là gì?

3) Mục đích cụ thể của bản tin 2: *Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật* là gì?

Thông thường mục đích việc đưa tin của người viết có thể được xác định trên hai loại mục đích: a. Truyền tải thông tin có tính thời sự đến với người đọc VB; b. Thể hiện tình cảm thái độ (tôn vinh, khẳng định hoặc phê phán, định hướng dư luận,...) của người viết.

Cả hai bản tin đều thực hiện kết hợp mục đích truyền tải thông tin với việc đồng tình trước sự kiện văn hoá, tôn vinh nhân vật văn hoá và di sản văn hoá.

Câu 4:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB bản tin).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV hướng dẫn HS xác định nội dung cốt lõi và điền các loại thông tin vào bảng (làm vào vở).

Đáp án có thể như sau:

Bảng đối chiếu các yếu tố nội dung của hai bản tin

Câu hỏi	Bản tin (1)	Bản tin (2)
Việc gì?	Việc khánh thành phòng truyền thống của một nhà hát.	Việc dịch <i>Truyện Kiều</i> sang tiếng Nhật.

<i>Ai liên quan?</i>	Nhà hát Trần Hữu Trang, cố soạn giả Trần Hữu Trang, các đoàn cải lương, các nghệ sĩ,...	Nhà tổ chức, Nguyễn Du, ông Sây-ghi Sa-tô và nữ thi sĩ Y-ô-si-cô Ku-rô-da đồng dịch giả <i>Truyện Kiều</i> , những người tham dự sự kiện ra mắt bản dịch.
<i>Xảy ra khi nào?</i>	Ngày 29/04/2021 nhân dịp 30/04 – 01/05/2021.	Ngày 17/03/2005.
<i>Xảy ra ở đâu?</i>	Khuôn viên nhà hát Trần Hữu Trang Thành phố Hồ Chí Minh.	Tại thành phố Ô-ka-y-a-ma (Okayama), Nhật Bản.
<i>Tại sao xảy ra?</i>	Hoạt động chào mừng 46 năm ngày thống nhất đất nước, kỉ niệm 135 năm ngày Quốc tế lao động; tôn vinh soạn giả, các nghệ sĩ.	Tạo giao lưu văn hoá Việt Nhật; giới thiệu, tôn vinh tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du.
<i>Xảy ra thế nào?</i>	Trang trọng, có ý nghĩa.	Gọn nhẹ nhưng trang trọng, có ý nghĩa.

Câu 5:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB bản tin).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý để HS đưa ra nhận xét thoả đáng đối với mỗi bản tin theo hai khía cạnh:

a. Cách đưa tin, b. Quan điểm của người viết.

Đáp án có thể là:

Bản tin [1] *Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*

– *Cách đưa tin:* Sử dụng bản tin có tính tổng hợp, lược thuật truyền thông về sự kiện đã diễn ra.

– *Quan điểm của người viết:* Thể hiện thái độ trân trọng di sản kịch bản sân khấu cải lương của soạn giả Trần Hữu Trang, sự đóng góp của các nghệ sĩ, các đoàn cải lương; mong muốn nhiều người biết đến.

Bản tin [2] *Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật*

– *Cách đưa tin:* Sử dụng dạng tin ngắn (tin vắn) nhưng đầy đủ sáu loại thông tin cốt lõi, đáng tin cậy; truyền thông về sự kiện đã diễn ra.

– *Quan điểm của người viết:* Thể hiện thái độ trân trọng di sản văn hoá của dân tộc và trân trọng những sáng tạo trong dịch thuật của hai tác giả.

GV cũng có thể gợi ý để HS trình bày nhận xét của mình về hai bản tin dưới dạng một bảng so sánh đối chiếu.

Câu 6:

Mục tiêu: (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB bản tin)

Gợi ý cách tổ chức và đáp án: GV có thể hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi này với một số thao tác, trên cơ sở đó mà đưa ra các nhận xét đánh giá về *tính mới, tính chính xác, tin cậy và tính hàm súc,...* của mỗi bản tin.

– Trước hết, GV cần lưu ý HS phân biệt thời điểm đưa tin của VB với thời điểm HS đọc hiểu VB trong SGK (vì thời điểm HS đọc hiểu thì thông tin không còn mới nữa, nhưng ở thời điểm người viết đưa tin thì khác).

– Thứ hai, đối chiếu thời điểm mà người viết đưa tin với thời điểm sự kiện đã/sẽ diễn ra.

– HS đưa ra nhận xét theo ba tiêu chí: *tính mới; tính chính xác, tin cậy; tính hàm súc.*

Chẳng hạn, nhận xét về *tính mới*:

– Bản tin [1] *Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*: Sự kiện mới diễn ra vào ngày 29/04/2021 nhân dịp 30/04 – 01/05/2021; nhà báo Ngọc Tuyết cập nhật, đưa tin trên Trang tin điện tử Thành phố Hồ Chí Minh, <https://www.hcmcpv.org.vn/>, ngày 29/4/2021.

– Bản tin [2] *Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật*: Sự kiện xảy ra ở Nhật: ngày 17/3/2005; tuần báo Văn nghệ đưa tin ngày 15/05/2005 để truyền thông trong nước. Như thế với công chúng Việt Nam, đây tuy là tin “hồi cổ” (về một sự kiện đã diễn ra trước đó gần hai tháng ở nước ngoài), song vẫn có thể xem là thông tin mang tính cập nhật.

6. HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM LÍ NGỰA Ô Ở HAI VÙNG ĐẤT

Lưu ý chung: Đây là VB thơ được sử dụng theo yêu cầu đọc kết nối chủ điểm *Những di sản văn hoá*. GV hướng dẫn HS tập trung khai thác các nội dung kết nối chủ điểm (tạm không đề cập đến các đặc điểm hay các yếu tố của thể loại).

Về thời lượng, tùy tình hình thực tế, GV dành khoảng 20 phút đến 1 tiết để hướng dẫn HS đọc kết nối chủ điểm. Điều quan trọng là giúp HS khơi sâu chủ điểm của bài học: *Những di sản văn hoá*. Ở đây cần hiểu các điệu hát dân gian (lí ngựa ô ở các vùng quê khác nhau) là những di sản văn hoá, luôn đồng hành cùng con người Việt Nam trong công cuộc dựng nước, giữ nước.

6.1. Đọc văn bản

GV lưu ý giúp HS biết dừng lại ở một số thời điểm cụ thể khi đọc VB để hiểu nghĩa từ ngữ hình ảnh, nắm bố cục, cấu tứ,... và ý nghĩa khái quát của bài thơ.

6.2. Sau khi đọc

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu 1: GV hướng dẫn HS chỉ ra một số điểm khác biệt giữa những câu hát trong điệu lí, hát ở “làng anh” (miền Bắc) và trong điệu lí, hát ở “bên em” (miền Trung, miền Nam) trong cảm nhận của tác giả VB. Chẳng hạn:

Ở làng anh (Bắc Bộ)	Ở quê em (Trung Bộ và Nam Bộ)
Những trải nghiệm bay bổng, tình nghĩa: <i>ai cũng ngỡ mình đang đi trong mây</i> <i>ai chẳng tin mình đang giong ngựa sắt</i> <i>câu hát bắc cầu qua một thời Quan họ</i> <i>câu hát xui nhau nên vợ nên chồng</i>	Những trải nghiệm gắn với bối cảnh không gian gập ghềnh, rộng mở: <i>gập ghềnh câu lí ngựa ô qua</i> <i>ngựa tung bồm bay qua biển lúa</i> <i>ngựa ghim cương nơi sông xoè chín cửa tiếng hí chào xa khơi...</i>

Câu 2: GV hướng dẫn HS liệt kê, phân tích một số chi tiết cho thấy sự gặp gỡ, hoà hợp giữa những câu lí ngựa ô hát “ở hai vùng đất”. Tuy người hát khác nhau, không gian hát và âm điệu khác nhau, nhưng, lí ngựa ô em hát vẫn là:

– “Em” hát dành cho “anh”, hát “với anh”:

bao câu hát ông cha mình gọi lại
sao em thương câu lí ngựa ô này
sao anh nghe đến lần nào cũng vậy
sao chỉ thấy riêng mình em đứng đấy
chỉ riêng mình em hát với anh đây.

– Vùng đất này có thể chia sẻ âm điệu sắc thái câu hát của vùng đất kia:

những năm gần đây
tháng Tư vào hội Gióng
đã hát quen lí ngựa ô rồi
khen câu miền Trung qua truông dài phá rộng
móng gõ mặt thời gian gõ trống
khen câu miền Nam như giục như mời

– Bao trùm bài thơ là âm thanh nhịp điệu những câu hát gọi nhắc vó ngựa Thánh Gióng qua thời gian:

Làng anh: đã hát quen; khen câu miền Trung, khen câu miền Nam;

Bên em: “vó ngựa mê say”; “em hát đợi bên cầu”,...

Làng anh: ai chẳng tin mình đang giống ngựa sắt/ cả một vùng sông ai chẳng hát;
Bên em: ngựa tung bờm bay qua biển lúa/
ngựa ghìm cương nơi sông xoè chín cửa/
tiếng hí chào xa khơi...

Hình tượng ngựa sắt tung bay trên khắp vùng miền đất nước .

Câu 3: GV hướng dẫn HS dựa vào câu hỏi để phát biểu nhận thức, cảm nhận của mình về sức sống của những câu lí, câu hò và của ca dao, dân ca nói chung.

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VĂN BẢN CHỢ NỔI – NÉT VĂN HOÁ SÔNG NƯỚC MIỀN TÂY

Lưu ý chung: Đây là VB tạo cơ hội để HS tự đọc VB tương đương về thể loại VB thông tin (thuyết minh, bản tin),... SGK đã đưa ra một số câu hỏi định hướng giúp HS thực hiện các bước đọc VB mở rộng theo thể loại này.

GV dành thời gian tối thiểu 15 – 20 phút để hướng dẫn HS đọc mở rộng theo thể loại ở nhà (sẽ báo cáo kết quả ở tiết sau hoặc khi ôn tập). Việc đọc mở rộng nên theo trình tự:

- 1) Thực hiện các lời dẫn trong box (SGK *Ngữ văn 10*, tập một, tr.95).
- 2) Đọc VB, dừng lại suy nghĩ rèn luyện kĩ năng đọc ở những thời điểm thích hợp.
- 3) Hoàn thành biểu bảng, trả lời các câu hỏi để thực hành, rèn luyện cách đọc một VB thông tin tổng hợp yếu tố miêu tả tự sự, biểu cảm, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và sự thể hiện chủ đề *Những di sản văn hoá*.

8. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Tri thức tiếng Việt

(Hình ảnh, số liệu trong VB thông tin: cách thực hiện như các bài trước).

GV dành 5 – 7 phút hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh mục *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ* (SGK *Ngữ văn 10*, tập một, tr. 83). Sau đó, tổ chức cho HS thực hành.

8.2. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Gợi ý thực hiện các bài tập:

Bài tập 1: Nếu không có tranh minh hoạ, cả việc truyền tải thông tin (đối với tác giả), lẫn tiếp nhận thông tin (đối với người đọc) đều gặp khó khăn. Chẳng hạn: người viết sẽ phải dùng nhiều lời hơn để miêu tả, thuyết minh, tuy vậy có những điều dùng lời miêu tả thuyết minh cũng không thể rõ được (như có ảnh minh hoạ); người đọc phải dùng trí tưởng tượng, nhưng có những điều khó tưởng tượng, hình dung nếu không có vốn trải nghiệm thực tế.

Bài tập 2a: GV yêu cầu HS kẻ mẫu vào vở và tự điền thông tin vào bảng.

Bài tập 2b: GV yêu cầu HS xem lại VB bài đọc và đối chiếu với hình đã cho trong bài tập 2.b để đưa ra câu trả lời kèm giải thích.

Hình 1 (trong bài tập) có thể minh hoạ cho mục 4. Giải thích lí do: tranh *Em bé ôm gà (Vinh Hoa)* là tranh dùng để treo dịp Tết, như lời chúc, ước mong.

Bài tập 3: Trong bài tập là ảnh chụp 4 tấm ván khắc với 4 màu khác nhau để in tranh Đông Hồ (Hình 2).

a. Bộ ván khắc này được dùng hình để in bức tranh minh hoạ *Đám cưới chuột* trong VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam*.

b. Tấm ảnh về bộ ván này nên được dùng để minh hoạ cho đoạn **3. Chế tác khéo léo, công phu** trong VB *Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam* là phù hợp nhất. Vì nó giúp hỗ trợ cho người viết lẫn người đọc trong việc truyền tải tiếp nhận thông tin về quá trình chế tác, in tranh.

c. Nếu được sử dụng, nên ghi chú thích cho hình này: bộ ván khắc gồm 4 tấm dùng để in tranh *Đám cưới chuột*.

Bài tập 4: Dựa vào hình minh hoạ (SGK Ngữ văn 10, tập một, tr. 86), nêu tên một số loại hiện vật được ghi lại trong ảnh và cho biết các chi tiết trong hình có tác dụng hỗ trợ cho phần lời trong bản tin *Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang* thế nào.

8.3. Từ đọc đến viết

Viết bản tin (khoảng 200 chữ) đưa tin về một hoạt động hay sự kiện văn hoá, giáo dục mới diễn ra trong nhà trường hoặc tại địa phương của bạn.

Mấy lưu ý chung: Viết ngắn, trong trường hợp này đồng thời cũng có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập được sản phẩm (bản tin) trong một khoảng thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

– *Đọc nhanh* đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. Với bài tập này, có cả yêu cầu về đề tài (viết về cái gì?) và yêu cầu về hình thức, diễn đạt (có thể sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).

– *Lựa chọn nhanh* đề tài cho đoạn văn ngắn của bản thân (đề tài: một hoạt động hay sự kiện văn hoá, giáo dục mới diễn ra trong nhà trường hoặc tại địa phương của bạn).

– *Viết nhanh bản thảo đoạn văn* đồng thời, đọc lại và chỉnh sửa nhanh.

GV nhận xét, đánh giá và gợi ý hướng chỉnh sửa nhanh cho bài tập của HS.

DẠY HỌC PHẦN VIẾT

❖ Yêu cầu cần đạt

- Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); *tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.*
- Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

❖ Định hướng dạy học tích hợp với chuyên đề học tập nghiên cứu và báo cáo về một vấn đề văn học dân gian

Trong Chương trình Ngữ văn lớp 10 có chuyên đề *Tập nghiên cứu và báo cáo về một vấn đề văn học dân gian*, có thể tích hợp hiệu quả với bài học này. GV có thể tổ chức theo gợi ý sau:

Mốc thời gian	Buổi 1	Buổi 2	Buổi 3	Buổi 4	Buổi 5
Hoạt động của giáo viên	– Triển khai chuyên đề, chia nhóm HS. – Hướng dẫn HS tìm đề tài và thu thập tư liệu (Bước 1 trong quy trình viết) – Hướng dẫn HS phương pháp nghiên cứu với đề tài đã lựa chọn.	Trợ giúp, tư vấn HS thực hiện đề tài nghiên cứu.	Hướng dẫn HS viết báo cáo kết quả nghiên cứu (các bước còn lại trong quy trình viết).	Tổ chức cho HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm bài báo cáo kết quả nghiên cứu.	
Hoạt động của học sinh	– Thành lập nhóm nghiên cứu. – Tìm hiểu Bước 1 trong quy trình viết, tiến hành chọn đề tài.	Tiến hành thực hiện đề tài nghiên cứu, cho ra kết quả nghiên cứu.	Tiến hành viết báo cáo kết quả nghiên cứu.	Đọc bài báo cáo của nhóm mình và các nhóm khác, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.	

1. DẠY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

GV cho HS đọc khung tri thức về kiểu bài trong SGK, sau đó sử dụng phương pháp đàm thoại, phát vấn yêu cầu HS trả lời các câu hỏi nhận biết thông tin:

(1) *Bài báo cáo kết quả nghiên cứu là gì?*

(2) *Kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu có các yêu cầu gì?*

(3) *Trình bày sơ đồ dàn ý kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu và những lưu ý với từng phần trong bố cục.*

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

GV cho HS đọc bài viết tham khảo. Sau đó, cho HS đối chiếu bài viết tham khảo với *Tri thức về kiểu bài* để thảo luận, trả lời các câu hỏi sau bài văn tham khảo để tiếp tục tìm hiểu đặc điểm của kiểu VB.

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

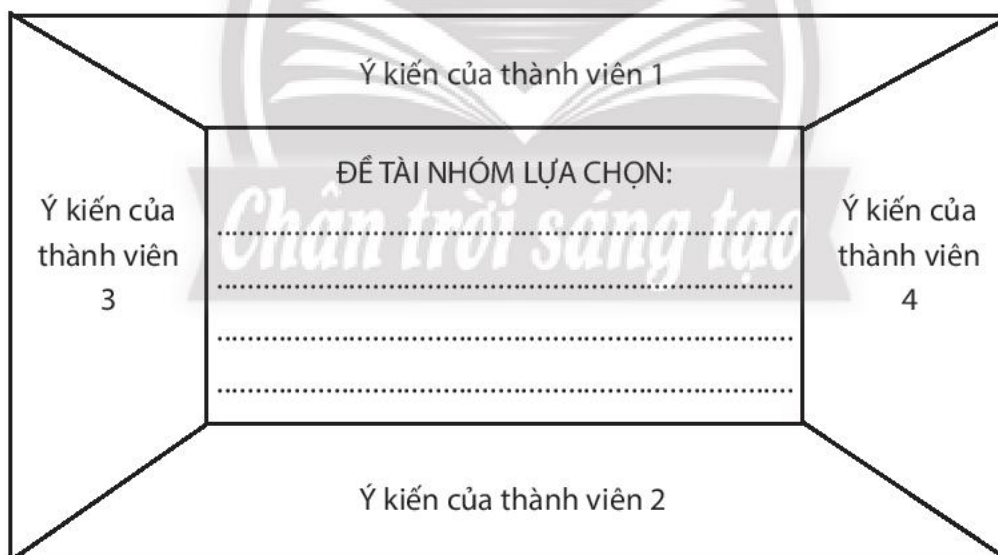
Đặc thù của kiểu bài *viết báo cáo kết quả nghiên cứu* đó là cần tích hợp với hoạt động nghiên cứu. Tuy vậy, do đặc thù bộ môn Ngữ văn, GV chú trọng vào việc hướng dẫn học sinh tạo lập VB (viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu) hơn là hướng dẫn phương pháp nghiên cứu khoa học. Quy trình viết trong SGK triển khai theo hướng HS đã thực hiện nghiên cứu và đã có kết quả, do đó, chú trọng vào hướng dẫn cách viết. Đây là kiểu bài mới đối với HS, gắn với thao tác nghiên cứu, do vậy, GV nên tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm nhỏ.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

Để xác định đề tài, GV cho HS đọc phần hướng dẫn trong SGK, giải thích cho HS cách lựa chọn đề tài phù hợp, nhấn mạnh vào việc cụ thể hoá các đề tài còn mơ hồ, thu hẹp các đề tài rộng.

GV cho HS thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn và đưa ra một đề tài mà nhóm mình lựa chọn, dựa vào mẫu sau:



GV cho HS trình bày kết quả thảo luận, tổ chức cho HS nhận xét về đề tài của các nhóm (Có khả thi hay không? Có cần điều chỉnh gì không?). Sau đó, GV gợi ý, định hướng HS điều chỉnh đề tài cho phù hợp. Do trọng tâm bài học là dạy viết báo cáo kết quả nghiên cứu chứ không phải dạy phương pháp nghiên cứu khoa học, GV nên định hướng HS chọn những đề tài đơn giản, phù hợp. Những đề tài phù hợp thường có phạm vi hẹp, vừa sức với học sinh, đòi hỏi thao tác nghiên cứu không phức tạp, chủ yếu là thu thập, đọc và tổng hợp tài liệu, thời gian thực hiện đề tài ngắn.

GV cần đảm bảo sau hoạt động này, các nhóm đều đã chọn được đề tài phù hợp để tiến hành thực hiện các bước sau.

Xác định mục đích viết và đối tượng người đọc

GV cho HS đọc đề bài trong SGK, sau đó cho học sinh thảo luận nhóm để xác định mục đích viết và người đọc:

(1) Dựa vào tình huống đặt ra trong đề bài, em hãy cho biết mục đích viết của bài báo cáo này là gì?

(2) Đối tượng đọc bài báo cáo của em có thể là ai?

(3) Với mục đích viết và đối tượng đọc như vậy, em nên chọn cách viết như thế nào?

Thu thập tư liệu

GV hướng dẫn HS thu thập tư liệu dựa vào mẫu sau:

MẪU PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1				
HƯỚNG DẪN THU THẬP TƯ LIỆU THAM KHẢO				
1. Câu hỏi tôi cần tìm hiểu:.....				
2. Những tài liệu tôi thu thập được:				
Số thứ tự	Tên tài liệu	Tên tác giả	Năm xuất bản – nhà xuất bản	Những ý quan trọng
3. Các phương tiện hỗ trợ đáng lưu ý:				
Tên tư liệu	Dạng tư liệu (hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ...)	Nguồn tư liệu (Ghi số thứ tự của tư liệu trong bảng ở mục 2)	Lí do tư liệu này đáng lưu ý	

GV có thể làm mẫu một vài mục tư liệu để HS hình dung cách làm. Ở thao tác này, HS có thể chưa quen với việc tiến hành nghiên cứu, GV có thể chỉ dẫn cụ thể cách tra cứu, tìm kiếm tài liệu trong thư viện trường; các trang web uy tín HS có thể tìm, sưu tầm. Sau đó, GV hướng dẫn HS cách sắp xếp thư mục tài liệu tham khảo và nhắc lại cách sử dụng cước chú, các phương tiện hỗ trợ trong bài viết.

GV giao HS về nhà thực hiện bài nghiên cứu theo nhóm, có kết quả nghiên cứu để chuẩn bị cho việc học những phần sau.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

Sau khi HS thực hiện nghiên cứu và có kết quả, GV hướng dẫn HS tìm ý dựa vào sơ đồ trong SGK. GV có thể làm mẫu một sơ đồ dựa trên đề tài mình chọn để HS hình dung cách làm.

Lập dàn ý

GV có thể hướng dẫn HS lập dàn ý dựa vào phiếu học tập sau:

MẪU PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: DÀN Ý BÀI BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tên đề tài:

Nhóm HS thực hiện:

I. CÁC Ý CƠ BẢN

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Thuật ngữ cần giải thích:

Lý thuyết làm nền tảng cho nghiên cứu (nếu có):

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để cho ra kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp:

Bằng cách:

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau quá trình tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy:

KẾT LUẬN

Khái quát kết quả nghiên cứu:

Đề xuất giải pháp, hướng phát triển của đề tài:

II. XÁC ĐỊNH TÊN CÁC ĐỀ MỤC CHO BÀI VIẾT

Từ các ý đã thực hiện ở phần trên, tôi dự kiến tên các đề mục của bài viết như sau:

I.

II.

III.

IV.

Bước 3: Viết bài

GV làm mẫu kĩ thuật viết trên lớp và cho HS về nhà viết bài báo cáo theo nhóm. GV có thể làm mẫu những phần HS thường lúng túng như: nhan đề, tóm tắt, thực hiện kĩ thuật viết chung (collaborative writing) để làm mẫu những phần mà HS còn thắc mắc.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Bước này có thể thực hiện qua các hoạt động:

- Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài báo cáo kết quả nghiên cứu có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà).
- Tổ chức cho các nhóm HS trao đổi bài, góp ý cho nhau dựa vào bảng kiểm.
- Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn về cách viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu.

DẠY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Biết thuyết trình kết quả nghiên cứu có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

2. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

Để dạy phần nói và nghe này, GV cần lưu ý: hoạt động nói và nghe này tích hợp với phần Viết trước đó, nội dung thuyết trình của bài nói chính là nội dung bài báo cáo kết quả nghiên cứu mà HS đã chuẩn bị theo nhóm ở phần Viết.

2.1. Khởi động

GV tổ chức hoạt động kích hoạt kiến thức nền của HS về bài báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể bằng hình thức trò chơi, trắc nghiệm, ai nhanh hơn, hái hoa dân chủ...

2.2. Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói

GV có thể hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói dựa trên phiếu học tập sau:

MẪU PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:
THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP PHƯƠNG TIỆN
NGÔN NGỮ VỚI CÁC PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ

Tên đề tài:

Nhóm HS thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói

Tôi thực hiện bài nói này nhằm mục đích:

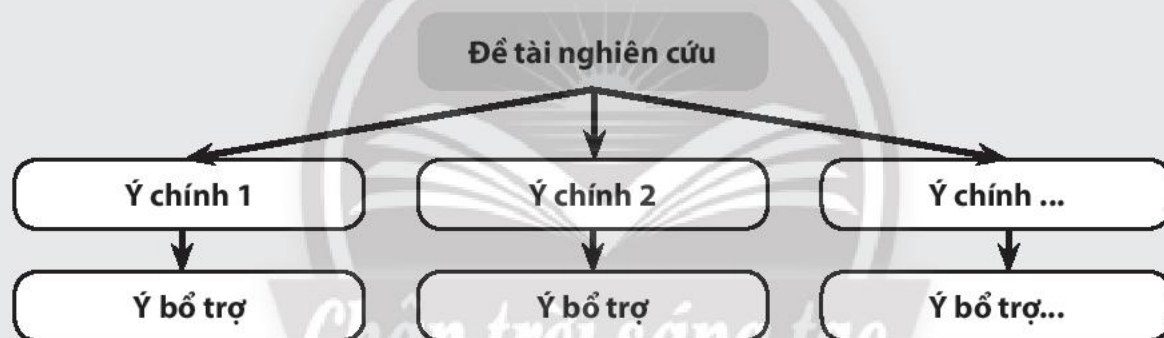
Người nghe là:

Không gian, thời gian nói:

Tôi sẽ chọn cách thuyết trình:

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Những ý chính tôi sẽ trình bày (dựa vào bài báo cáo kết quả nghiên cứu đã chuẩn bị ở phần Viết):



Những phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ tôi sẽ sử dụng trong bài thuyết trình:

1.
2.
3.

Luyện tập

Những cách trình bày hấp dẫn:

.....

Dự kiến phần mở đầu:

.....

Dự kiến phần kết:

.....

2.3. Tổ chức cho học sinh thực hành nói – nghe

GV chọn HS trình bày bài nói và thực hiện **Bước 2: Trình bày bài nói** và **Bước 3: Trao đổi và đánh giá** (GV có thể để HS tự nguyện xung phong hoặc tổ chức bốc thăm, trò chơi “con số ngẫu nhiên” để chọn HS trình bày...).

Khi tổ chức cho HS trình bày, GV cũng đồng thời thiết kế nhiệm vụ để hướng dẫn HS rèn luyện kỹ năng nghe. GV yêu cầu HS lắng nghe phần trình bày của bạn mình và đánh giá phần thể hiện của bạn dựa theo những tiêu chí được đề xuất trong SGK. GV nên thiết kế các tiêu chí thành dạng bảng kiểm để HS vừa nghe, vừa đánh giá kết quả trình bày của bạn. Khi HS nghe, GV có thể nhắc nhở HS sử dụng giấy ghi chú để ghi lại những vấn đề liên quan đến bài trình bày làm căn cứ cho việc đánh giá; ghi lại những câu hỏi/ nội dung cần trao đổi với người nói khi phần trình bày kết thúc.

Lưu ý: Để phần trình bày của HS trở nên hấp dẫn, GV có thể thiết kế thành một buổi tọa đàm; một buổi tranh luận; một buổi báo cáo khoa học..., trong đó, HS được đóng vai nhà khoa học để trình bày kết quả nghiên cứu của mình.

2.4. Tổ chức cho học sinh trao đổi, đánh giá về bài nói

Sau khi HS kết thúc phần trình bày, GV hướng dẫn và tổ chức cho các HS cùng lớp trao đổi về phần trình bày của bạn.

NGHE VÀ NẮM BẮT NỘI DUNG TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

2. THỰC HÀNH NGHE VÀ PHẢN HỒI

Phần nghe này sẽ được dạy tích hợp với hoạt động *Thuyết trình kết quả nghiên cứu có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*.

2.1. Hướng dẫn HS chuẩn bị nghe

GV cho HS đọc SGK, lưu ý học sinh về kỹ năng nghe và nắm bắt nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. GV hướng dẫn HS nghe kết hợp ghi chép và chuẩn bị phiếu ghi chép dựa vào mẫu sau:

TOA ĐÀM TÌM HIỂU VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HOÁ NAM BỘ

(Thời gian..... Địa điểm.....)

Tên đề tài:

Người thực hiện:

NỘI DUNG CHÍNH

1. Lí do chọn đề tài:.....

2. Phương pháp nghiên cứu:

.....

3. Kết quả nghiên cứu:.....

.....

4. Kết luận:

TRAO ĐỔI VỚI NGƯỜI TRÌNH BÀY

1.

2.

3.

NHẬN XÉT VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC THUYẾT TRÌNH

(Dựa vào bảng kiểm trong SGK)

1. Về nội dung thuyết trình:

.....

.....

.....

2. Về hình thức thuyết trình:

.....

.....

.....

KINH NGHIỆM RÚT RA CHO BẢN THÂN SAU KHI THAM GIA BUỔI THUYẾT TRÌNH

.....

.....

.....

2.2. Tổ chức cho HS thực hành nghe

Tổ chức hoạt động nghe tích hợp với hoạt động *Thuyết trình kết quả nghiên cứu có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*. Sau khi HS nghe và thực hiện ghi chép, GV có thể mời HS trình bày kinh nghiệm rút ra về kĩ năng nói và nghe sau khi tham gia buổi thuyết trình.

ÔN TẬP

1. HS xác định mục đích viết và quan điểm của người viết trong các VB đọc hiểu theo mẫu (làm vào vở). Chẳng hạn:

Văn bản	Mục đích viết	Quan điểm của người viết
<i>Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam</i>	Thuyết minh về giá trị văn hoá của tranh Đông Hồ.	Khẳng định giá trị văn hoá độc đáo của tranh Đông Hồ, khuyến nghị về việc bảo tồn tranh Đông Hồ.
<i>Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật</i>	Thông tin về việc ra mắt bản dịch <i>Truyện Kiều</i> sang tiếng Nhật.	Khẳng định giá trị tầm vóc quốc tế của <i>Truyện Kiều</i> .
<i>Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống</i>	Thông tin về việc khánh thành phòng truyền thống của nhà hát Trần Hữu Trang.	Khẳng định giá trị văn hoá của sân khấu cải lương.
<i>Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây</i>	Thuyết minh về giá trị văn hoá của chợ nổi miền Tây.	Khẳng định giá trị văn hoá độc đáo của chợ nổi miền Tây.

2. HS xác định thể loại, sự kết hợp phương tiện giao tiếp, sự lồng ghép yếu tố trong các VB đọc hiểu theo mẫu dưới đây (làm vào vở). Chẳng hạn:

Văn bản	Thể loại	Phương tiện giao tiếp	Sự lồng ghép yếu tố
<i>Tranh Đông Hồ – nét tinh hoa của văn hoá dân gian Việt Nam</i>	VB thông tin tổng hợp	Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	Miêu tả, tự sự, biểu cảm
<i>Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật</i>	Bản tin	Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	

Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống	Bản tin	Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	
Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây	VB thông tin tổng hợp	Phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	Miêu tả, tự sự, biểu cảm

3. GV yêu cầu HS đưa ra nhận xét cách đưa tin và quan điểm của người viết qua bản tin bằng cách làm vào vở theo mẫu. Chẳng hạn:

Văn bản	Cách đưa tin	Quan điểm của người viết
Thêm một bản dịch “Truyện Kiều” sang tiếng Nhật	Khách quan	Khẳng định giá trị của sự kiện
Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống	Khách quan	Khẳng định giá trị của sự kiện

4. GV yêu cầu HS hoàn tất bảng so sánh theo mẫu (về điểm khác biệt trong quy trình *Viết báo cáo kết quả nghiên cứu* và viết VB *Nghị luận về một vấn đề xã hội*). Chẳng hạn:

Các bước	Viết báo cáo kết quả nghiên cứu	Nghị luận về một vấn đề xã hội
Bước 1. Chuẩn bị viết	Chuẩn bị chu đáo, công phu nhiều khâu.	Chủ yếu chuẩn bị ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý	Theo quy cách báo cáo kết quả nghiên cứu.	Theo quy cách một bài nghị luận.
Bước 3. Viết bài	Thể hiện được kết quả nghiên cứu; coi trọng tính khoa học.	Thể hiện được ý kiến; coi trọng tính thuyết phục.
Bước 4. Xem lại và chỉnh sửa	Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm nội dung, cách trình bày kết quả nghiên cứu.	Chỉnh sửa, rút kinh nghiệm nội dung, cách trình bày ý kiến.

5. HS trình bày, chia sẻ nhận thức/ý kiến gắn với thực tế, thực trạng về các di sản văn hoá ở địa phương.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Biết thưởng thức vẻ đẹp, trân trọng và có ý thức phát huy giá trị nhân văn trong nghệ thuật và văn hoá truyền thống.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe* nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt (YCCĐ) như sau:

– Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của VB chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền.

– Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB chèo/ tuồng.

– Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB chèo/ tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

– Nhận biết tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...

– Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng.

– Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.

Các YCCĐ (SGK) là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của các VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua câu hỏi *Sau khi đọc*.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

2.1. Đặc điểm bài học

– Về thể loại:

Trong bài học này, HS được hướng dẫn đọc hiểu một số VB thuộc thể loại chèo cổ hoặc tuồng đồ (thuộc loại hình kịch) và hình thành các kĩ năng viết, nói và nghe gắn với một số kiểu VB thông tin. Các tri thức mới về văn học và tiếng Việt cũng như các bài trước, được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ văn* nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– Về cấu trúc bài học:

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* được tổ chức thực hiện theo cấu trúc chung của *Ngữ văn 10*. Tuy nhiên, cần lưu ý đặc điểm riêng về ngữ liệu và việc triển khai các nhiệm vụ học tập cụ thể trong bài học này. Đây là bài học có ngữ liệu đọc hiểu riêng cho mỗi phương án lựa chọn (dạy học đọc hiểu VB chèo hay VB tuồng; HS và GV chọn, thực hiện một trong hai phương án này). Các nội dung khác của bài học như *Đọc kết nối chủ điểm, Thực hành tiếng Việt, Viết, Nói và nghe*, được soạn để dùng chung cho cả hai phương án.

Đọc: Căn cứ vào lựa chọn của số đông HS và điều kiện thực tế, GV chọn hướng dẫn đọc các VB thuộc một trong hai thể loại chèo cổ hoặc tuồng đồ. Cụm ngữ liệu hướng dẫn đọc hiểu chèo cổ gồm hai trích đoạn kịch bản từ chèo *Quan Âm Thị Kính: Thị Mầu lên chùa* (VB 1), *Xã trưởng – Mẹ Đốp* (VB đọc mở rộng)... Cụm ngữ liệu hướng dẫn đọc hiểu tuồng đồ cũng gồm hai trích đoạn từ kịch bản tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến: Huyện Trìa xử án* (VB 1), *Huyện Trìa, Đề Hâu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến* (VB đọc mở rộng). Theo đó, về *Tri thức Ngữ văn*, ngoài hai mục từ như “*Phương thức lưu truyền*”, “*Tác phẩm khuyết danh*” là tri thức chung, GV tùy theo thực tế HS lựa chọn đọc hiểu VB thể loại nào để lưu ý HS tìm hiểu các mục từ phù hợp với thể loại ấy (chèo hay tuồng).

Ngữ liệu đọc kết nối chủ điểm là *Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương*, một VB thông tin có sử dụng phương thức giao tiếp phi ngôn ngữ, làm cơ sở kết nối với bài tập thực hành tiếng Việt, chung cho cả đối tượng HS đọc hiểu VB chèo và VB tuồng.

Ngữ liệu đọc tham khảo để triển khai YCCĐ thực hành viết VB theo quy trình là một bản nội quy và bản hướng dẫn nơi công cộng.

2.2. Phân bố số tiết

Bài học dự kiến được dạy trong thời gian 9 tiết, có thể phân chia như sau:

– Đọc: 4,5 tiết (VB chèo hoặc tuồng: 3 tiết; VB đọc kết nối và VB đọc mở rộng theo thể loại: 1,5 tiết).

– Viết: 2 tiết.

- Tiếng Việt: 1 tiết.
- Nói – nghe: 1 tiết.
- Ôn tập: 0,5 tiết.

Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học, GV linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng nội dung và YCCĐ của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

SGK *Ngữ văn 10* thiết kế một hệ thống nhiệm vụ học tập riêng cho từng phần đọc, tiếng Việt, viết kết nối với đọc, viết VB, nói và nghe, ôn tập. GV cần nghiên cứu, khai thác các kĩ thuật dạy học để thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập này. Về phương thức lên lớp, cần lưu ý:

- Kết hợp diễn giải ngắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, trình bày ý kiến, đóng vai.
- Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn,...
- Tổ chức cho mọi HS đều có cơ hội thực hành đọc, viết, nói và nghe.

3.2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.
- Tranh ảnh, tài liệu nghe nhìn liên quan đến trích đoạn vở diễn chèo/ tuồng; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh tư liệu liên quan.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu *trước khi đọc*, *sau khi đọc*) trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.
- ...

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHÂN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Đọc ở đây là đọc hiểu VB thuộc thể loại kịch bản dân gian: chèo cổ/ tuồng đồ, theo đúng các YCCĐ mà chương trình đã xác định, đặc biệt là: “Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của VB chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền”.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem *Ma trận YCCĐ – câu hỏi đọc hiểu* đối với VB, cụm VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Trước khi đọc, Đọc VB, Sau khi đọc* để hình thành các thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Đa dạng hoá hoạt động trong giờ học (như đọc, nói biểu cảm theo vai nhân vật, thực hiện bài tập sáng tạo, đố vui,...) và ngoài giờ học (như xem vở diễn, ngoại khoá, sinh hoạt câu lạc bộ sân khấu hoá, gặp gỡ phỏng vấn diễn viên, nghệ nhân, nhà nghiên cứu, sưu tầm trưng bày tài liệu liên quan,...) phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGỮ VĂN

Các mục từ liên quan trong SGK được xếp thành hai nhóm: tri thức về nghệ thuật chèo và tri thức về nghệ thuật tuồng.

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý HS về tầm quan trọng của các tri thức bổ trợ cho việc đọc hiểu: nếu không tự mình tìm hiểu để nắm vững các khái niệm liên quan trực tiếp đến thể loại, thì không thể trả lời câu hỏi sau khi đọc và đáp ứng yêu cầu của bài đọc.

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn linh hoạt, có thể sử dụng lời giới thiệu phần đọc (lưu ý bổ sung nội dung viết, nói và nghe để bảo đảm bao quát nội dung toàn bài học).

3. DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

Các kĩ năng đọc nói đến ở đây chủ yếu là những kĩ năng *trong khi đọc*, hình thành trong khi HS đọc, trải nghiệm cùng VB ở trên lớp. Trong bài học này, SGK chú trọng vào các kĩ năng *đọc lướt, tưởng tượng, theo dõi,...* (VB chèo *Thị Mầu lên chùa*); *theo dõi, dự đoán, suy luận,...* (VB tuồng *Huyện Trĩ xử án*). GV nên tập trung cho HS rèn luyện các kĩ năng này. Nhiều kĩ năng đã được luyện tập ở bài trước đến bài này cần được củng cố thêm.

Dạy đọc VB trích khác với dạy đọc một VB hoàn chỉnh. Mục tiêu dạy đọc bao giờ cũng là phải giúp HS xác định được vị trí của VB trích và đọc, phân tích nó trong tính chỉnh thể của tác phẩm. HS cần biết rõ tích truyện, quá trình phát triển của mâu thuẫn, xung đột kịch. Vì thế, cần lưu ý HS đọc tóm tắt kịch bản *Quan Âm Thị Kính* hoặc *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*; GV cũng cần định vị màn kịch bằng cách lược thuật các phần tác phẩm trước và sau VB trích.

4. DẠY ĐỌC VĂN BẢN CHÈO THỊ MẪU LÊN CHÙA

4.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh hai câu hỏi nêu trong SGK.

4.2. Đọc văn bản

GV dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

– GV hoặc HS có giọng đọc tốt đọc thị phạm một vài đoạn ngắn hay hoặc khó.
– GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc. HS đọc bằng mắt, thực hiện một số yêu cầu của khâu trải nghiệm cùng VB. Lưu ý HS: khi gặp các câu hỏi trong box và những chỗ được đánh dấu, HS dừng lại suy nghĩ nhanh, tự trả lời thầm trong đầu, nhằm tạo thói quen và rèn luyện kĩ năng đọc. GV vừa nói to cách làm, vừa làm mẫu cho HS làm theo.

– GV yêu cầu HS trả lời một vài câu hỏi trong khi đọc để kiểm tra HS đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box *đọc lướt/ tưởng tượng/ theo dõi*,... như thế nào. Nhận xét góp ý ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB.

4.3. Sau khi đọc

4.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Bảy câu hỏi trong khâu này thiết kế theo nguyên tắc bám sát các YCCĐ của bài học (SGK). GV dựa vào bảng tổng hợp (ma trận) dưới đây để điều phối, kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo tinh thần nêu trên.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản

Thị Mẫu lên chùa (VB 1 – A)

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của VB chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật [a], lời thoại [b], phương thức lưu truyền.” [1]	[1.a]: câu 1 (vế 2); câu 2; câu 3 [1.b]: câu 1 (vế 1); câu 2 (vế 1)
N2: “Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB [a]. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB [b]; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB chèo/ tuồng [c].” [2]	[2a]: câu 2 (vế 2) [2.b]: câu 3; câu 4 [2.c]: câu 5
N3: “Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB chèo/ tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.” [3]	[3]: câu 4; câu 5; câu 7
N4: YCCĐ tổng hợp [4]	[4]: câu 6

GV có thể hướng dẫn HS thực hành đọc hiểu VB theo 4 nhóm câu hỏi sau:

- Đối thoại, độc thoại, bàng thoại, tiếng đế chèo cổ trong VB
- Nhân vật Thị Mầu
- Nhân vật Thị Kính
- Đặc điểm thể loại và ấn tượng về nhân vật qua VB

4.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ Đối thoại, độc thoại, bàng thoại, tiếng đế chèo cổ trong VB (1)

Câu 1: yêu cầu 1

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thị Mầu lên chùa*. Với VB này, HS cần nhận biết đặc điểm của ngôn ngữ chèo cổ qua một số thành tố trong VB như: *Lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại* của nhân vật và *tiếng đế*,...

Gợi ý:

- HS dựa vào mẫu bảng trong câu hỏi để điền đúng các ví dụ về các thành phần lời thoại *đối thoại, độc thoại, bàng thoại, tiếng đế*.
- GV lưu ý một số dấu hiệu để nhận biết mỗi thành phần lời thoại, nhất là *bàng thoại, tiếng đế*.

❖ Nhân vật Thị Mầu (Câu hỏi 1 yêu cầu 2; 2, 3, 4)

Câu 1: yêu cầu 2

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thị Mầu lên chùa*. HS dựa vào ngôn ngữ, giọng điệu của một số lời thoại liệt kê ở câu trên, đưa ra nhận xét ban đầu về tính cách của hai nhân vật Thị Mầu và Thị Kính.

Gợi ý:

- HS thảo luận nhóm đôi, đưa ra nhận xét khái quát về tính cách của hai nhân vật Thị Mầu và Thị Kính.
- GV có thể thiết kế một bảng đối chiếu đơn giản để HS ghi ra một số cụm từ khái quát ban đầu về tính cách của Thị Mầu, Thị Kính từ các lời thoại của họ. Ví dụ:

Thị Mầu	Thị Kính
– Táo tợn, lẳng lơ	– Điềm đạm, đoan chính
– ...	– ...

Câu 2:

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thị Mầu lên chùa*. HS cần nhận biết, chỉ ra được sự thay đổi trong tình cảm, cảm xúc của nhân vật từ đầu đến cuối VB.

Gợi ý:

– HS thảo luận nhóm, phát hiện sự thay đổi trong tình cảm, cảm xúc của nhân vật Thị Mầu từ đầu đến cuối VB.

– GV hướng dẫn HS sử dụng mẫu sơ đồ nêu ở câu 2, tr.117 (SGK) để thực hiện bài tập. Lưu ý: ít nhất so sánh đối chiếu để thấy sự thay đổi theo 3 chặng. Ví dụ:

+ Đầu VB (trước khi gặp Thị Kính): *Tươi vui, háo hức...* qua lời thoại: ... *Tôi lên chùa thấy tiểu mười ba/ Thấy sư mười bốn, vãi già mười lăm...*

+ Giữa VB (gặp và tán tỉnh Thị Kính): ... ngây ngất trước vẻ đẹp của thầy tiểu Thị Kính; khao khát thiết tha, mong được đáp lại tình yêu: *Người đâu mà đẹp như sao băng thế nhỉ?* hoặc: *Thầy như táo rụng sân đình/ Em như gái rỏ, đi rình của chùa.*

+ Cuối VB (Thị Kính càng tỏ ra kín đáo đoan chính, Thị Mầu càng táo tợn): tỏ tình liều lĩnh, bất chấp mọi sự dèm pha: *Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn/ Chính chuyên cũng chẳng son son để thờ!*

Câu 3:

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thị Mầu lên chùa*. HS đưa ra được nhận xét về quan niệm về tình yêu qua lời thoại của nhân vật Thị Mầu

Gợi ý:

– HS thảo luận nhóm, GV hỗ trợ bằng cách chỉ ra một số câu thoại đáng lưu ý, liên quan trực tiếp đến quan niệm về tình yêu, hạnh phúc của Thị Mầu. Ví dụ:

Lời thoại	Quan niệm
<i>Thầy như táo rụng sân đình Em như gái rỏ, đi rình của chùa.</i>	Đã yêu nhau thì phải chủ động bày tỏ, tìm cách thoả mãn nhu cầu gặp gỡ, ái ân.
<i>Một cành tre, năm bảy cành tre Phải duyên thời lấy, chớ nghe họ hàng Ấy mấy thầy tiểu ơi! Mẫu đơn giống cảnh nhà thờ Đôi ta chỉ quyết đợi chờ lấy nhau</i>	Yêu là “phải duyên”, đã “phải duyên” thì đôi bên tự quyết, đợi chờ và tiến tới hôn nhân
...	...

– GV có thể gợi ý HS nhận xét, đánh giá, chỉ ra nét tích cực trong quan niệm của nhân vật về tình yêu hạnh phúc (trên cơ sở đối chiếu với quan niệm truyền thống).

Câu 4:

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thị Mầu lên chùa*. HS nhận biết góc nhìn, sự đánh giá của khán giả – tác giả về nhân vật Thị Mầu.

Gợi ý:

– HS sử dụng mẫu phiếu học tập liệt kê tiếng đế và xem xét các tình huống xuất hiện *tiếng đế* để đưa ra các câu trả lời của mình.

– GV cung cấp mẫu phiếu học tập, hướng dẫn HS thực hiện nhanh câu hỏi này. Nội dung phiếu nên có các mục sau:

1. Tiếng đế: là ...
2. Số lượt thoại của đế trong VB: (5 lượt).
3. Các tiếng đế thể hiện sự đánh giá về nhân vật Thị Mầu (trích):

Đoạn thoại/ tiếng đế		Quan điểm, góc nhìn
THỊ MẦU: Ấy mấy thầy tiểu ơi!		Quan điểm đánh giá Thị Mầu qua tiếng đế: Từ góc nhìn truyền thống, bảo thủ, tiếng đế đại diện cho quan điểm của một số người xem việc Thị Mầu chủ động bộc lộ tình yêu, tự quyết trong tình yêu như trong VB là hành động dơ bẩn, đáng chê cười thậm chí phê phán: “Dơ lắm! Mầu ơi!”
TIẾNG ĐẾ: Mầu ơi mất bò rồi!		
THỊ MẦU: Nhà tao còn ổi trâu!		
(hát ghẹo tiểu)		
Này thầy tiểu ơi!		
Thầy như táo rụng sân đình		
Em như gái rở ¹ , đi rình của chùa.		
Ấy mấy thầy tiểu ơi!		
KÍNH TÂM: Nam mô A di đà Phật.		
TIẾNG ĐẾ: Mầu ơi nhà mày có mấy chị em?		
Có ai như mày không?		
THỊ MẦU: Nhà tao có chín chị em, chỉ có mình tao là chín chắn nhất đấy!		
TIẾNG ĐẾ: Dơ lắm! Mầu ơi!		

➤ Ý kiến của tôi:

a. Đồng tình (với *tiếng đế*). Vì...

b. Không đồng tình (với *tiếng đế*). Vì...

– GV khích lệ HS phát biểu ý kiến riêng. Lưu ý HS dù thể hiện thái độ đồng tình hay không đồng tình với tiếng đế thì cũng cần phải nêu được lí do, thể hiện cách lập luận của bản thân.

❖ Nhân vật Thị Kính

Câu 5:

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thị Mầu lên chùa*. HS rút ra quan điểm của tác giả dân gian về ứng xử của nhân vật Thị Kính.

Gợi ý:

– HS thảo luận nhóm đôi để đúc rút quan điểm của tác giả dân gian về ứng xử của nhân vật Thị Kính.

– GV lưu ý giúp HS nhận ra hoàn cảnh tình huống giả làm thầy tiểu đến tá túc ở chùa của nhân vật. Điều éo le là không thể nói rõ cho Thị Mầu biết thân phận giả trai của mình. Tuy nhiên, Thị Kính không tỏ ra phũ phàng, khinh bỉ Thị Mầu mà chỉ tìm cách tự vệ nhẹ nhàng, kín đáo.

– HS cần hiểu, chia sẻ được điều này: Ứng xử của Thị Kính đầy tính nhân văn; đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, sự khoan dung mực thước của Thị Kính cũng sẽ là lí do dẫn đến nỗi oan của nhân vật này ở phần sau của tác phẩm.

❖ Đặc điểm thể loại và ấn tượng về nhân vật qua VB

Câu 6:

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, đọc hiểu VB *Thị Mầu lên chùa*. HS đưa ra một số dấu hiệu giúp nhận biết thể loại của VB.

Gợi ý:

– HS xem lại các đặc điểm của chèo cổ ở mục *Tri thức Ngữ văn* và tìm các dấu hiệu về nội dung, hình thức, yếu tố, ... giúp nhận biết một VB chèo.

– GV củng cố một số đặc điểm quan trọng của thể loại chèo nói riêng, kịch nói chung.

Câu 7:

Mục tiêu: Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Thị Mầu lên chùa*. HS phát biểu được ấn tượng của mình về một trong hai nhân vật Thị Mầu, Thị Kính qua đoạn trích và giải thích được lí do.

Gợi ý:

– HS đưa ra câu trả lời nêu được ấn tượng sâu sắc của mình về một trong hai nhân vật.

– GV khuyến khích ý kiến cảm nhận cá nhân.

5. DẠY ĐỌC VĂN BẢN TUỒNG HUYỆN TRÌA XỬ ÁN

5.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh hai câu hỏi nêu trong SGK. Cũng có thể nêu câu hỏi gọi cho HS nhớ đến một số nhân vật được xem là thần tượng của việc xử án.

5.2. Đọc văn bản

GV dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

– GV hoặc HS có giọng đọc tốt đọc thị phạm một vài đoạn ngắn hay hoặc khó.

– GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc. HS đọc bằng mắt, thực hiện một số yêu cầu của khâu *Đọc VB*. Lưu ý HS: khi gặp các câu hỏi trong box và những chỗ được đánh dấu, HS dừng lại suy nghĩ nhanh, tự trả lời thầm trong đầu, nhằm tạo thói quen và rèn luyện kĩ năng đọc. GV vừa nói to cách làm, vừa làm mẫu cho HS làm theo.

– GV yêu cầu HS trả lời một vài câu hỏi trong khi đọc để kiểm tra HS đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box *theo dõi/ dự đoán/ suy luận*,... như thế nào. Nhận xét góp ý ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB.

5.3. Sau khi đọc

5.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

7 câu hỏi trong khâu này thiết kế theo nguyên tắc bám sát các YCCĐ của bài học (SGK). GV dựa vào bảng tổng hợp (ma trận) dưới đây để điều phối, kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo tinh thần nêu trên.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản
Huyện Trìa xử án (VB 1 – B)

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của VB chèo hoặc tuồng như: đề tài [a], tính vô danh, tích truyện [b], nhân vật [c], lời thoại [d], phương thức lưu truyền [e].” [1]	[1.a]: câu 5 (vế 1) [1.b]: câu 5 (vế 2) [1.c]: câu 3 (vế 2) [1.d]: câu 1 (a, b, c, d), câu 3 (vế 1) [1.e]: câu 5 (vế 3)
N2: “Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc [a], cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB [b]. Phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB [c]; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong VB chèo/ tuồng [d].” [2]	[2a]: câu 4 [2.b]: câu 5 [2.c]: câu 6

N3: “Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB chèo/ tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.” [3]	[3]: câu 6
N4: YCCĐ tổng hợp [4]	[4]: câu 7

GV lưu ý HS: để có câu trả lời đáng tin cậy, các em cần phải xem lại, củng cố các tri thức Ngữ văn liên quan đến từng câu hỏi/ nhóm câu hỏi. Chẳng hạn cần sử dụng tri thức *tính vô danh, tích truyện, phương thức lưu truyền,...* để trả lời câu 5 (về); tri thức về *nhân vật, lời thoại – ngôn ngữ kịch* để trả lời câu 1 (a, b, c, d), câu 3; tri thức về *tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo* mà người viết thể hiện qua VB kịch,... để trả lời câu 5,...

- Lời thoại và mâu thuẫn – xung đột kịch
- + Lời thoại (*lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại*): 1, 3
- + Mâu thuẫn, xung đột kịch: 2, 6
- Nhân vật Huyện Trìa, cung cách xử án và tiếng cười dân gian: 3, 4
- Nhân vật Huyện Trìa qua lời thoại (*đối thoại, bàng thoại*)
- Đề tài, tình cảm, cảm hứng chủ đạo của VB: 5
- Đặc điểm của tuồng đồ: 5, 7

Dưới đây gợi ý yêu cầu, nội dung và cách thực hiện theo hệ thống câu hỏi.

3.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ Lời thoại và mâu thuẫn – xung đột kịch trong VB tuồng đồ: 1, 2

Câu 1:

Mục tiêu: Với VB này, HS cần nhận biết đặc điểm của ngôn ngữ thơ tuồng đồ qua một số thành tố trong VB như: Lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại của nhân vật và lời chỉ dẫn sân khấu; nhân vật và số lượt lời; hình thức lời thoại bằng thơ; các yếu tố chêm xen để biến lời thơ thành lời thoại khẩu ngữ,... (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Huyện Trìa xử án*).

Gợi ý:

– Với câu 1a: GV cho HS trả lời nhanh. Cũng có thể đưa ra một bảng tổng hợp, đối chiếu để HS nhận biết.

– Với câu 1b: GV cho HS phỏng đoán, rồi thống kê nhanh để trả lời câu hỏi. Kết quả: Huyện Trìa: 6 (với Đề Hầu, Thị Hến, vợ chồng Trùm Sò; bàng thoại, độc thoại, đối thoại); Đề Hầu: 3; Thị Hến: 3; Trùm Sò, vợ chồng Trùm Sò: 2. Điều quan trọng hơn là giải thích lí do. Chẳng hạn, có thể lí giải: Huyện Trìa là người cầm cân nảy mực, vừa ba hoa, vừa muốn làm ra vẻ công minh vừa muốn tán tỉnh, lấy lòng

Thị Hến, lần át Đề Hầu, dọa dẫm Trùm Sò,... Huyện Trìa nắm giữ, thích nói gì thì nói, miệng nhà quan có gang có thép,... tác giả dân gian muốn lật tẩy bản chất của y,... Đó có thể là lí do khiến tác giả để nhân vật này nói nhiều nhất, dài nhất.

– Với câu 1c: Hướng dẫn để HS nhận biết một số đặc điểm của văn vắn như: gieo vần (vần chân, vần liền,...); luân phiên bằng trắc; ngắt nhịp và ngắt dòng theo kiểu dòng thơ năm chữ, bảy chữ,...

– Với câu 1d: Để trả lời câu hỏi này GV thử cho HS so sánh:

So sánh 1: giúp HS nhận biết thêm từ ngữ trong ngoặc đơn là để tăng tính khẩu ngữ và lời thưa bẩm, làm rõ lối nịnh trên nạt dưới (thượng đối hạ đáp), tư tình với Thị Hến của Đề Hầu.

Lời thoại văn bản có các từ ngữ trong ngoặc đơn	Lời thoại lược bỏ từ ngữ trong ngoặc đơn
ĐỀ HẦU: (– Dạ, thưa quan bọn này) Trộm của Trùm Sò đêm trước Vu cho Thị Hến hôm qua Bắt tới chốn huyện nha, Xin ngài ra xử đoán. Vả chúng nó thiệt đoàn du đảng Nhà Trùm Sò nên đáng phú gia: Tội vu tang luật nọ khó tha Nghiệm tình trạng lẽ không nên thứ.	ĐỀ HẦU: Trộm của Trùm Sò đêm trước Vu cho Thị Hến hôm qua Bắt tới chốn huyện nha, Xin ngài ra xử đoán. Vả chúng nó thiệt đoàn du đảng Nhà Trùm Sò nên đáng phú gia: Tội vu tang luật nọ khó tha Nghiệm tình trạng lẽ không nên thứ.

So sánh 2: giúp HS nhận ra cách thêm từ trong ngoặc đơn là để tăng tính khẩu ngữ và mức độ thân mật trong lời Huyện Trìa với Thị Hến.

Lời thoại văn bản có các từ ngữ trong ngoặc đơn	Lời thoại lược bỏ từ ngữ trong ngoặc đơn
HUYỆN TRÌA: Này Thị Hến! Việc phải, không, vốn ta chưa tỏ, Thấy đơn cô chút chạnh lòng thương (Em) Phải năng lên hầu gần quan (Thời) Ai dám nói vu oan gieo hoạ.	HUYỆN TRÌA: Này Thị Hến! Việc phải, không, vốn ta chưa tỏ, Thấy đơn cô chút chạnh lòng thương Phải năng lên hầu gần quan Ai dám nói vu oan gieo hoạ.

Lưu ý chỉ có hai nhân vật nói một mình là Huyện và Đề.

Câu 2:

Mục tiêu: HS chỉ ra được mâu thuẫn giữa các nhân vật trước và trong phiên toà; phân tích nguyên nhân làm nảy sinh, chuyển hoá mâu thuẫn (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB Huyện Trìa xử án).

Gợi ý:

Để chỉ ra mâu thuẫn giữa các nhân vật trước và trong phiên toà, GV cho HS:

– Đọc tìm hiểu lại box tri thức bổ trợ về tác phẩm; định vị sự việc diễn ra trong đoạn trích, xác định mâu thuẫn xảy ra trước phiên xử của Huyện Trìa qua đoạn tóm tắt dưới đây (tr.118, SGK):

Trần Ốc, một gã kẻ trộm, nhờ thầy bói là Lữ Ngao gieo quẻ chỉ hướng vào ăn trộm nhà Trùm Sò – một trọc phú trong vùng. Ốc đem của trộm được bán cho Thị Hến, một gái goá trẻ đẹp, ma mãnh. Trùm Sò báo với lí trưởng (Lí Hà), thuê phù thủy dùng bùa phép tìm kẻ gian. Một tên gia đình của Thị Hến, vì bất bình với cách đối xử cay nghiệt của Thị Hến, đã có lời nói hớ hênh, khiến tang vật do Ốc lấy cắp từ nhà Trùm Sò bị phát giác. Lí Hà giam giữ Thị Hến cùng tang vật. Đề Hẫu xuất hiện, thấy Thị Hến xinh đẹp, có ý bênh vực thị. Sau đó, cả bọn bị giải lên huyện để quan xét xử.

HS thảo luận và xác định:

Trước phiên toà, các mâu thuẫn nảy sinh chồng chéo, liên quan đến vụ bắt giữ, kiện tụng:

- Mâu thuẫn giữa trộm Ốc, Lữ Ngao với vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà [1]
- Mâu thuẫn giữa vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà với Thị Hến [2]
- Mâu thuẫn giữa vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà với Đề Hẫu [3]

Trong phiên toà, các mâu thuẫn cũ tiếp tục phát triển:

- Mâu thuẫn giữa vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà với Thị Hến [2]
- Mâu thuẫn giữa vợ chồng Trùm Sò, Lí Hà với Đề Hẫu [3]

Đồng thời nảy sinh thêm các mâu thuẫn mới:

- Mâu thuẫn Huyện Trìa với Đề Hẫu [4]
- Mâu thuẫn Huyện Trìa với vợ chồng Trùm Sò [5]

Nguyên nhân làm nảy sinh mâu thuẫn mới và trở thành mâu thuẫn chính trong các màn kịch là do Đề Hẫu và Huyện Trìa đều mê nhan sắc Thị Hến, đều muốn lấy lòng, ban ơn cho thị và xử ép Trùm Sò.

❖ **Nhân vật Huyện Trìa, cung cách xử án và tiếng cười dân gian: 3, 4**

Câu 3:

Mục tiêu: Nhận xét tính cách của Huyện Trìa qua ngôn ngữ đàm thoại, đối thoại, độc thoại của ông ta (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Huyện Trìa xử án*).

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu trên theo các bước:

(1) Nhận biết và chỉ ra một số lời bâng thoai, độc thoai, đối thoai của nhân vật Huyện Trìa.

(2) Phân tích tính cách Huyện Trìa qua các loại lời thoai.

Bâng thoai (Ví dụ; tác dụng)	Độc thoai (Ví dụ; tác dụng)	Đối thoai (Ví dụ; tác dụng)
Ví dụ: – Tri huyện Trìa là mỗ ... Luật không hay (thời ta) xử theo trí, Thẳng tay một mực ăn tiền./ Đơn từ già, trẻ, lạ quen./ Nhắm mắt đánh đòn phát lạc./ Chỗ nào nhắm tốt tiền tốt bạc/ Lễ phù lưu hết mấy cũng lo./ Quan ở trên dù cú, hay cò/ Đồ hành khiển nhiều mâm cũng đặt.	Ví dụ: – Đã biết mặt lão Đề hay nói bậy/ Còn giờ hàm chú Lại nói cò cưa/ Lưng cù chầy hình khéo bơ sờ./ Mồm xà cáng vinh râu ngoe ngoét.	Ví dụ: – Này Thị Hến!/ Việc phải, không, vốn ta chưa tỏ./ Thấy đơn cô chút chạnh lòng thương/ (Em) Phải nâng lên hầu gần quan (Thời)/ Ai dám nói vu oan gieo hoạ. ... – Nguyên tang không phải đó./ Tình trạng nghiệm là phi./ Ý phú gia hống hách./ Hiếp quả phụ thân cô./ Cứ lấy đúng pháp công./ Tội cả vợ lẫn chồng./ (Thôi) Ta thứ liền ông, liền mẹ.
Tác dụng: Bâng thoai tự hoạ chân dung của Huyện Trìa: một viên quan sâu một với nhiều thói xấu.	Tác dụng: Độc thoai tự bộc lộ tính cách hách dịch, đố kỵ của Huyện Trìa trong quan hệ với thuộc cấp (Đề Hẩu).	Tác dụng: Đối thoai, phán quyết phơi bày lối xưng hô thờ lợ, xử kiện thiên vị, bất minh với động cơ mờ ám của Huyện Trìa.

(3) Nhận định chung về tính cách của Huyện Trìa:

– Qua lời những lời bâng thoai, độc thoai: Huyện Trìa là viên quan mang nhiều thói hư tật xấu như háo sắc, đại gái, sợ vợ; tham tiền; thích nhàn hạ hưởng thụ, chênh mảng việc công; đội trên (lo lót quan trên) đạp dưới (mắng nhiếc thuộc cấp); xử án ăn tiền, bất cần luật lệ,...

– Qua những lời đối thoai, phán quyết trong phiên toà: Quan huyện Trìa xử kiện bất minh. Vì háo sắc, Huyện Trìa ngang nhiên biến công đường thành nơi tán tỉnh gái goá, xưng hô thờ lợ; xét xử thiên vị, tùy tiện, bất minh (không quan tâm đến sự thật ai đúng, ai sai, ai vô tội, ai có tội,...).

– ...

– Màn kịch đã kết hợp và phát huy tác dụng của ngôn ngữ bâng thoai, độc thoai với đối thoai trong tuồng đồ để lột trần bản chất xấu xa, đen tối của nhân vật Huyện Trìa – một hình tượng biếm hoạ có ý nghĩa phê phán sâu sắc.

Câu 4:

Mục tiêu: Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ kịch trong VB (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Huyện Trĩ xử án*).

Gợi ý:

GV gợi ý HS thực hiện theo các bước:

(1) Củng cố nhận thức về đặc trưng của kịch và việc đọc hiểu VB kịch (bao gồm kịch bản tuồng/ chèo): Tất cả đều thể hiện qua ngôn ngữ nhân vật gắn với mâu thuẫn, xung đột và cách dẫn dắt, giải quyết mâu thuẫn xung đột trong VB.

(2) Xác định các dấu hiệu, manh mối gián tiếp giúp nhận biết tình cảm, cảm xúc đối với sự việc, nhân vật của tác giả dân gian qua ngôn ngữ tuồng. GV giải thích và lấy ví dụ hay cho HS lấy ví dụ về các biểu hiện gián tiếp như:

a) Qua cách miêu tả sự việc/ hành động của nhân vật với thái độ đồng tình, ngợi ca hay bất đồng, phê phán,... (Hành động của nhân vật bao gồm: việc làm, động tác, hành vi, lời nói, suy nghĩ,... của nhân vật biểu hiện ra bên ngoài); cách dùng từ ngữ xung hô, đặt tên nhân vật. Ví dụ: tình cảm, cảm xúc của tác giả gián tiếp bộc lộ qua quan niệm, suy nghĩ, cách hành xử của Huyện Trĩ đối với vai trò, chức trách “đèn trời soi xét” của mình và cung cách xử án của y trong vụ việc liên quan đến Trùm Sò – Thị Hến; cái tên *Trĩ* (bên cạnh những cái tên *Hầu*, *Sò*, *Nghêu*, *Hến*,...) mà tác giả đặt cho nhân vật này cũng là một cách thể hiện thái độ, tình cảm.

b) Qua đối thoại, độc thoại thể hiện thái độ, tình cảm, nhận xét của nhân vật khác đối với sự việc/ nhân vật. Ví dụ: đối thoại, độc thoại thể hiện thái độ, tình cảm, nhận xét của nhân vật Đề Hầu đối với Huyện Trĩ hay của Huyện Trĩ đối với Đề Hầu.

(3) Xác định và nhận xét tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua ngôn ngữ kịch trong *Huyện Trĩ xử án*.

GV hướng dẫn HS nhận xét tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với sự việc; nhân vật/ nhóm nhân vật thể hiện qua ngôn ngữ kịch trong *Huyện Trĩ xử án*. Ví dụ theo nhóm nhân vật:

Huyện Trĩ – Đề Hầu, những kẻ “cầm cân nảy mực” thực thi công lí: phê phán, cười cợt. Cách miêu tả các nét tính cách của Huyện Trĩ qua bàn thoại, độc thoại, đối thoại (đã phân tích ở câu 3) cho thấy điều đó.

Điều quan trọng là giúp HS tập nhận xét dựa trên những bằng chứng lấy từ VB, tránh lối phân xét cảm tính, chung chung.

❖ **Đề tài, cảm hứng chủ đạo và phương thức sáng tác, lưu truyền**

Câu 5:

Mục tiêu: Xác định đề tài, cảm hứng chủ đạo của VB; nguồn gốc tích truyện; phương thức sáng tác, lưu truyền (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Huyện Trĩ xử án*).

Gợi ý:

1. Với yêu cầu xác định đề tài, cảm hứng chủ đạo GV có thể hướng dẫn, tổ chức cho HS làm việc nhóm theo các bước:

– Củng cố nhận thức về các khái niệm “đề tài”, “cảm hứng chủ đạo”.

– Khái quát và phát biểu đề tài, cảm hứng chủ đạo của VB *Huyện Trìa xử án*; báo cáo nhận xét về sản phẩm.

Đáp án tham khảo:

– *Đề tài*: những trò lố ở chốn huyện đường.

– *Cảm hứng chủ đạo*: phê phán, chế giễu cung cách xử án tùy tiện, bất chấp sự thật của những kẻ đại diện cho chính quyền nông thôn như Huyện Trìa, Đề Hầu.

2. Với yêu cầu xác định nguồn gốc tích truyện; phương thức sáng tác, lưu truyền, GV có thể cho HS thảo luận và trả lời nhanh.

Đáp án tham khảo:

– *Nguồn gốc tích truyện*: được xây dựng từ mô-típ truyện kể dân gian, ví dụ: mô-típ “mắc lỡm” các nhân vật nam háo sắc bị người nữ cài vào tình thế phải chui xuống gầm giường, chui vào bu nhốt gà, treo lên giả làm cái chuông (khi bị thử đánh thì kêu lên “Na-mô-boong!”),...

– *Phương thức sáng tác, lưu truyền*: truyền miệng nên có các dị bản. GV chỉ ra một số khác biệt giữa các dị bản để HS hiểu vấn đề.

Ví dụ bản *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* do Hoàng Trọng Miên giới thiệu, Nhà xuất bản Đào Tấn, 1967, chỉ gồm 15 lớp (thiếu đi 4 lớp so với bản hiện dùng trong SGK *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo*), nhân vật “Sư Nghêu” được gọi là “Thầy Nghêu”.

❖ **Cảm nhận về kết quả của phiên toà và những lưu ý về cách đọc VB tuồng**

Câu 6:

Mục tiêu: Phát biểu nhận xét gì về kết quả của phiên toà (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Huyện Trìa xử án*).

Gợi ý:

GV hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

(1) Đọc kĩ ba đoạn thoại: lời phán cuối cùng của Huyện Trìa, lời than của Trùm Sò, lời tri ân của Thị Hến.

Huyện Trìa phán:

– Thế lão Lại đã bày,

Làm tờ khai cho nó,

Nguyên tang không phải đó,

Tình trạng nghiệm là phi.

Ý phú gia hống hách,
 Hiếp quả phụ thân cô,
 Cứ lấy đúng pháp công,
 Tội cả vợ lẫn chồng,
 (Thôi) Ta thứ liền ông, liền mẹ.

(2) So sánh hai đoạn thoại của “bên nguyên” (vợ chồng Trùm Sò, nạn nhân mất cửa), “bên bị” (Thị Hến mua chúa của gian từ tên trộm Ốc):

LỜI VỢ CHỒNG TRÙM SÒ	LỜI THỊ HẾN
– Trời cao kêu chẳng thấu, Quan lớn dạy phải vâng, Cúi đầu tạ dưới sân, Xin lui về bốn quán. (Hạ)	– Trông ơn quan lớn Cúi xét phận hèn Ôn huyện đang biết lấy chi đền? Hỏi gia nội sẽ toan báo đáp. (Hạ)

Câu 7:

Mục tiêu: HS nêu được một số lưu ý khi đọc phân tích VB chèo nói riêng, VB kịch nói chung (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Huyện Trĩ* xứ án).

Gợi ý:

– HS xem lại các đặc điểm của tuồng đồ ở mục *Tri thức Ngữ văn* và tìm các dấu hiệu về nội dung, hình thức, yếu tố,... từ đó rút ra một số lưu ý khi đọc, phân tích VB tuồng.

– GV củng cố một số đặc điểm quan trọng của thể loại tuồng nói riêng, kịch nói chung và những lưu ý khi đọc, phân tích các VB thuộc loại thể này.

6. DẠY ĐỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM ĐÀN GHI-TA PHÍM LỖM TRONG DÀN NHẠC CÁI LƯƠNG

Bài đọc này có bốn câu hỏi tạo các điểm nhấn về chủ điểm nghệ thuật truyền thống.

Dưới đây là một số gợi ý về cách thực hiện:

Câu 1:

Yêu cầu 1: HS vẽ sơ đồ ý chính (thông tin cơ bản) và hệ thống ý phụ (thông tin chi tiết/ khía cạnh). GV hướng dẫn thực hiện theo hai bước:

(1) Xác định ý chính – thông tin cơ bản (căn cứ vào nhan đề VB) và các ý phụ – thông tin chi tiết/ khía cạnh (căn cứ vào từng phần với đề mục và nội dung cụ thể).

(2) Thiết kế sơ đồ và đưa các thông tin vào sơ đồ theo đúng thứ bậc.

– *Thông tin cơ bản:* Vai trò của đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương.

– Thông tin chi tiết:

- + Giới thiệu chung về đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương.
- + Nguồn gốc đàn ghi-ta phím lõm và sáng tạo của các nghệ sĩ Việt Nam.
- + Ưu thế của đàn ghi-ta phím lõm: âm độ rộng, âm sắc phong phú, kỹ thuật nhấn nhá đa dạng.
- + Một số nghệ sĩ nổi tiếng với cây đàn ghi-ta phím lõm.
- + Thực tế cho thấy đàn ghi-ta phím lõm ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng của mình trong dàn nhạc cải lương.

Yêu cầu 2: HS dựa vào VB, đối chiếu lời thuyết minh từng phần với hình ảnh minh hoạ để trả lời câu hỏi.

Câu 2: Tác dụng của sơ đồ nhánh ở Hình 2.



Hình 2: Các nhạc cụ phổ biến trong dàn nhạc cải lương

Tác dụng: Trực quan và phân loại hệ thống hoá (từ tổng thể đến chi tiết).

Chẳng hạn, sơ đồ trên vừa cho thấy tổng thể các bộ nhạc cụ vừa cho thấy các nhạc cụ chính trong dàn nhạc cải lương, cách phân loại, gọi tên bộ nhạc cụ/ nhạc cụ theo thứ bậc hợp lí. Bậc thứ nhất “Dàn nhạc cải lương”; bậc thứ hai gồm 4 nhánh tương ứng với 4 bộ nhạc cụ: “Bộ gõ”, “Bộ gảy”, “Bộ kéo”, “Bộ thổi” (tên các bộ được đặt theo cách thức tạo ra âm thanh); mỗi bộ là một tập hợp các nhạc cụ có chức năng, đặc điểm gần gũi; mức độ phong phú của nhạc cụ trong các bộ có thể khác nhau. Ví dụ: “Bộ gảy” có đến 3 loại nhạc cụ, các bộ khác có thể chỉ gồm 1 nhạc cụ.

Câu 3: HS trả lời từ hiểu biết của mình, có thể nói đến: nghệ thuật cải lương “tân cổ giao duyên”, chèo cách tân, múa rối cách tân,...

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

A. Với phương án đọc hiểu văn bản chèo cổ *Xã Trưởng – Mẹ Đốp*

GV nêu một số lưu ý và hướng dẫn nhanh cách thức đọc hiểu VB mở rộng theo thể loại đối với VB chèo cổ *Xã trưởng – Mẹ Đốp*, lưu ý thêm về các thủ pháp trào phúng và giá trị phê phán của tiếng cười dân gian trong chèo cổ.

B. Với phương án đọc hiểu văn bản tuồng đồ *Đề Hầu, Huyện Trià, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến*

GV nêu một số lưu ý và hướng dẫn nhanh cách thức đọc hiểu VB mở rộng theo thể loại đối với VB tuồng đồ *Đề Hầu, Huyện Trià, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến*, lưu ý thêm các thủ pháp trào phúng và giá trị phê phán của tiếng cười dân gian trong tuồng đồ.

Ngoài ra, GV cần lưu ý HS chuẩn bị cho bài tập đọc sáng tạo sau khi đọc hiểu VB chèo cổ hoặc VB tuồng đồ, tạo cơ hội cho HS thể hiện khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, mỗi nhóm học tập.

8. DẠY HỌC PHẦN TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1:

Yêu cầu a: GV tổ chức hoạt động này theo các bước:

– Nhắc HS xem lại tác dụng của việc sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong VB thông tin (dạng thuyết minh tổng hợp).

– Đối chiếu các hình minh hoạ trong bài với các đoạn thuyết minh bằng lời trong VB và đưa ra câu trả lời về tác dụng minh hoạ gợi mở của các hình ảnh được sử dụng trong VB *Đàn ghi-ta phím lõm trong dàn nhạc cải lương*.

– GV lưu ý HS vừa nêu được tác dụng chung của cả 3 hình minh hoạ vừa lưu ý đến tác dụng riêng của mỗi hình (Hình 1: *Cần đàn ghi-ta thường và cần đàn ghi-ta phím lõm* (tr.124); Hình 2: *Các nhạc cụ phổ biến trong dàn nhạc cải lương* (tr.125); Hình 3: *Đàn ghi-ta phím lõm trên sân khấu cải lương với nghệ sĩ đàn ghi-ta phím lõm và nghệ sĩ ca cải lương*).

Yêu cầu b: GV lưu ý HS quan sát, tìm hiểu kĩ và đưa ra được câu trả lời cụ thể với hai ý theo yêu cầu của bài tập:

– Độ dài của phần chú thích hình ảnh.

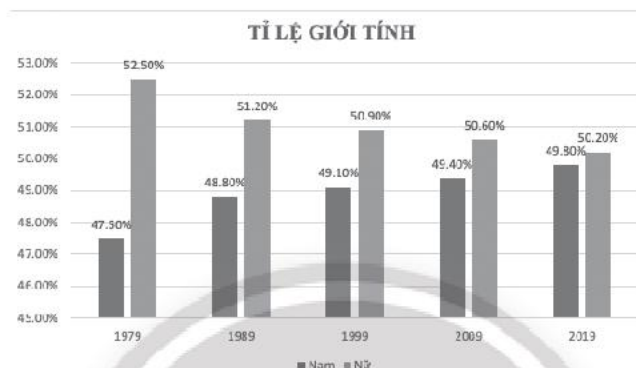
– Mối liên hệ giữa hình ảnh và phần chú thích với VB chính,...

Bài tập 2: Bài tập đưa ra một số dạng *biểu đồ cột* (Hình 1. **Tổng dân số**), *biểu đồ đường* (Hình 2. **Tỉ lệ tăng dân số**), *biểu đồ tròn* (Hình 3. **Tỉ lệ giới tính**) và hỏi về khả năng thay thế.

GV cho HS thảo luận nhóm: thử đưa ra một số khả năng thay thế (Ví dụ, thay *biểu đồ tròn* (hình 3) về tỉ lệ giới tính bằng *biểu đồ đường* (hình 2) hay *biểu đồ cột* (hình 1). HS dễ dàng đưa ra kết luận:

– *Biểu đồ tròn* dùng để mô tả tỉ lệ các thành phần trong một tổng thể (100%). *Biểu đồ đường* thể hiện tiến trình phát triển của một đối tượng hay một nhóm đối tượng nào đó qua thời gian. *Biểu đồ cột* mô tả sự phát triển của một đối tượng, so sánh tương quan về độ lớn giữa các đại lượng.

– *Dạng biểu đồ tròn* (hình 3) thường không dùng thay thế cho *biểu đồ cột* (hình 1) hoặc *biểu đồ đường* (hình 2) và ngược lại, vì *biểu đồ tròn* mô tả tỉ lệ các thành phần trong một tổng thể (100%) trong khi hai loại biểu đồ kia không có tác dụng như vậy. Tuy nhiên, cần lưu ý, trong trường hợp này, chúng ta vẫn có thể dùng *biểu đồ cột* để mô tả các số liệu về tỉ lệ giới tính trong *biểu đồ tròn* (hình 3) như sau:



– *Dạng biểu đồ cột* (hình 1) và *biểu đồ đường* (hình 2) thường có thể thay thế cho nhau vì cùng có tác dụng mô tả tiến trình phát triển của một đối tượng hoặc so sánh độ lớn giữa các đại lượng. Tuy nhiên, khi cần biểu thị tiến trình phát triển của nhiều đối tượng thì dạng *biểu đồ đường* sẽ phù hợp hơn.

Kết luận: Mỗi dạng biểu đồ thường có chức năng, ưu thế riêng trong việc truyền tải thông tin, minh họa thông tin. Người viết VB thông tin thường phải cân nhắc rất kĩ khi thiết kế biểu đồ mô tả các số liệu. Trong trường hợp cần và có thể thay thế thì phải cân nhắc kĩ và có những điều chỉnh cho phù hợp.

Bài tập 3: GV giao nhiệm vụ cho HS sưu tầm ít nhất một VB thông tin trên sách báo, trong đó có sử dụng biểu đồ, sau đó, yêu cầu HS giải thích tác dụng của biểu đồ đó.

8.2. Từ đọc đến viết

Lưu ý: yêu cầu của dạng bài tập này là nghĩ nhanh, viết nhanh. Tuy vậy để có sản phẩm đạt yêu cầu về nội dung, hình thức, thời hạn, người viết cần luyện tập để thực hiện thao tác theo quy trình.

– Xác định đề tài, tìm ý tưởng cho đoạn văn; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ nên sử dụng (ảnh minh họa, sơ đồ, biểu đồ,...).

– Phác nhanh một bố cục: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.

– Viết nhanh theo bố cục.

– Xem lại và chỉnh sửa nhanh.

DẠY HỌC PHẦN VIẾT

Lưu ý chung: Mục tiêu thực hành viết của bài học này thể hiện qua YCCĐ, đã được nêu rõ từ đầu bài học: “Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng”. Tuy rằng chương trình cho phép GV và HS chọn một trong hai kiểu VB để thực hiện nhưng SGK đã thiết kế đầy đủ cả hai kiểu bài.

1. DẠY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

Trong SGK các mục *Tri thức về kiểu bài, Đọc ngữ liệu tham khảo* (kèm theo hệ thống câu hỏi tìm hiểu cách viết theo kiểu bài) đều được hướng dẫn chi tiết cụ thể. GV dựa vào đó để hướng dẫn HS thực hiện.

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

GV cần dành thời gian thoả đáng để HS học cách viết qua việc đọc hiểu (trực quan) các ngữ liệu tham khảo (bản nội quy của cơ quan quản lí công viên Đặng Thuỳ Trâm, P.13, Q. Bình Thạnh) và bản hướng dẫn sử dụng một thiết bị nơi công cộng (sử dụng thang máy).

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Giao đề bài

Yêu cầu của đề bài thực hành viết bản nội quy là “viết bản nội quy cho câu lạc bộ ngoại khoá mà bạn tham gia”.

Yêu cầu của đề bài thực hành viết bản hướng dẫn nơi công cộng là: “viết bản hướng dẫn thủ tục đăng kí sinh hoạt một câu lạc bộ được tổ chức trong trường học” hoặc: “viết bản hướng dẫn cách sử dụng một trong những thiết bị thông dụng nơi công cộng (thiết bị phòng vệ sinh, thiết bị điện liên quan đến âm thanh, ánh sáng, máy chiếu trong phòng học,...)”.

3.2. Hướng dẫn học sinh thực hành quy trình viết

Bước 1: Xác định đề tài

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Bước 3: Viết bài

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Với từng bước như trên SGK đã có hướng dẫn khá tỉ mỉ và kĩ lưỡng. Ở đây chỉ lưu ý thêm một số điểm như sau:

– Đề bài có tính mở và là đề bài nêu nhiệm vụ chung, nhưng sản phẩm thực hành phải là sản phẩm riêng của từng cá nhân hay từng nhóm HS.

Tuy cùng viết “bản hướng dẫn cách sử dụng một trong những thiết bị thông dụng nơi công cộng” nhưng HS này có thể viết về cách sử dụng “thiết bị phòng vệ sinh”, HS khác viết về cách sử dụng “thiết bị điện liên quan đến âm thanh, ánh sáng”, HS khác nữa viết về cách sử dụng “máy chiếu trong phòng học”, ...

– GV một mặt phải hướng dẫn rõ các thao tác để HS cả lớp đều hiểu, đều áp dụng được quy trình chung 4 bước nêu trên, mặt khác cũng cần phải quan tâm hướng dẫn đối với từng nhóm, từng cá nhân để HS có thể tạo được các sản phẩm riêng. Bởi vì, cá nhân/ nhóm sau khi thực hiện bước 1 (Xác định đề tài) và có được đề tài riêng cho bài viết (ví dụ nội quy, thiết bị cụ thể,...) thì từ bước 2 trở đi, các hoạt động “tìm ý, lập dàn ý”, “viết bài”, “xem lại và chỉnh sửa” (bao gồm việc sử dụng bảng kiểm, tự đánh giá) đều gắn với đề tài riêng và phải tạo được sản phẩm riêng mang tính khác biệt rất cao.

– Thành công của việc dạy thực hành viết theo quy trình ở đây là HS càng học càng thành thạo về quy trình chung, nhưng việc thành thạo quy trình chung phải nhằm giúp HS tạo ra được các sản phẩm riêng mang tính khác biệt.

DAY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

Lưu ý chung: Mục tiêu thực hành nói và nghe của bài học này thể hiện qua YCCĐ, đã được nêu rõ từ đầu bài học: “Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó”.

Nội dung quy trình, cách thức thực hiện các hoạt động nói và nghe đã được biên soạn với các gợi dẫn khá cụ thể trong SGK. Hơn nữa, GV và HS cũng đã quen với việc tổ chức và thực hiện hoạt động nói và nghe qua các bài học trước. Dưới đây, xin nêu một số lưu ý.

– Trước khi hướng dẫn HS thực hành nói và nghe theo quy trình GV cần nêu rõ định hướng chung cho hoạt động bằng cách nêu và trả lời một số câu hỏi liên quan. Chẳng hạn: *Vì sao cần thảo luận về các vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau? Mỗi thành viên cần có thái độ, cách thức ứng xử thế nào? Thế nào là một cuộc thảo luận về một vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau thành công?* Với những câu hỏi này, GV có thể nhắc HS tìm kiếm câu trả lời trong phần lời dẫn vào bài học ở tr.146 (SGK).

– Đề tài thực hành gợi ý là: “tổ chức một buổi thảo luận trên lớp, nhằm thống nhất những quy định để đưa vào bản nội quy về văn hoá ứng xử trong lớp học” liên quan đến câu hỏi: “học sinh cần ứng xử như thế nào trong môi trường học đường?”. GV cần lưu ý tạo sự kết nối nội dung và mục tiêu của phần này với nội dung và mục tiêu của phần Viết.

– Việc tổ chức hoạt động nói và nghe ở đây cần được thực hiện theo quy trình đã nêu trong SGK, gồm ba bước:

Bước 1: Chuẩn bị

Bước 2: Thảo luận

Bước 3: Đánh giá

– Nhấn mạnh một số trọng tâm liên quan trực tiếp đến mục tiêu bài học nói và nghe nêu trong bảng kiểm. Chẳng hạn:

Khi trả lời phản hồi:

NỘI DUNG KIỂM TRA		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
Khi trả lời phản hồi	Có thái độ chừng mực khi tiếp nhận các ý kiến trái chiều từ các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có lập luận rõ ràng, thuyết phục khi phản hồi các ý kiến trái chiều.		

Khi tham gia thảo luận:

NỘI DUNG KIỂM TRA		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
Khi tham gia thảo luận	Chú ý lắng nghe và ghi chép các ý kiến khác của các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có ý kiến phản hồi và trao đổi nghiêm túc với các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có ngôn ngữ trao đổi khách quan, trung tính, không công kích cá nhân.		

ÔN TẬP

Mục tiêu của phần *Ôn tập* cuối bài cũng là mục tiêu chung của bài học (xoay quanh các YCCĐ về đọc, viết, nói và nghe và về phẩm chất đã nêu ở đầu bài học) theo hướng khái quát và có nâng cao ít nhiều. Trước khi HS thực hiện các câu hỏi, bài tập ôn tập, GV cần lưu ý HS xem lại các YCCĐ nói trên. Điều này một mặt bảo đảm cho mọi hoạt động của bài học không đi chệch khỏi mục tiêu bài học, mặt khác giúp củng cố ở HS ý thức về mục tiêu của hoạt động học tập.

Một số gợi ý cụ thể về cách tổ chức thực hiện các nội dung ôn tập:

1. Với VB chèo, GV hướng dẫn tổ chức cho HS thảo luận nhóm và hoàn thành bảng tổng hợp để thuyết trình trước lớp. Chẳng hạn:

Những điểm nổi bật của chèo cổ qua hai văn bản đã đọc

Văn bản	Xung đột chính trong cốt truyện	Đặc điểm ngôn ngữ của nhân vật	Diễn biến tâm lí nhân vật	Đặc điểm tính cách nhân vật
1. Thị Mầu lên chùa	Thị Mầu >< Thị Kính Thị Mầu: khát vọng tình yêu nồng nhiệt dành cho chú tiểu Thị Kính >< Thị Kính: không thể đáp nhận tình cảm của Thị Mầu vì vừa là phận gái giả trai, vừa là người nương mình chốn tu hành.	Thị Mầu: táo tợn, nồng nhiệt, lẳng lơ Thị Kính: đoan chính, kín đáo	Tâm lí của Thị Mầu: ngạc nhiên, mê đắm, liều lĩnh Tâm lí của Thị Kính: sợ sệt, bất an	Thị Mầu: khao khát tình yêu đến lộ liễu, lẳng lơ Thị Kính: đoan chính, số phận éo le

2. Xã trưởng – Mẹ Đốp	Mẹ Đốp >< Xã trưởng Mẹ Đốp: hiện thân cho người dân bị xem là hèn kém nhưng ứng đáp hoạt bát, thông minh >< Xã trưởng: hiện thân những kẻ cai trị ở làng xã hách dịch bày đặt những thứ lệ làng “xôi thịt”, nhiều khe.	Mẹ Đốp: lém lỉnh, hài hước, sắc sảo Xã trưởng: ồm ồm, vừa lọc lõi vừa ngớ ngẩn	Mẹ Đốp: tự tin, làm chủ tình huống Lí trưởng: ngờ vực, bị động trước tình huống	Mẹ Đốp: Người bình dân hoạt bát, thông minh,... Xã trưởng: cửa quyền hách dịch,...
------------------------------	--	---	--	---

Với VB tưởng, GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm và hoàn thành bản tổng hợp để thuyết trình trước lớp. Chẳng hạn:

Những điểm nổi bật của tưởng đồ qua hai văn bản đã đọc

Văn bản	Mâu thuẫn, xung đột chính trong cốt truyện	Đặc điểm, tính cách của các nhân vật	Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả	Cảm hứng chủ đạo
1. Huyện Trià xử án	– Huyện Trià trong vai trò quan toà >< Huyện Trià gã đàn ông hách dịch; – Những kẻ đại diện cho huyện đường >< những người liên can đến vụ trộm	– Huyện Trià: hiện thân cho nhiều thói xấu của quan lại, xử án bất minh, thiên vị bất chấp công lí – Thị Hến: là tòng phạm, ỷ vào nhan sắc, ăn nói đong đưa,...	Thể hiện qua cách đặt tên nhân vật; xung đột giữa các nhân vật hiện thân cho cái thấp kém; hành động, lời thoại (đối thoại, độc thoại, bàng thoại) của nhân vật.	Phê phán thói xấu và lối xử kiện mờ ám của quan lại chốn huyện đường.
2. Huyện Trià, Để Hấu, Thầy Nghêu mắc lờm Thị Hến	Thói hách dịch của Huyện Trià, Để Hấu, Thầy Nghêu >< Thị Hến và cạm bẫy do Thị bày ra	– Thầy Nghêu: kẻ đội lốt tu hành; hách dịch; – Để Hấu: vì hách dịch sẵn sàng phản thầy – Huyện Trià: hách dịch và sợ vợ,...	Thể hiện qua cách đặt tên nhân vật; xung đột giữa các nhân vật hiện thân cho cái thấp kém; hành động, lời đối thoại của nhân vật.	Vạch trần thói hách dịch, đại giá, xấu xa, bỉ ổi của hạng quan lại, để lại, kẻ đội lốt thầy tu – những kẻ mắc lờm.

2. GV hướng dẫn HS dựa vào tri thức về kiểu bài, ngữ liệu tham khảo và những gì đã luyện tập được trong bài học để nêu lên các lưu ý kèm những lời giải thích cần thiết. Có thể cho phép HS chọn trình bày các lưu ý khi viết một bản nội quy, hoặc khi viết bản hướng dẫn ở nơi công cộng, nhưng sau đó nên tổng hợp thành một số lưu ý chung đối với cả hai kiểu bài.

3. Từ kết quả trình bày lưu ý về hai kiểu bài (viết một bản nội quy, viết bản hướng dẫn ở nơi công cộng), GV cho HS so sánh để tìm ra một số điểm khác biệt giữa hai kiểu bài. Trong đó, cần nhấn mạnh sự khác biệt về chức năng mục đích, yêu cầu khi viết mỗi loại VB. Chẳng hạn, một số điểm khác biệt cần nhấn mạnh:

Đặc điểm, yêu cầu	Bản nội quy	Bản hướng dẫn nơi công cộng
Đặc điểm	Là một dạng VB thông tin, do cơ quan quản lý địa điểm công cộng ban hành, trình bày những quy định, quy tắc xử sự mà mọi người cần tuân thủ khi đến một cơ quan, tổ chức hoặc địa điểm công cộng nào đó, nhằm đảm bảo trật tự và an ninh cho cộng đồng.	Là một dạng VB thông tin hướng dẫn quy cách và quy trình thực hiện một hoạt động , nhằm đảm bảo các yêu cầu về trật tự, y tế, văn hoá, an ninh, đồng thời bảo đảm tính hiệu quả, an toàn cho mọi người tham gia hoạt động.
Yêu cầu đối với kiểu bài	• Trình bày đầy đủ các quy định, quy tắc cần tuân thủ. • Ghi rõ tên cơ quan quản lý địa điểm công cộng. • Mỗi quy định, quy tắc trong bản nội quy phải được diễn đạt thành một câu hay một đoạn và được đánh dấu bằng kí hiệu (chữ số hoặc kí hiệu khác) phù hợp.	• Nêu tên bản hướng dẫn ở nơi công cộng rõ ràng, chính xác. • Quy cách thực hiện hoạt động được cụ thể hoá/ sơ đồ hoá thành các công đoạn, thao tác hay các chi tiết, kí hiệu trong hình vẽ,... dễ hiểu, dễ thực hiện. • Trình bày rõ ràng, thường kết hợp các màu sắc, kết hợp lời văn với hình ảnh, sơ đồ,... dễ đọc, gây được sự chú ý. • Kết hợp sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, biểu bảng,...) hỗ trợ cho việc hướng dẫn trong trường hợp cần thiết.

4. Đây là câu hỏi mở, HS có thể suy nghĩ và phát biểu ý kiến khá tự do về ý nghĩa của việc phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống trong đời sống đương đại. GV có thể cho HS thực hiện theo nhóm. Nếu có điều kiện, có thể cho HS viết một đoạn văn ngắn hoặc làm bản báo cáo ngắn kết quả tìm hiểu, trải nghiệm của mình.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VẦN 10, TẬP MỘT – SÁCH GIÁO VIÊN (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HG XV001M22

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1146-2022/CXBIPH/34-708/GD

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-32759-8

Tập 2: 978-604-0-32760-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|--|
| 1. NGỮ VĂN 10, TẬP MỘT - Sách giáo viên | 13. VẬT LÍ 10 - Sách giáo viên |
| 2. NGỮ VĂN 10, TẬP HAI - Sách giáo viên | 14. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP VẬT LÍ 10 - Sách giáo viên |
| 3. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10 - Sách giáo viên | 15. HOÁ HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 4. TOÁN 10 - Sách giáo viên | 16. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP HOÁ HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 5. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP TOÁN 10 - Sách giáo viên | 17. SINH HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 6. TIẾNG ANH 10
Friends Global - Teacher's Guide | 18. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP SINH HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên | 19. ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên |
| 8. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên | 20. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên |
| 9. ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên | 21. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 1) - Sách giáo viên |
| 10. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên | 22. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 2) - Sách giáo viên |
| 11. GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên | 23. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10 -
Sách giáo viên |
| 12. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên | |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-32759-8



Giá: 33.000 đ